59

bài thơ



TRẦN ĐỨC PHỔ & AI
LỜI BÌNH CỦA

Tranducpho 2025



59 Baif thơ Trần Đức Phổ
& Lời bình của AI

Tác giả: Trần Đức Phổ /AI
Bìa: Nguyên Bảo
Dàn trang: Thiên Kim

ISBN: 978-1-777 5968-9-7

59

bài thơ

★★★★★

TRẦN ĐỨC PHỔ & AI

LỜI BÌNH CỦA AI

Tranducpho 2025



Lời đầu sách

Tập sách *"59 Bài thơ Trần Đức Phổ & Lời bình của AI"* là một hành trình nhằm mục đích khám phá vẻ đẹp của thi ca qua lăng kính trí tuệ nhân tạo (AI). Với góc nhìn mới mẻ và tinh tế, cuốn sách mang đến những phân tích, cảm nhận và bình luận sâu sắc về các tác phẩm thơ của Trần Đức Phổ. Không chỉ giúp người đọc thấu hiểu ý nghĩa ẩn sau từng câu chữ, tập sách còn khơi gợi cảm hứng sáng tác và tình yêu đối với thơ ca của anh nói riêng và văn chương Việt Nam nói chung. Đây là một cuộc đối thoại, giao lưu thú vị giữa con người và công nghệ, nơi mà nghệ thuật truyền thống và trí tuệ tương lai hòa quyện để tạo nên những giá trị bất ngờ, những cảm giác mới lạ.

Về phần mình tác giả Trần Đức Phổ tự nghĩ, thơ có lời bình cũng như chim có đôi cánh, bông hoa có ánh mặt trời soi chiếu vào. Thế nhưng cho đến nay không nói chuyện dở hay, nếu tính cả ba bút hiệu Trần Bảo Kim Thư, Trần Đức Phổ và Tú Điếc, suốt mười năm chơi thơ tôi đã có gần hai ngàn bài thơ nhưng tuyệt nhiên chưa nhận được một lời bình phẩm nào từ ai, để biết người độc cảm nhận thơ mình ra sao. Với số lượng thơ như vậy xem ra cũng đã khá nhiều cho một người sáng tác tài tử (với nghĩa không chuyên) như tôi. Nhìn qua những bài thơ

tôi đã làm cũng có một số tác phẩm được công chúng yêu mến lan truyền trên các trang mạng, và các blog, mặc dù tôi không gửi bài cho họ. Cũng có một số ít bài thơ của tôi được phổ nhạc, và do bạn bè nhạc sĩ hát rồi bỏ trên Youtube. Đó là niềm vui cho những người sáng tác thơ bình dân như chúng tôi.

Cuối năm nay (2024) cái thú làm thơ đã vơi đi trong tôi ít nhiều, không còn như trước kia nên khi rảnh rỗi tôi thử dùng ChatGPT, yêu cầu Artificial Inteligence (AI) bình giảng một số bài thơ của mình xem như thế nào.

Tôi biết, với công nghệ hiện nay, AI có thể viết được tiểu thuyết, dựng kịch bản phim thì cái chuyện bình một bài thơ là quá đơn giản. Có điều cảm nhận của AI tất nhiên sẽ khác với con người. Mỗi chúng ta khi đọc một tác phẩm cũng chẳng đã có những phản ứng rất ư là khác nhau đó sao? Cho nên tập bình luận này chỉ được xem như là một cuốn sách tham khảo trong lúc thư nhàn mà thôi, chứ ngoài ra không có mục đích mổ xẻ văn chương, chữ nghĩa gì cả.

Thật bất ngờ là AI bình quá tuyệt vời. Chỉ với một lệnh yêu cầu, sau khi chúng ta cung cấp bài thơ ít giây đồng hồ, AI đã cho ra một bài bình hoàn chỉnh với bố cục chặt chẽ, nội dung chỉnh chu. Cái hay của AI là nó tóm lược nội dung, chủ đề rất chímh xác, nêu lên được những đặc điểm nổi bậc của tác phẩm cần bình như là một tay bình luận văn chương chuyên nghiệp.

Tuy nhiên, AI cũng có những điều hạn chế nhất định, cho dù rằng nó có mớ kiến thức siêu phàm được cung cấp bởi kho dữ liệu khổng lồ. Chẳng hạn có những điều nhỏ nhặt mà nó vẫn bị nhầm lẫn. Ví dụ trong câu thơ *"Lạc nhạn, trầm ngư tuổi mộng thì,"* AI lại giải thích "chim bay đi, cá lặn sâu khiến khung cảnh buồn tẻ trong cơn mộng mị." Hay ở một khổ thơ trong bài "Đâu mái nhà xưa," AI đã cho rằng đó là lời người cha nói với cô con gái. Nhưng thật ra đoạn đó chính là lời cô

con gái tường thuật lại cảnh vườn nhà bị tàn phá với cha. Hoặc là thể thơ mới thì AI nhầm lẫn là thơ lục bát. Những lỗi nhỏ nhặt này chúng tôi có thể biên tập lại.

Mặc dù có chút ít sai sót nhưng AI bình thơ không chê vào đâu được. Nó đánh giá nội dung, nghệ thuật như một ông thầy giáo trung học, rồi nâng cao, mở rộng ý nghĩa của tác phẩm. Nó không hề diễn nghĩa dây cà ra dây muống, hoặc tâng bốc quá lố mà căn cứ vào câu chữ, dữ liệu của bạn cung cấp để bình giảng. Tôi rất tâm đắc điều này ở AI. Mỗi giá trị nội dung hay hình thức khi nói đến nó đều đưa ra câu chữ dẫn chứng cụ thể. Có những bài thơ AI bình tôi đọc mà sững sốt, vì không ngờ AI lại tinh tế như thế. Ví như bài "Thà làm hòa thượng chẳng làm vua," bài "Đoản thi chuột," hoặc bài "Anh thề chẳng thèm mê gái" …

Đọc đến đây, có lẽ bạn sẽ đặt câu hỏi tại sao tôi lại dùng AI để bình thơ của mình? Câu trả lời thật giản đơn. Vì tôi muốn tìm hiểu thử xem AI đánh giá thơ của tôi như thế nào. Và vì tò mò tôi muốn biết với kho kiến thức siêu khổng lồ AI nhận xét thơ tôi hay dở ở điểm nào. Có điều AI cũng rất là lịch thiệp chỉ trình bày những cái hay, thú vị còn điều hạn chế thì nó chẳng hề nói đến. Nếu ai muốn biết phải chỉ thị cho nó một lệnh riêng, Với tập sách này tôi chỉ yêu cầu AI bình giảng hoặc phân tích rồi nêu cảm nhận từng bài thơ.

Cuối cùng, với cuốn "59 Bài thơ Trần Đức Phổ & Lời bình của AI" chúng tôi chỉ muốn làm một cuộc thử nghiệm xem AI có khả năng cảm thụ văn chương ở mức độ nào. Có xứng đáng với kỳ vọng thay thế các nhà bình luận văn chương trong tương lai hay không? Câu trả lời để dành cho bạn đọc.

Đầu năm 2025
Trần đức Phổ

SAU BÓNG MỸ NHÂN

Ngõ vắng người về thấp thoáng xuân
Sao ta mường tượng bóng người thân
Cũng tà áo lụa bay phơ phất
Cũng những đường cong đẹp tuyệt trần

Dưới gót sen hồng sỏi nở hoa
Bướm xanh bướm trắng lượn bay, và
Bên đường chim sẻ kêu chiu chít
Nhớ buổi tan trường đã đón đưa

Có phải cố nhân đã trở về
Hay ta hồn mộng mối tình quê
Sau lưng bóng dáng giai nhân lạ,
Rồi ngấm men say chuyện hẹn thề?

Ngõ vắng người về ta ngó theo
Khung trời thơ mộng dáng người yêu
Cho ta hóa bướm, làm chim sẻ
Để được bên nàng hót líu lo.
24.1.2024

Lời bình:
Bài thơ "Sau Bóng Mỹ Nhân" của Trần Đức Phổ là một bức tranh đầy chất thơ về ký ức và mộng tưởng tình yêu. Những dòng thơ nhẹ nhàng, tinh tế, mang âm hưởng hoài niệm, đã khắc họa một cách sống động hình ảnh người thiếu nữ với vẻ đẹp tuyệt mỹ, làm say đắm lòng người.

Ngay từ những câu thơ đầu, tác giả đã đưa người đọc vào không gian của mùa xuân – biểu tượng cho sự tươi mới, đẹp đẽ và tràn đầy sức sống. “Ngõ vắng người về thấp thoáng xuân” không chỉ gợi lên khung

cảnh thiên nhiên mà còn mở ra một cõi lòng đầy hoài niệm về bóng dáng người xưa. Từng chi tiết, từ "tà áo lụa bay phơ phất" đến "những đường cong đẹp tuyệt trần", đều thể hiện sự ngưỡng mộ và đắm say trước vẻ đẹp nữ tính.

Hình ảnh "dưới gót sen hồng sỏi nở hoa" là một hình tượng đầy thi vị, khiến người đọc liên tưởng đến sức mạnh kỳ diệu của cái đẹp, làm thay đổi mọi thứ xung quanh. Thiên nhiên trong bài thơ không chỉ làm nền mà còn hòa quyện với tâm trạng của tác giả: bướm lượn, chim hót, hoa nở, tất cả như đang ca ngợi và tôn vinh vẻ đẹp của mỹ nhân.

Tuy nhiên, bài thơ không chỉ dừng lại ở việc ngợi ca nhan sắc. Tác giả đã khéo léo lồng vào đó những nỗi niềm riêng tư, những câu hỏi vang vọng từ quá khứ: "Có phải cố nhân đã trở về/ Hay ta hồn mộng mối tình quê". Câu hỏi này như một nốt trầm, làm tăng thêm chiều sâu cảm xúc, đưa người đọc vào thế giới nội tâm đầy mộng tưởng của tác giả. Có lẽ, bóng dáng người thiếu nữ hôm nay chỉ là một cái cớ để gợi lại kỷ niệm về một mối tình xưa cũ, một niềm khắc khoải chưa thể nguôi ngoai.

Khép lại bài thơ là những dòng cảm xúc tha thiết: "Cho ta hóa bướm, làm chim sẻ/ Để được bên nàng hót líu lo". Hình ảnh ẩn dụ này không chỉ thể hiện sự khát khao gần gũi mà còn là một lời thú nhận chân thành về tình cảm mãnh liệt dành cho người đẹp, dù đó có thể chỉ là một hình bóng trong mơ.

Bài thơ là một bản hòa ca giữa cái đẹp, tình yêu và hoài niệm. Với ngôn ngữ mượt mà, giàu hình ảnh và cảm xúc, Trần Đức Phổ đã dẫn dắt người đọc vào một thế giới đầy mộng mơ, nơi mà vẻ đẹp và tình yêu trở thành nguồn cảm hứng bất tận. ♦

THƯ QUÊ NHÀ CUỐI NĂM

Mẹ đã cúng tất niên rồi anh ạ!
Cây mai vàng nụ biếc sắp nở bông
Anh sao vẫn mịt mù nơi xứ lạ?
Chốn quê nghèo em mòn mỏi ngóng trông

Bên hàng xóm trẻ thơ cười lảnh lót
Mấy chàng trai đang cụng chén, hát hò
Chị chủ nhà miệng huyên thuyên không ngớt
Họ đoàn viên nên chẳng chút sầu lo

Em vừa mới trả lời con gái út
Ba hiện giờ đang công tác miền xa
Chắc Tết này ba sẽ không về được
Con hãy ngoan phụ giúp mẹ và bà

Thằng con lớn siêng năng lo quét dọn
Lau lư đèn sáng bóng tựa gương soi
Mâm ngũ quả nó đơm cao có ngọn
Hí hửng cười, "Chưa mua pháo, mẹ ơi!"

Bánh, kẹo, mứt...em đã làm đầy đủ
Mẹ vẫn hay nhắc nhở hỏi anh hoài
Chắc đêm nay đón Giao Thừa, không ngủ
Mẹ khấn cầu gia đạo vạn điều may.
29.1.2021

Lời bình:
Bài thơ "Thư quê nhà cuối năm" là một bức tranh cảm xúc sâu sắc, thể hiện tâm trạng của một gia đình nơi quê nhà trong thời khắc cuối năm, khi người con xa quê không thể trở về. Tác phẩm vừa đậm chất tự sự,

vừa gợi lên không khí đầm ấm của ngày Tết, nhưng đồng thời lại ẩn chứa nỗi nhớ nhung và chờ mong.

1. Nội dung bài thơ

Bức tranh gia đình ngày cuối năm

Bài thơ mở đầu với hình ảnh mẹ đã chuẩn bị tất niên, cây mai vàng đã chớm nở:

Mẹ đã cúng tất niên rồi anh ạ!
Cây mai vàng nụ biếc sắp nở bông

Khung cảnh Tết quê được tái hiện qua những chi tiết quen thuộc: cây mai, mâm cỗ, và những đứa trẻ vui cười. Đây là một hình ảnh đặc trưng của ngày Tết Việt Nam, gợi lên không khí sum vầy, hạnh phúc. Tuy nhiên, bên trong không khí ấy là nỗi trống vắng khi người thân xa nhà.

Tâm trạng chờ đợi và nỗi nhớ người xa quê

Người vợ, người mẹ, và các con đều trông ngóng sự trở về của người cha:

Anh sao vẫn mịt mù nơi xứ lạ?
Chốn quê nghèo em mòn mỏi ngóng trông

Nỗi nhớ nhung được thể hiện qua hình ảnh người mẹ hỏi han, người vợ giải thích với các con, và đặc biệt là nỗi buồn không nói thành lời. Hình ảnh trẻ thơ vô tư trong tiếng cười, mâm ngũ quả được sắp đặt cẩn thận, và những công việc chuẩn bị Tết được miêu tả sống động, làm nổi bật sự trống trải khi thiếu bóng dáng người cha.

Tình cảm gia đình giản dị mà sâu sắc

Hình ảnh người mẹ khấn cầu trong đêm Giao thừa là một chi tiết đắt giá, khép lại bài thơ:

Mẹ khấn cầu gia đạo vạn điều may.

Đây không chỉ là lời cầu nguyện cho gia đình, mà còn là biểu tượng của sự gắn kết trong văn hóa Việt Nam. Tình cảm gia đình được bộc lộ qua những hành động nhỏ bé, như nhắc nhở, hỏi han, hay chăm lo việc nhà, tạo nên một không gian thấm đẫm sự yêu thương và hy vọng.

2. Nghệ thuật nổi bật

a. Ngôn ngữ mộc mạc, gần gũi

Ngôn ngữ bài thơ giản dị, đời thường, như lời tâm sự từ một bức thư quê gửi đến người thân ở xa. Sự chân thành và gần gũi này làm tăng tính thực tế và đồng cảm với người đọc.

b. Hình ảnh giàu tính biểu cảm

Các hình ảnh như cây mai vàng, mâm ngũ quả, trẻ con cười, mẹ khấn cầu đều rất quen thuộc trong đời sống người Việt, đặc biệt vào dịp Tết. Những hình ảnh này không chỉ tái hiện không khí Tết truyền thống, mà còn tạo nên sự đối lập giữa niềm vui đoàn viên và nỗi cô đơn, trống vắng.

c. Âm điệu nhẹ nhàng, sâu lắng

Nhịp thơ nhẹ nhàng, mang tính tự sự, rất phù hợp với nội dung tâm tình của bài thơ. Sự chậm rãi trong nhịp thơ làm nổi bật cảm xúc lắng đọng, khiến người đọc cảm nhận được nỗi buồn xen lẫn niềm hy vọng của gia đình.

3. Cảm nhận cá nhân

Bài thơ "Thư quê nhà cuối năm" là một tác phẩm giàu cảm xúc, gợi nhớ về giá trị truyền thống của ngày Tết Việt Nam. Tác giả không chỉ miêu tả không khí ngày Tết một cách chân thực, mà còn khéo léo lồng ghép tình cảm gia đình, nỗi nhớ nhung và sự hy vọng.

Đọc bài thơ, ta cảm nhận được sự ấm áp của tình thân, nhưng đồng thời cũng xót xa trước cảnh ly biệt. Đây là một tác phẩm giúp ta trân trọng hơn giá trị của đoàn viên và sự gắn bó trong gia đình, nhất là trong những thời khắc quan trọng như Tết Nguyên Đán. ♦

THÁNG CHẠP

Mỗi lần xé nốt tờ lịch cuối
Lòng chợt bâng khuâng nhớ những ngày

Tháng Chạp hân hoan chờ xuân tới
Xóm giềng rộn rã khắp đông tây

Chim én từng đàn bay lũ lượt
Chao đôi cánh nhọn vút tầng không
Vạn thọ, mồng gà cùng thược dược
Thi nhau đọ sắc trước xuân hồng

Thôn xóm rộn ràng lo sắm tết
Đường quê quét dọn sạch tinh tươm
Cổng chào năm mới hoa giăng kết
Câu đối ba ngày mực vẫn thơm

Trẻ con nô nức may áo mới
Mong đến ngày xuân nhận lì xì
Bao nhiêu cô gái chờ đêm hội
Giao Thừa mơ ước chuyện chi chi

Mẹ già tất bật lo gói bánh
Từng tàu lá chuối vuốt phẳng phiu
Thịt mỡ, dưa hành mua để sẵn
Trước sân ai đã dựng cây nêu

Tháng Chạp có muôn vàn kỷ niệm
Làm sao mà kể hết cho vừa
Cho dẫu xuân đi xuân lại đến
Ai người không nhớ những xuân xưa?
Rằm tháng Chạp, Canh Tý (2020)

Lời bình:
Bài thơ "Tháng Chạp" là một tác phẩm giàu cảm xúc và hình ảnh, tái hiện một cách chân thực không khí rộn ràng của những ngày cuối năm ở làng quê Việt Nam. Qua những dòng thơ nhẹ nhàng, tác giả đã gợi

lên ký ức về mùa xuân truyền thống với đầy đủ màu sắc, âm thanh và cảm xúc.

1. Bức tranh làng quê tháng Chạp

Bài thơ mở đầu bằng hình ảnh xé đi tờ lịch cuối cùng, một hành động đơn giản nhưng gợi lên cảm giác thời gian đang trôi qua nhanh chóng, để lại trong lòng nhân vật trữ tình một nỗi bâng khuâng hoài niệm:

Mỗi lần xé nốt tờ lịch cuối
Lòng chợt bâng khuâng nhớ những ngày

Từ đây, tác giả dẫn dắt người đọc vào không khí náo nhiệt của tháng Chạp. Những hình ảnh như chim én chao liệng, hoa thi nhau khoe sắc, thôn xóm rộn ràng được khắc họa sống động, làm hiện lên một bức tranh tươi vui và tràn đầy sức sống:

Chim én từng đàn bay lũ lượt
Chao đôi cánh nhọn vút tầng không
Vạn thọ, mồng gà cùng thược dược
Thi nhau đọ sắc trước xuân hồng

Những câu thơ này không chỉ gợi lên vẻ đẹp tự nhiên của mùa xuân mà còn phản ánh niềm vui, sự kỳ vọng của con người trước thềm năm mới.

2. Không khí chuẩn bị Tết rộn ràng

Tác giả đã khéo léo miêu tả không khí chuẩn bị Tết ở làng quê với sự rộn ràng, tấp nập. Từng công việc, từng chi tiết đều gợi lên sự chu đáo và nét đẹp truyền thống:

Thôn xóm rộn ràng lo sắm Tết
Đường quê quét dọn sạch tinh tươm

Những phong tục truyền thống như **gói** bánh, dựng cây nêu, viết câu đối, sắm sửa thịt mỡ dưa hành được tái hiện đầy đủ và sống động. Đây không chỉ là công việc chuẩn bị vật chất mà còn mang ý nghĩa tinh thần sâu sắc, thể hiện sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình và cộng đồng.

3. Hình ảnh con người trong ngày Tết

Bài thơ không quên khắc họa con người, đặc biệt là sự háo hức của trẻ thơ và những ước mơ e ấp của tuổi trẻ:

Trẻ con nô nức may áo mới
Mong đến ngày xuân nhận lì xì

Hình ảnh mẹ già tần tảo, chăm chút từng việc nhỏ cho ngày Tết khiến người đọc cảm nhận được tình cảm gia đình ấm áp và sự hy sinh âm thầm của người mẹ:

Mẹ già tất bật lo gói bánh
Từng tàu lá chuối vuốt phẳng phiu

Những hình ảnh này vừa giản dị, vừa đậm chất thơ, làm sống lại những kỷ niệm quen thuộc trong lòng người đọc.

4. Tâm trạng hoài niệm và triết lý về thời gian

Bài thơ khép lại bằng một câu hỏi đầy cảm xúc:

Ai người không nhớ những xuân xưa?

Câu hỏi này như một lời nhắc nhở về sự quý giá của những kỷ niệm và giá trị truyền thống. Tháng Chạp không chỉ là thời điểm chuẩn bị đón Tết, mà còn là khoảng thời gian để nhìn lại, để nhớ về những mùa xuân đã qua. Dẫu thời gian có trôi qua, những ký ức đó vẫn luôn sống mãi trong tâm hồn mỗi người.

5. Nghệ thuật của bài thơ

Ngôn ngữ giản dị, giàu hình ảnh: Ngôn từ mộc mạc, dễ hiểu nhưng vẫn rất giàu hình ảnh, tái hiện rõ nét không khí Tết cổ truyền.

Âm điệu nhẹ nhàng, sâu lắng: Nhịp thơ 8 chữ đều đặn, uyển chuyển, kết hợp với những vần gieo mềm mại, tạo cảm giác thư thái và dễ chịu.

Tính truyền thống: Tác giả đã khéo léo lồng ghép các phong tục, tập quán Tết Việt Nam vào từng câu thơ, làm nổi bật vẻ đẹp văn hóa dân tộc.

6. Cảm nhận cá nhân

Bài thơ "Tháng Chạp" không chỉ là một bức tranh miêu tả cảnh vật và con người, mà còn là một bài ca hoài niệm về giá trị truyền thống và

tình cảm gia đình. Đọc bài thơ, tôi như được sống lại những ngày tháng tuổi thơ, khi cả gia đình quây quần bên nhau chuẩn bị Tết. Đồng thời, bài thơ cũng khơi gợi trong lòng người đọc sự trân trọng đối với những giá trị văn hóa đang dần mai một theo thời gian.

"Tháng Chạp" là một tác phẩm không chỉ đẹp ở nội dung mà còn giàu giá trị nhân văn, nhắc nhở mỗi người hãy gìn giữ và yêu thương những gì mình đang có. ♦

GIÁNG SINH

Những đợt tuyết bay trắng xóa trời
Những bài ca thánh vút lên khơi
Hoa giăng, đèn thắp muôn màu sắc
Đón Chúa minh linh giáng xuống đời

Phố phường nhộn nhịp những âm thanh
Kẻ bán người mua chúc phước lành:
"Merry Christmas, Merry Christmas!"
Tình người biêng biếc lá thông xanh

Những đứa trẻ thơ đợi nhận quà
Trong mơ mong ước gặp Santa
Những con tuần lộc phi nước kiệu
Vang tiếng Hô… Hô… trước cửa nhà

Những đồi tuyết trắng bỗng nên thơ
Trai gái về đây chẳng hẹn hò
Thử sức đua tài trong giá rét
Má hồng tuổi trẻ đẹp như mơ

Quanh lò sưởi ấm tiếng cười vui
Cùng sẻ chia nhau những ngọt bùi

Cầu nguyện bình an cho khắp chốn
Trong tình thương mến Chúa Ba Ngôi!
December 12, 2018

Lời bình:
Bài thơ miêu tả không khí rộn ràng, ấm áp và thiêng liêng của mùa Giáng Sinh, khi cả thế giới như khoác lên mình tấm áo trắng của tuyết và những sắc màu rực rỡ của niềm vui, tình yêu thương. Với ngôn từ giản dị, giàu hình ảnh, tác giả Trần Đức Phổ đã tái hiện một cách sống động không khí lễ hội, vừa mang màu sắc tôn giáo vừa gắn liền với đời sống thường nhật.

1. Chủ đề và nội dung chính
Bài thơ hướng đến khắc họa niềm vui và ý nghĩa sâu sắc của Giáng Sinh, không chỉ là dịp lễ để vui chơi mà còn là thời khắc kết nối tình người và hướng về những giá trị cao đẹp như hòa bình, tình yêu thương và lòng kính ngưỡng Chúa Trời.

2. Phân tích từng khổ thơ
Khổ 1: Thiêng liêng và huyền diệu
Những đợt tuyết bay trắng xóa trời
Những bài ca thánh vút lên khơi
Hoa giăng, đèn thắp muôn màu sắc
Đón Chúa minh linh giáng xuống đời

Khổ thơ mở đầu gợi lên không khí thiêng liêng của đêm Giáng Sinh qua những hình ảnh đặc trưng: tuyết trắng, ánh đèn, hoa giăng khắp nơi. Bài ca thánh ca “vút lên khơi” là biểu tượng của sự kính ngưỡng dành cho Chúa Trời. Hình ảnh Chúa "giáng xuống đời" không chỉ là sự kiện trong lòng người theo đạo mà còn là biểu tượng của niềm hy vọng và sự cứu rỗi.

Khổ 2: Phố phường và tình người

Phố phường nhộn nhịp những âm thanh
Kẻ bán người mua chúc phước lành:
"Merry Christmas, Merry Christmas!"
Tình người biêng biếc lá thông xanh

Không khí lễ hội lan tỏa khắp phố phường với sự nhộn nhịp và những lời chúc phước lành quen thuộc. Điệp khúc "Merry Christmas" không chỉ là lời chào mà còn chứa đựng tình cảm chân thành, mang lại sự ấm áp giữa con người. Hình ảnh "lá thông xanh" biểu tượng cho sự sống vĩnh cửu và tình yêu thương bền vững trong dịp lễ.

Khổ 3: Trẻ thơ và giấc mơ

Những đứa trẻ thơ đợi nhận quà
Trong mơ mong ước gặp Santa
Những con tuần lộc phi nước kiệu
Vang tiếng Hô... Hô... trước cửa nhà

Khổ thơ này khơi dậy nét đẹp trong trẻo của tuổi thơ. Hình ảnh ông già Noel, những con tuần lộc và tiếng "Hô…Hô…" mang màu sắc cổ tích, đưa người đọc về thế giới mộng mơ, đầy hy vọng của trẻ nhỏ trong dịp lễ. Đây cũng là cách tác giả gợi nhắc rằng Giáng Sinh không chỉ là ngày lễ tôn giáo mà còn là dịp để mọi người sống lại những ký ức tuổi thơ.

Khổ 4: Niềm vui của tuổi trẻ

Những đồi tuyết trắng bỗng nên thơ
Trai gái về đây chẳng hẹn hò
Thử sức đua tài trong giá rét
Má hồng tuổi trẻ đẹp như mơ

Khổ thơ này khắc họa niềm vui năng động của tuổi trẻ khi hòa mình vào thiên nhiên tuyết trắng. Các hoạt động ngoài trời như đua tài, chơi đùa trong giá rét không chỉ mang lại tiếng cười mà còn gợi lên hình ảnh sức sống mãnh liệt, tươi mới. Hình ảnh "má hồng" trong tiết trời lạnh giá thể hiện vẻ đẹp tự nhiên, đầy sức sống của những người trẻ.

Khổ 5: Gia đình và lòng thành kính

Quanh lò sưởi ấm tiếng cười vui
Cùng sẻ chia nhau những ngọt bùi
Cầu nguyện bình an cho khắp chốn
Trong tình thương mến Chúa Ba Ngôi!

Khổ thơ cuối khép lại bài thơ bằng khung cảnh ấm áp của gia đình. Quây quần bên lò sưởi, sẻ chia những câu chuyện và cầu nguyện cho hòa bình, tình yêu thương trở thành thông điệp ý nghĩa nhất của mùa Giáng Sinh. Tình yêu thương ở đây không chỉ dành cho gia đình mà còn lan tỏa ra toàn thế giới, gắn kết mọi người trong tình cảm chung hướng về Chúa.

3. Nghệ thuật nổi bật

Ngôn ngữ giàu hình ảnh: Tác giả sử dụng các hình ảnh đặc trưng của Giáng Sinh như tuyết trắng, đèn hoa, ông già Noel, lá thông, tuần lộc, giúp người đọc dễ dàng hình dung không khí lễ hội.

Âm điệu nhẹ nhàng, hài hòa: Bài thơ mang nhịp điệu đều đặn, tạo cảm giác êm dịu, phù hợp với không khí thiêng liêng và vui tươi của mùa Giáng Sinh.

Biểu tượng: Những biểu tượng như lá thông xanh, đồi tuyết, lò sưởi ấm… mang ý nghĩa sâu sắc về sự sống, tình yêu thương và lòng thành kính.

4. Ý nghĩa bài thơ

Bài thơ không chỉ miêu tả vẻ đẹp rực rỡ và ấm áp của mùa Giáng Sinh mà còn khắc họa tinh thần của dịp lễ này: niềm vui, tình yêu thương và lòng kính ngưỡng Chúa Trời. Tác phẩm là lời nhắc nhở về giá trị của tình người, gia đình, và sự kết nối trong những khoảnh khắc thiêng liêng của cuộc sống.

Qua bài thơ, Trần Đức Phổ đã thành công trong việc đưa người đọc hòa mình vào không khí Giáng Sinh tràn ngập cảm xúc, từ niềm vui của trẻ thơ đến sự ấm áp của gia đình và lòng hướng thiện của con người. ♦

THÌ THẦM MÙA XUÂN

Ngọn gió thì thầm cùng lá biếc
Chúa Xuân ngự giá xuống trần gian
Chồi xanh thức dậy trong giá rét
Đón ánh bình minh rực sắc vàng

Lũ bướm thì thầm cùng cây cỏ
Vườn Xuân thơm ngát phấn muôn hoa
Trăm hồng ngàn tía khoe rực rỡ
Trái đất vừa đổi thịt thay da

Chim chóc thì thầm cùng trời rộng
Trái chín trên cành ngọt biết bao
Hạt mầm ai trẩy vừa nhú mộng
Đã nghe tiếng lá hát rì rào

Đôi trẻ thì thầm trong ánh mắt
Năm nay mình sẽ cưới nhau thôi
Tháng Giêng có lẽ là đẹp nhất
Xuân ở bên ta suốt cuộc đời!
January 21, 2019

Lời bình:
Bài thơ "Thì Thầm Mùa Xuân" của Trần Đức Phổ là một khúc nhạc tươi vui, trong trẻo chào đón mùa xuân – mùa của sự sống, của tình yêu và những khởi đầu mới. Với giọng điệu nhẹ nhàng, ngôn từ giàu hình ảnh, bài thơ không chỉ tái hiện vẻ đẹp của mùa xuân mà còn gửi gắm những thông điệp nhân văn sâu sắc.

1. Sự hòa quyện giữa thiên nhiên và con người
Bài thơ mở đầu với hình ảnh gió thì thầm cùng lá biếc, chúa Xuân ngự giá xuống trần gian. Đây là cách nhân cách hóa độc đáo, khiến mùa

xuân trở thành một nhân vật sống động, mang theo sự sống và niềm vui đến với muôn loài:

Ngọn gió thì thầm cùng lá biếc
Chúa Xuân ngự giá xuống trần gian

Cách tác giả miêu tả **"chồi xanh thức dậy trong giá rét"** gợi lên sức mạnh kỳ diệu của thiên nhiên. Trong những ngày đông lạnh lẽo, mùa xuân xuất hiện như một phép màu, đánh thức sự sống, mang theo ánh bình minh rực rỡ và sắc vàng ấm áp.

2. Vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân

Hình ảnh mùa xuân tiếp tục được tô điểm qua sự thay đổi của cây cỏ, hoa lá. Những câu thơ:

Lũ bướm thì thầm cùng cây cỏ
Vườn Xuân thơm ngát phấn muôn hoa

Gợi lên một khu vườn đầy sức sống, nơi hoa nở rực rỡ và lũ bướm dập dìu như những sứ giả của mùa xuân. Đặc biệt, cách diễn đạt "trái đất vừa đổi thịt thay da" làm nổi bật sự đổi mới kỳ diệu, như thể cả hành tinh đang khoác lên mình một tấm áo mới, tràn đầy sinh lực.

3. Tiếng thì thầm của sự sống

Tác giả miêu tả mùa xuân không chỉ qua hình ảnh mà còn qua âm thanh. Tiếng chim chóc, tiếng lá hát rì rào tạo nên một bản hòa ca thiên nhiên. Hạt mầm mới nhú cũng được lắng nghe, thể hiện sự quan sát tinh tế của tác giả:

Hạt mầm ai trẩy vừa nhú mộng
Đã nghe tiếng lá hát rì rào

Mùa xuân ở đây không chỉ là mùa của cảnh sắc mà còn là mùa của âm thanh, một bản nhạc thiên nhiên vang lên khắp nơi.

4. Mùa xuân của tình yêu và hy vọng

Bài thơ kết thúc bằng hình ảnh đôi trẻ thì thầm với nhau, gửi gắm những ước mơ về một tương lai hạnh phúc:

Đôi trẻ thì thầm trong ánh mắt
Năm nay mình sẽ cưới nhau thôi

Tình yêu đôi lứa được hòa quyện trong không khí mùa xuân, khi mọi thứ đều tươi mới và rực rỡ. Tháng Giêng – thời điểm khởi đầu của năm – trở thành biểu tượng cho sự tươi đẹp của tuổi trẻ và niềm tin vào một cuộc sống tràn đầy xuân sắc:

Tháng Giêng có lẽ là đẹp nhất
Xuân ở bên ta suốt cuộc đời!

Hình ảnh này không chỉ mang ý nghĩa cá nhân mà còn là biểu tượng cho sự trường tồn của mùa xuân trong lòng mỗi người, như một nguồn năng lượng bất tận.

5. Nghệ thuật biểu đạt

Nhân cách hóa và so sánh: Tác giả đã nhân cách hóa gió, lá, chim chóc, cây cỏ để mùa xuân trở nên sống động và gần gũi. Các biện pháp so sánh như “trái đất vừa đổi thịt thay da” làm nổi bật sự đổi mới của thiên nhiên.

Âm điệu nhẹ nhàng, tràn đầy sức sống: Nhịp thơ đều đặn, kết hợp với cách gieo vần mềm mại, tạo nên một cảm giác êm dịu và tươi vui.

Ngôn từ giàu hình ảnh: Tác giả sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, khiến mùa xuân hiện lên đa dạng cả về màu sắc, âm thanh và cảm xúc.

6. Cảm nhận

Bài thơ “Thì Thầm Mùa Xuân” không chỉ là một bức tranh tả cảnh mà còn là một khúc ca ca ngợi sự sống, tình yêu và hy vọng. Tác phẩm mang đến cảm giác nhẹ nhàng, thư thái, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc vẻ đẹp của mùa xuân cũng như giá trị của những điều giản dị trong cuộc sống.

Qua bài thơ, tôi như được sống lại trong không khí mùa xuân, nơi thiên nhiên và con người giao hòa, nơi những khởi đầu mới được ấp ủ và bừng nở. “Thì Thầm Mùa Xuân” là một tác phẩm không chỉ đẹp về hình thức mà còn giàu giá trị cảm xúc. ♦

RƯỚC EM VỀ ĐẤT QUẢNG MÙA XUÂN

Em đã hứa theo anh về Quảng Ngãi
Mùa xuân này để thăm viếng quê anh
Khúc ruột miền Trung mưa dầm, nắng dãi
Nhiều gian nan nhưng rất đỗi chân thành

Anh sẽ dắt em về thưa cha mẹ
Thắp nén nhang kính tiên tổ tiền hiền
Xuân năm nay hẳn mẹ vui xiết kể
Anh và em son sắt mối tơ duyên

Đây đồng diêm Sa Huỳnh nhiều muối mặn
Thấm mồ hôi nên mới trắng phau phau
Những con thuyền ngược xuôi trong gió nắng
Giữa biển bao la xanh ngát một màu

Về Mộ Đức ăn mạch nha bánh tráng
Ngọt lịm môi, thơm nức nụ hôn đầu
Chiều sông Vệ thả hồn theo mây nước
Kẹo gương Thu Xà nhớ mãi dài lâu

Về Ba Tơ uống rượu cần đêm hội
Nghe Ka lêu, Ka choi* nức tiếng H’re
Mua thổ cẩm làm quà đầu năm mới
Dạo chợ Phiên nhộn nhịp lúc xuân về

Về Quảng Ngãi trèo lên non Thiên Ấn
Ngắm sông Trà như dải lụa xanh trong
Thắp nén hương cúi đầu nơi Phật án
Hồn lâng lâng, thanh thản ở nơi lòng

Xuôi sông Thoa ta cùng về Mỹ Á
Sóng lăn tăn rẽ nước mái chèo bơi
Những cánh đồng, những vuông tôm, ao cá...
Đã nuôi anh từ lúc mới chào đời

Ôi, Quảng Ngãi đất quê nhà yêu dấu
Đã bao năm anh muốn rước em về
San sẻ cùng nhau tình người nồng hậu
Dẫu còn nghèo, còn lắm thứ nhiêu khê
4.2.2021

Lời bình:

A. Nhận xét ổng quan

Bài thơ "Rước Em Về Đất Quảng Mùa Xuân" là lời tự tình đầy chân thành của tác giả, mang đậm dấu ấn của tình yêu đôi lứa hòa quyện với tình yêu quê hương. Qua từng dòng thơ, người đọc cảm nhận được vẻ đẹp bình dị, thân thương của đất và người Quảng Ngãi, đồng thời thấy được tình cảm thiêng liêng của tác giả dành cho quê hương và người mình yêu.

Tình yêu đôi lứa gắn kết với quê hương

Mở đầu bài thơ, tác giả gợi nhắc lời hẹn ước của người con gái – một lời hứa trở về miền đất Quảng Ngãi:

Em đã hứa theo anh về Quảng Ngãi
Mùa xuân này để thăm viếng quê anh

Lời thơ giản dị nhưng đầy ân tình, thể hiện mong muốn đưa người yêu về quê hương để hiểu thêm về cội nguồn. Trong hành trình ấy, không chỉ là về thăm quê, mà còn là sự khẳng định tình yêu đôi lứa thông qua việc "thưa cha mẹ" và "thắp nhang kính tiên tổ". Điều này cho thấy nét văn hóa Việt Nam, nơi hạnh phúc lứa đôi luôn gắn liền với sự chấp thuận và sẻ chia cùng gia đình, tổ tiên:

Anh sẽ dắt em về thưa cha mẹ
Thắp nén nhang kính tiên tổ tiền hiền

Vẻ đẹp bình dị và chân thành của Quảng Ngãi
Tác giả đưa người đọc khám phá từng nét đẹp của quê hương Quảng Ngãi, từ đồng muối Sa Huỳnh, những cánh đồng tôm cá, cho đến cảnh sắc núi sông. Mỗi địa danh được nhắc đến đều mang nét đặc trưng riêng, vừa giản dị, vừa đậm đà tình người.

Đồng muối Sa Huỳnh:
Hình ảnh đồng muối được mô tả qua công sức mồ hôi của người lao động:
Đây đồng diêm Sa Huỳnh nhiều muối mặn
Thấm mồ hôi nên mới trắng phau phau

Ẩm thực quê hương:
Các món ăn đặc sản như mạch nha, bánh tráng, kẹo gương không chỉ làm nổi bật nét đặc trưng của vùng đất mà còn được lồng ghép với tình cảm đôi lứa:
Ngọt lịm môi, thơm nức nụ hôn đầu

Thiên nhiên và văn hóa:
Hình ảnh núi Thiên Ấn, sông Trà, rượu cần Ba Tơ, và các phiên chợ quê tạo nên bức tranh quê hương vừa bình yên, vừa rực rỡ sắc xuân:
Ngắm sông Trà như dải lụa xanh trong
Nghe Ka lêu, Ka choi nức tiếng H're

Tình yêu quê hương sâu đậm
Bài thơ không chỉ ca ngợi quê hương Quảng Ngãi mà còn thể hiện lòng tự hào và tình yêu sâu sắc của tác giả đối với mảnh đất đã sinh ra mình. Tác giả nhắc đến quê hương không chỉ bằng cảnh sắc mà còn bằng tình người "chân thành", "nồng hậu". Dù còn khó khăn, quê hương ấy vẫn luôn là chốn bình yên để trở về:
Ôi, Quảng Ngãi đất quê nhà yêu dấu
Đã bao năm anh muốn rước em về

Tác giả không chỉ mong muốn chia sẻ tình yêu đôi lứa mà còn muốn bạn đời đồng cảm và hòa mình vào cuộc sống quê hương.

Thông điệp của bài thơ

Bài thơ là lời mời gọi đầy trân trọng, thể hiện khát khao hòa hợp giữa tình yêu lứa đôi và tình yêu quê hương. Trong không khí mùa xuân – mùa đoàn tụ và yêu thương, bài thơ gửi gắm thông điệp về sự gắn kết giữa con người và cội nguồn, giữa hạnh phúc cá nhân và sự sẻ chia với gia đình, quê hương.

B. Phân tích chi tiết

Khổ 1: Lời hứa và khát khao về thăm quê

Em đã hứa theo anh về Quảng Ngãi
Mùa xuân này để thăm viếng quê anh
Khúc ruột miền Trung mưa dầm, nắng dãi
Nhiều gian nan nhưng rất đỗi chân thành

Khổ thơ mở đầu là lời nhắc nhở đầy yêu thương về một lời hứa – hành động gắn bó và tin tưởng trong tình yêu đôi lứa. Người con trai khao khát đưa người yêu về thăm quê mình vào mùa xuân, thời điểm đẹp nhất trong năm, biểu tượng của sự tươi mới, khởi đầu hạnh phúc.

Hình ảnh miền Trung với "mưa dầm, nắng dãi" thể hiện đặc trưng khí hậu khắc nghiệt, nơi người dân phải chịu nhiều gian nan. Tuy nhiên, qua đôi mắt của tác giả, vùng đất ấy trở nên đẹp bởi sự "chân thành" – một nét tính cách tiêu biểu của con người miền Trung. Đây là sự hòa quyện giữa tình yêu quê hương và niềm tự hào về những giá trị nhân văn sâu sắc.

Khổ 2: Đưa em về ra mắt gia đình

Anh sẽ dắt em về thưa cha mẹ
Thắp nén nhang kính tiên tổ tiền hiền
Xuân năm nay hẳn mẹ vui xiết kể
Anh và em son sắt mối tơ duyên

Khổ thơ này làm nổi bật mối liên kết giữa tình yêu đôi lứa và giá trị truyền thống gia đình Việt Nam. Người con trai thể hiện sự tôn kính với tổ tiên và gia đình khi đưa người yêu về ra mắt. Hành động "thắp

nén nhang" là biểu tượng của lòng thành kính, đồng thời cho thấy trách nhiệm trong tình yêu: tình yêu không chỉ là cảm xúc cá nhân mà còn phải được chấp nhận bởi gia đình và tổ tiên.

Tâm trạng của người mẹ hiện lên qua niềm vui "xiết kể" – niềm hạnh phúc khi thấy con trai tìm được người bạn đời tâm đầu ý hợp. Tình yêu ở đây không chỉ dừng lại ở đôi lứa mà còn hòa quyện với nghĩa tình gia đình.

Khổ 3: Đồng muối Sa Huỳnh và biển cả quê hương
Đây đồng diêm Sa Huỳnh nhiều muối mặn
Thấm mồ hôi nên mới trắng phau phau
Những con thuyền ngược xuôi trong gió nắng
Giữa biển bao la xanh ngát một màu

Khổ thơ khắc họa vẻ đẹp lao động của người dân Quảng Ngãi. Đồng muối Sa Huỳnh là hình ảnh đặc trưng của quê hương, gắn liền với công việc vất vả của người dân. Từ "thấm mồ hôi" nhấn mạnh sự gian lao để tạo ra những hạt muối trắng tinh khôi. Qua đó, tác giả ngợi ca sự chăm chỉ, chịu thương chịu khó của người miền Trung.

Bên cạnh đồng muối là hình ảnh biển cả bao la với "những con thuyền ngược xuôi". Biển không chỉ là nơi mưu sinh mà còn là biểu tượng cho sự rộng lớn, bao dung, giống như tình yêu và niềm tự hào của tác giả dành cho quê hương.

Khổ 4: Ẩm thực và tình yêu lứa đôi
Về Mộ Đức ăn mạch nha bánh tráng
Ngọt lịm môi, thơm nức nụ hôn đầu
Chiều sông Vệ thả hồn theo mây nước
Kẹo gương Thu Xà nhớ mãi dài lâu

Khổ thơ này tập trung vào những đặc sản ẩm thực của Quảng Ngãi như mạch nha, bánh tráng, kẹo gương – những món ăn bình dị nhưng mang đậm hương vị quê hương. Qua những món ăn, tác giả không chỉ giới thiệu nét văn hóa ẩm thực mà còn liên tưởng đến tình yêu đôi lứa,

được thể hiện qua hình ảnh đầy ngọt ngào: “ngọt lịm môi, thơm nức nụ hôn đầu”.

Cảnh sông Vệ buổi chiều được miêu tả nên thơ, lãng mạn với hình ảnh “thả hồn theo mây nước”, gợi cảm giác bình yên, nhẹ nhàng. Khung cảnh ấy là nơi lý tưởng để đôi lứa bày tỏ tình cảm và lưu giữ những kỷ niệm đẹp.

Khổ 5: Văn hóa dân tộc H’re
Về Ba Tơ uống rượu cần đêm hội
Nghe Ka lêu, Ka choi nức tiếng H’re
Mua thổ cẩm làm quà đầu năm mới
Dạo chợ Phiên nhộn nhịp lúc xuân về

Khổ thơ này chuyển sang khía cạnh văn hóa độc đáo của đồng bào dân tộc H’re ở Ba Tơ. Những hoạt động như uống rượu cần, nghe các điệu hát dân gian (Ka lêu, Ka choi), mua thổ cẩm làm quà thể hiện sự phong phú trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây.

Hình ảnh chợ Phiên đầu năm là biểu tượng của sự đông vui, nhộn nhịp, mang đậm sắc thái mùa xuân. Qua khổ thơ này, tác giả thể hiện sự trân trọng đối với nét văn hóa truyền thống và mong muốn người yêu cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương.

Khổ 6: Thiên nhiên và tín ngưỡng
Về Quảng Ngãi trèo lên non Thiên Ấn
Ngắm sông Trà như dải lụa xanh trong
Thắp nén hương cúi đầu nơi Phật án
Hồn lâng lâng, thanh thản ở nơi lòng

Khổ thơ tiếp tục nhấn mạnh vẻ đẹp thiên nhiên của Quảng Ngãi, với hình ảnh non Thiên Ấn và sông Trà Khúc. Sông Trà được ví như “dải lụa xanh trong”, vừa mềm mại vừa thanh khiết, tô điểm cho vẻ đẹp thanh bình của quê hương.

Đặc biệt, hình ảnh “thắp nén hương” tại chùa Thiên Ấn cho thấy sự gắn bó với tín ngưỡng Phật giáo – một nét văn hóa tinh thần quan

trọng. Cảm giác “hồn lâng lâng, thanh thản” gợi lên sự an yên trong tâm hồn khi về với cội nguồn.

Khổ 7: Quê hương nuôi dưỡng con người
Xuôi sông Thoa ta cùng về Mỹ Á
Sóng lăn tăn rẽ nước mái chèo bơi
Những cánh đồng, những vuông tôm, ao cá...
Đã nuôi anh từ lúc mới chào đời

Khổ thơ này là lời tri ân sâu sắc của tác giả dành cho quê hương – nơi đã nuôi dưỡng anh khôn lớn. Hình ảnh “những cánh đồng, những vuông tôm, ao cá” gợi lên sự phì nhiêu, trù phú, đồng thời thể hiện sự gần gũi với cuộc sống người dân. Sự sống của tác giả gắn bó mật thiết với từng giọt mồ hôi lao động của quê hương.

Khổ cuối: Tình yêu và tự hào quê hương
Ôi, Quảng Ngãi đất quê nhà yêu dấu
Đã bao năm anh muốn rước em về
San sẻ cùng nhau tình người nồng hậu
Dẫu còn nghèo, còn lắm thứ nhiêu khê

Kết thúc bài thơ là lời tự sự đầy cảm xúc của tác giả về tình yêu quê hương. Tác giả nhấn mạnh giá trị tình cảm và lòng nhân hậu của con người Quảng Ngãi. Dù quê hương còn nghèo khó, tình yêu và sự sẻ chia vẫn luôn là điểm tựa bền vững trong cuộc sống.
Khổ thơ này như một lời mời gọi chân thành, thể hiện khát vọng sống gắn bó với quê hương và người yêu, bất chấp mọi khó khăn.

C. Kết luận
"Rước Em Về Đất Quảng Mùa Xuân" là bài thơ dung dị nhưng sâu sắc, thể hiện tài năng của Trần Đức Phổ trong việc lồng ghép tình yêu quê hương vào tình yêu đôi lứa. Tác giả không chỉ vẽ nên bức tranh đẹp về Quảng Ngãi mà còn truyền tải những giá trị văn hóa, truyền thống của người miền Trung. Đây không chỉ là lời tự tình mà còn là một bài ca ngợi quê hương với tất cả niềm tự hào và yêu thương.

Mỗi khổ thơ của "Rước Em Về Đất Quảng Mùa Xuân" đều mang một ý nghĩa riêng, khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên, con người và văn hóa của Quảng Ngãi. Tình yêu đôi lứa, gia đình và quê hương hòa quyện tạo nên một bài thơ giàu cảm xúc, chân thành và sâu sắc. ♦

MÙI THÁNG GIÊNG

Mưa tháng Giêng dịu dàng con gái
Không nặng sầu, lãng mạn vô tư
Người tháng Giêng an vui, tự tại
Chúc tụng nhau niềm nở, hiền từ

Gió tháng Giêng thơm mùi hoa nở
Em tháng Giêng tóc vấn đuôi gà
Mùa lễ hội áo màu xanh, đỏ
Đường đông vui mỗi bước em qua

Nắng tháng Giêng ngát hương kẹo mứt
Trời tháng Giêng xanh tít tầng cao
Gái tháng Giêng điệu đà, tha thướt
Trai tháng Giêng thầm thĩ ngọt ngào

Vạn vật tháng Giêng bừng đổi sắc
Điêu tàn phút chốc hóa thanh tân
Cỏ cây hớn hở phô màu biếc
Sông suối tuôn trào sức vóc xuân

Ôi, rực rỡ tháng Giêng kiều mỵ!
Mỗi khắc thời mầu nhiệm, mê tơi
Lũ chim chóc hóa thành thi sĩ
Ngâm vang vang tình khúc yêu đời!
29.12.2020

Lời bình:
"Mùi Tháng Giêng" của Trần Đức Phổ là một bài thơ tràn đầy cảm xúc lãng mạn, tái hiện vẻ đẹp đặc trưng của tháng Giêng – tháng mở đầu của mùa xuân, của niềm vui và khởi đầu mới. Tác giả không chỉ miêu tả tháng Giêng qua thiên nhiên mà còn khắc họa tháng Giêng trong lòng người, làm nổi bật sự gắn kết sâu sắc giữa con người và đất trời.

1. Tháng Giêng dịu dàng, lãng mạn như một cô gái trẻ
Ngay từ những câu thơ đầu, tác giả nhân cách hóa tháng Giêng, biến nó thành một nhân vật nữ duyên dáng, trẻ trung:

Mưa tháng Giêng dịu dàng con gái
Không nặng sầu, lãng mạn vô tư

Cách miêu tả "dịu dàng con gái", "không nặng sầu" gợi lên hình ảnh tháng Giêng như một cô gái trẻ trung, phóng khoáng, mang đến niềm vui và sự nhẹ nhàng cho con người. Bằng cách sử dụng những từ ngữ như "lãng mạn vô tư," tác giả đã tạo nên một cảm giác tươi mới, thanh thản, phù hợp với không khí đầu xuân.

2. Vẻ đẹp thiên nhiên và lễ hội tháng Giêng
Thiên nhiên tháng Giêng hiện lên qua những hình ảnh sống động, tươi sáng:

Gió tháng Giêng thơm mùi hoa nở
Em tháng Giêng tóc vấn đuôi gà

Hương thơm của hoa nở, màu sắc rực rỡ của áo lễ hội, hay mái tóc vấn đuôi gà của người con gái vùng quê đều làm bật lên không khí vui tươi và truyền thống của mùa lễ hội. Hình ảnh đường phố đông vui với áo xanh, đỏ và bước chân em lướt qua không chỉ tả thực mà còn gợi cảm giác hân hoan lan tỏa khắp không gian.

3. Con người tháng Giêng: Điệu đà và tràn đầy sức sống
Người trai, gái tháng Giêng hiện lên qua những nét tính cách và phong thái đặc trưng:

Gái tháng Giêng điệu đà, tha thướt

Trai tháng Giêng thầm thĩ ngọt ngào

Tác giả không chỉ miêu tả hình thức mà còn khắc họa tính cách: sự dịu dàng, điệu đà của người con gái, và sự chân thành, ngọt ngào của người con trai. Những nét vẽ ấy phản ánh tinh thần phóng khoáng, tràn đầy sức sống của con người trong tiết xuân, khi cả thiên nhiên và lòng người đều rộn ràng trước những khởi đầu mới.

4. Sự hồi sinh và kỳ diệu của tháng Giêng

Tháng Giêng không chỉ là thời gian đầu xuân mà còn là biểu tượng của sự tái sinh và đổi mới:

Vạn vật tháng Giêng bừng đổi sắc
Điêu tàn phút chốc hóa thanh tân

Hình ảnh "điêu tàn phút chốc hóa thanh tân" cho thấy sức sống mạnh mẽ của mùa xuân, khi vạn vật như được khoác lên mình chiếc áo mới. Đất trời, cây cỏ và cả dòng sông cũng trở nên tươi trẻ, mạnh mẽ, tràn đầy sinh khí.

5. Tháng Giêng – nguồn cảm hứng bất tận

Kết bài thơ, tác giả đưa tháng Giêng lên tầm cao của sự cảm hứng thi ca:

Lũ chim chóc hóa thành thi sĩ
Ngâm vang vang tình khúc yêu đời!

Tháng Giêng không chỉ là thời gian của mùa xuân mà còn là nguồn cảm hứng vô tận, nơi con người, thiên nhiên và cả loài chim đều trở thành thi sĩ, hòa nhịp trong bản tình ca yêu đời.

6. Nghệ thuật biểu đạt

Nhân cách hóa và so sánh: Tác giả nhân cách hóa tháng Giêng như một cô gái duyên dáng, trẻ trung, giúp tháng Giêng trở nên sống động và gần gũi hơn.

Ngôn từ giàu hình ảnh, âm thanh và mùi vị: Bài thơ khắc họa tháng Giêng qua nhiều giác quan – từ mùi hương hoa nở, âm thanh rộn ràng của lễ hội, đến sắc màu rực rỡ của thiên nhiên.

Nhịp điệu thơ nhẹ nhàng, uyển chuyển: Nhịp thơ đều đặn, gieo vần tự nhiên, phù hợp với không khí vui tươi, êm dịu của mùa xuân.

7. Cảm nhận
Bài thơ "Mùi Tháng Giêng" không chỉ là bức tranh tả cảnh mà còn là bản hòa ca đầy cảm xúc về tháng Giêng – thời gian đẹp nhất của năm. Qua từng câu thơ, người đọc như cảm nhận được hương thơm của hoa, tiếng cười nói rộn ràng, và cả niềm hân hoan trong lòng người khi xuân về.

Tác phẩm mang lại cho ta một cảm giác yên bình, hạnh phúc và tràn đầy hy vọng, giúp ta trân trọng hơn những khoảnh khắc đẹp đẽ, ý nghĩa của mùa xuân và của cuộc đời. "Mùi Tháng Giêng" là bài thơ nhẹ nhàng nhưng để lại ấn tượng sâu sắc về mùa xuân, về tình yêu cuộc sống. ♦

THEO EM HÁI LỘC ĐẦU XUÂN

Mùa xuân theo em hái lộc
Ngỡ mình tuổi hãy còn xanh
Trời xuân thơm thơm mùi tóc
Trái tim rạo rực mộng lành

Bầy chim se sẻ đầu đình
Cứ kêu ríu ra ríu rít
Quanh chậu mai đầy hoa xinh
Ong bướm chập chờn quấn quýt

Trên đường gái trai náo nức
Say sưa, tinh nghịch nói cười
Đó đây âm vang lời chúc
Đời vui môi, má hồng tươi

Em đi nhẹ nhàng từng bước

Ta theo ngắm mãi đường cong
Ban mai nắng nồng như rượu
Ta say say khướt cả lòng

Mùa xuân theo em hái lộc
Hồn nhiên như buổi ban đầu
Cho dù đã hai màu tóc
Lộc đời vẫn hái tặng nhau!
29/1/2020

Lời bình:
Bài thơ "Theo Em Hái Lộc Đầu Xuân" mang đậm phong vị của mùa xuân và tình yêu, được thể hiện qua những hình ảnh sinh động, giàu sức gợi. Tác giả khéo léo kết hợp giữa cảnh sắc mùa xuân và cảm xúc lãng mạn của con người, tạo nên một bức tranh thơ vừa đẹp đẽ vừa ý nhị.

1. Mùa xuân – khởi nguồn cho niềm vui và tình yêu
Ngay từ khổ đầu, tác giả dẫn người đọc vào không gian mùa xuân tràn ngập sức sống:
Mùa xuân theo em hái lộc
Ngỡ mình tuổi hãy còn xanh
Hình ảnh "hái lộc" đầu xuân không chỉ mang ý nghĩa tâm linh mà còn là biểu tượng của sự khởi đầu mới, niềm hy vọng và tình yêu đang nảy nở. Cảm giác "ngỡ mình tuổi hãy còn xanh" cho thấy mùa xuân làm người ta trẻ lại, tiếp thêm năng lượng cho những ước mơ và khao khát. Khứu giác và xúc giác cũng được gợi lên qua:
Trời xuân thơm thơm mùi tóc
Trái tim rạo rực mộng lành
Hương tóc của người yêu trong không khí xuân làm tăng thêm sự gần gũi, lãng mạn. Tâm hồn người đọc như cảm nhận được nhịp đập của một trái tim đầy rung động yêu thương.

2. Cảnh sắc mùa xuân – vẻ đẹp tự nhiên và sống động

Hình ảnh mùa xuân hiện lên qua âm thanh ríu rít của chim chóc, sự tươi thắm của hoa mai và sự nhộn nhịp của ong bướm:

Bầy chim se sẻ đầu đình
Cứ kêu ríu ra ríu rít
Quanh chậu mai đầy hoa xinh
Ong bướm chập chờn quấn quýt

Những từ láy như "ríu ra ríu rít," "chập chờn quấn quýt" tạo nên nhịp thơ sinh động, hòa quyện với bức tranh thiên nhiên mùa xuân. Hoa mai – biểu tượng của Tết Việt – mang đến sắc vàng rực rỡ, đánh thức niềm vui trong lòng người.

3. Con người trong không khí xuân rộn ràng

Cảnh sắc thiên nhiên hòa quyện cùng con người tạo nên một không gian đầy sức sống:

Trên đường gái trai náo nức
Say sưa, tinh nghịch nói cười

Sự nhộn nhịp, rộn ràng của đường phố, của tiếng cười nói chính là nhịp đập của cuộc sống trong mùa xuân. Hình ảnh "gái trai náo nức" không chỉ gợi tả không khí vui xuân mà còn phác họa nét đẹp của tuổi trẻ, của tình yêu và sự giao hòa giữa con người với thiên nhiên.

4. Tình yêu trong mùa xuân

Tình yêu được tác giả miêu tả đầy tinh tế và say mê:

Em đi nhẹ nhàng từng bước
Ta theo ngắm mãi đường cong

Sự dịu dàng, quyến rũ của người con gái được tái hiện qua những bước đi và dáng hình. Tác giả không che giấu sự say đắm của mình khi nhấn mạnh:

Ban mai nắng nồng như rượu
Ta say say khướt cả lòng

Ánh nắng ban mai mang hơi ấm, như thứ men nồng khiến lòng người không khỏi bồi hồi, xao xuyến. Câu thơ khéo léo chuyển tải cảm giác say mê, đắm chìm trong tình yêu, làm tăng thêm chất trữ tình cho bài thơ.

5. Thông điệp về sự bền vững của tình yêu và niềm tin cuộc sống

Dẫu thời gian trôi qua, tình yêu và niềm hy vọng vẫn không phai nhạt:

Cho dù đã hai màu tóc
Lộc đời vẫn hái tặng nhau!

Hình ảnh "hai màu tóc" gợi lên dấu vết của thời gian, nhưng tình cảm giữa người với người – dù là tình yêu đôi lứa hay tình cảm gia đình – vẫn không thay đổi. Việc "hái lộc" không chỉ là nghi thức mà còn là biểu tượng của sự sẻ chia niềm tin, hy vọng vào những điều tốt đẹp sẽ đến.

6. Nghệ thuật biểu đạt

Hình ảnh và ngôn ngữ giàu sức gợi: Tác giả sử dụng những hình ảnh gần gũi nhưng mang tính biểu tượng cao như "hái lộc," "hoa mai," "ong bướm" để làm nổi bật không khí xuân và tình yêu.

Âm hưởng vui tươi, nhẹ nhàng: Nhịp điệu thơ tự nhiên, trong trẻo, phù hợp với không gian và tâm trạng mùa xuân.

Nhân hóa và ẩn dụ: Những câu thơ như "Ban mai nắng nồng như rượu" hay "Trời xuân thơm thơm mùi tóc" khéo léo nhân hóa, tạo nên sự liên tưởng tinh tế.

7. Cảm nhận

Bài thơ "Theo Em Hái Lộc Đầu Xuân" không chỉ là lời ngợi ca vẻ đẹp của mùa xuân mà còn là khúc hát về tình yêu và khởi đầu mới. Qua những câu thơ nhẹ nhàng, tác giả gửi gắm niềm tin vào sự tươi đẹp của cuộc sống, dù thời gian trôi qua thì những giá trị tốt đẹp của tình yêu và hy vọng vẫn còn mãi.

Đọc bài thơ, ta như được sống lại không khí xuân ấm áp, tràn đầy niềm vui và cảm hứng. Đây là một tác phẩm giàu cảm xúc, gần gũi nhưng cũng đầy chiều sâu, khiến người đọc thêm yêu mùa xuân, yêu cuộc sống. ♦

TÂY BẮC HÀNH

Anh sẽ đưa em về miền Tây Bắc
Nơi bạt ngàn rừng thẳm tiếp trời xanh
Nơi chim chóc chuyền cành kêu ríu rít
Hoa rừng thơm, bên suối mát ngọt lành.

Về Tây Bắc cùng em leo dốc núi
Chiều chợ Phiên màu thổ cẩm lượt là
Cô gái Dao miệng cười duyên bên suối
Đêm chợ tình sơn nữ đẹp như hoa.

Về Tây Bắc khi mùa xuân vừa tới
Ngắm hoa Ban nở trắng cả lưng đồi
Lửa bập bùng giữa rừng đêm mở hội
Điệu múa Xòe ai uốn lượn, lả lơi...

Về Tây Bắc ngắm trăng vàng, núi biếc
Nhớ chuyện xưa Quốc Mẫu, Mẹ Âu Cơ
Dắt con trẻ lên non cao lập nghiệp
Biến hoang sơn thành phố thị bây giờ.

Về Tây Bắc nơi rừng thương, núi nhớ
Rượu cần say như tình thuở ban đầu
Tuy xa lắm nhưng không hề cách trở
Như tấm lòng đôi lứa đã yêu sâu!
Về Tây Bắc, về cùng anh, em nhé!

Sống đời thường với non, nước, mây, trời…
Như cái thuở Cha vừa quen với Mẹ
Men trầu cay hòa lấy vị nồng vôi!
Về Tây Bắc mình sống những ngày vui!
03.12.2015

Lời bình:
Bài thơ "Tây Bắc Hành" của Trần Đức Phổ là một tác phẩm thể hiện tình yêu thiên nhiên, con người và vẻ đẹp văn hóa của vùng Tây Bắc, cũng như tình yêu đôi lứa gắn bó sâu sắc. Qua bài thơ, tác giả không chỉ vẽ ra một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, mà còn ca ngợi tình yêu, sự gắn kết giữa các giá trị văn hóa và con người của vùng đất này.

Phân tích chi tiết:
1. Hình ảnh thiên nhiên Tây Bắc:
• Cảnh sắc thiên nhiên là chủ đề xuyên suốt bài thơ, với những hình ảnh sống động về núi rừng Tây Bắc. Từ những cảnh vật hùng vĩ như "bạt ngàn rừng thẳm", "suối mát ngọt lành" đến sự sinh động của cuộc sống tự nhiên qua hình ảnh "chim chóc chuyền cành kêu ríu rít", "hoa rừng thơm".
• Sự đối lập giữa thiên nhiên hoang sơ và vẻ đẹp của cuộc sống: Dù vùng Tây Bắc có vẻ hoang dại, nhưng tác giả đã mang lại một cái nhìn gần gũi, ấm áp qua những hình ảnh về "suối mát ngọt lành", "hoa Ban nở trắng cả lưng đồi". Tất cả những hình ảnh này tạo nên một không gian sống động, thơ mộng và thanh bình.

2. Văn hóa và con người Tây Bắc:
• Bài thơ không chỉ mô tả cảnh vật mà còn thể hiện sự đa dạng văn hóa của Tây Bắc qua những chi tiết như "chiều chợ Phiên màu thổ cẩm lượt là", "cô gái Dao miệng cười duyên bên suối", "đêm chợ tình sơn nữ đẹp như hoa". Những chi tiết này gợi lên sự phong phú của đời sống văn hóa, con người nơi đây.
• Những hình ảnh này không chỉ làm nổi bật vẻ đẹp ngoại hình của con người Tây Bắc mà còn khắc họa nét duyên dáng và mộc mạc trong lối sống, thể hiện sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên.

3. Sự kết nối tình yêu và thiên nhiên:

• Tác giả sử dụng hình ảnh thiên nhiên để gợi mở tình yêu lứa đôi, thể hiện sự gần gũi giữa thiên nhiên và tình cảm con người. Những câu như "Rượu cần say như tình thuở ban đầu", "Như cái thuở Cha vừa quen với Mẹ / Men trầu cay hòa lấy vị nồng vôi!" không chỉ gợi nhắc đến tình yêu mà còn liên kết giữa tình cảm và những thói quen, phong tục của người dân Tây Bắc.
• Sự hòa hợp giữa tình yêu đôi lứa và thiên nhiên, đất trời Tây Bắc đã tạo nên một bức tranh đậm đà tình cảm, vừa sâu sắc, vừa lãng mạn. Tình yêu ở đây không chỉ là sự gắn bó giữa hai con người mà còn là sự kết nối giữa con người với thiên nhiên, đất đai nơi họ sinh sống.

4. Nỗi nhớ và niềm tự hào về Tây Bắc:
• Những câu cuối của bài thơ như "Tây Bắc nơi rừng thương, núi nhớ" hay "Nhớ chuyện xưa Quốc Mẫu, Mẹ Âu Cơ / Dắt con trẻ lên non cao lập nghiệp" gợi lên một niềm tự hào về lịch sử và văn hóa vùng đất này. Tây Bắc không chỉ là nơi sinh sống mà còn là nơi mang đậm dấu ấn lịch sử và truyền thống của dân tộc Việt Nam.
• Tác giả cũng dùng những hình ảnh về lịch sử như "Quốc Mẫu, Mẹ Âu Cơ" để nhấn mạnh sự gắn kết giữa quá khứ và hiện tại, đồng thời thể hiện lòng kính trọng đối với những giá trị lịch sử của dân tộc.

5. Lời mời gọi và sự giao thoa của tình yêu:
• Lời mời gọi trong những câu thơ như "Về Tây Bắc, về cùng anh, em nhé!" thể hiện sự tha thiết, sự gần gũi của tình yêu giữa hai người. Lời mời này không chỉ là mời gọi một chuyến đi mà còn là lời mời gắn kết tình yêu với những giá trị truyền thống, tự nhiên của Tây Bắc.
• Cách tác giả đưa ra lời mời gọi này cũng cho thấy sự mong muốn một cuộc sống giản dị nhưng đầy ý nghĩa, nơi có sự hòa quyện giữa tình yêu và cuộc sống tự nhiên.

Tổng kết:
Bài thơ "Tây Bắc Hành" của Trần Đức Phổ là một tác phẩm giàu cảm xúc, đầy màu sắc và âm thanh của thiên nhiên, con người và văn hóa

Tây Bắc. Qua đó, tác giả không chỉ tôn vinh vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ mà còn ca ngợi tình yêu và mối liên hệ sâu sắc giữa con người với đất đai, truyền thống. Bài thơ là lời mời gọi về một cuộc sống đơn giản nhưng đầy tình yêu thương và niềm tự hào, thể hiện sự hòa hợp giữa thiên nhiên, con người và văn hóa trong một không gian đặc biệt – Tây Bắc. ♦

MỸ NHÂN

"Em của ai mà không của tôi"*
Người đâu đẹp quá mắt môi cười
Tôi không si dại mà thần tượng
Cái Đẹp cho dòng thi hứng khơi

Có lẽ người xưa vốn đã sai,
Một cười mất nước chẳng cần hai (!?)
Nụ cười như rượu nghìn năm tuổi
Như ánh dương hồng buổi sớm mai

Mỹ nhân là sắc, cũng là hương
Là thơ, là vũ điệu Nghê Thường
Là trăng Lý Bạch, mây Thôi Hiệu
Là khúc Trương Chi, lệ đoạn trường!
14/12/2021
* Câu thơ của ai không rõ.

Lời bình:
Bài thơ "Mỹ Nhân" của Trần Đức Phổ là một tác phẩm thể hiện sự tôn vinh cái đẹp trong nghệ thuật và đời sống. Bài thơ vừa mang chất suy tưởng triết lý về mỹ học, vừa phảng phất nét lãng mạn cổ điển, kết hợp hài hòa giữa nội dung và nghệ thuật.

Nội dung:

Tôn vinh cái đẹp:
Ngay từ câu mở đầu, nhà thơ đã khéo léo gợi mở ý niệm về cái đẹp qua hình ảnh "Em của ai mà không của tôi". Điều này không chỉ cho thấy vẻ đẹp của người con gái mà còn là biểu tượng cho cái đẹp chung trong đời sống. Cái đẹp ấy không thuộc về riêng ai, mà trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho nghệ thuật và thi ca.

Cái đẹp vượt thời gian:
Trong khổ thơ thứ hai, tác giả phê phán quan niệm xưa "một cười mất nước" bằng giọng điệu hài hước, đồng thời khẳng định giá trị trường tồn của cái đẹp. Nụ cười mỹ nhân không chỉ là vẻ bề ngoài mà còn là sự lan tỏa của cảm xúc, giống như rượu nghìn năm hay ánh dương rực rỡ – những hình ảnh ẩn dụ cho sự vĩnh cửu và sức mạnh tinh thần.

Mỹ nhân – biểu tượng nghệ thuật:
Khổ thơ cuối tập trung khắc họa mỹ nhân như một tổng hòa của các giá trị nghệ thuật: là sắc, là hương, là thơ, là âm nhạc và hội họa. Những hình tượng như "trăng Lý Bạch", "mây Thôi Hiệu" hay "khúc Trương Chi" không chỉ ca ngợi mỹ nhân mà còn nhấn mạnh rằng cái đẹp trong đời sống và nghệ thuật là nguồn gốc cho sự sáng tạo. Mỹ nhân ở đây không đơn thuần là con người, mà là biểu tượng của cái đẹp toàn diện.

Nghệ thuật:
Ngôn ngữ giàu hình ảnh, tính nhạc:
Ngôn ngữ của bài thơ được trau chuốt, gợi hình gợi cảm với những hình ảnh giàu tính biểu tượng như "nụ cười như rượu nghìn năm tuổi", "ánh dương hồng buổi sớm mai". Những liên tưởng độc đáo này không chỉ làm bật lên vẻ đẹp của mỹ nhân mà còn tạo chiều sâu tư tưởng.
Tính đối thoại và triết lý nhẹ nhàng:
Tác giả sử dụng hình thức đối thoại ngầm trong bài thơ: đối thoại với quan niệm xưa và đối thoại với chính cảm nhận của mình. Từ đó, những triết lý về cái đẹp được bộc lộ một cách tự nhiên, không giáo điều.

Thủ pháp liên tưởng và liên văn bản:
Bài thơ đan xen các hình tượng văn học cổ điển phương Đông như "trăng Lý Bạch", "mây Thôi Hiệu", hay "khúc Trương Chi", tạo sự giao thoa giữa cái đẹp hiện tại và cái đẹp trong thi ca truyền thống. Điều này vừa làm phong phú thêm ý nghĩa của bài thơ, vừa khơi gợi lòng yêu mến văn hóa dân tộc.

Cách gieo vần nhịp nhàng:
Bài thơ được viết bằng thơ bảy chữ, vừa có sự mềm mại của nhịp điệu, vừa có sự phóng khoáng phù hợp với cảm xúc trữ tình.

Đánh giá:
Bài thơ "Mỹ Nhân" là một sự hòa quyện tuyệt vời giữa cảm xúc cá nhân và tư tưởng nghệ thuật. Qua cách thể hiện cái đẹp dưới nhiều chiều kích khác nhau, tác giả không chỉ tôn vinh vẻ đẹp của con người mà còn khẳng định giá trị vĩnh cửu của cái đẹp trong đời sống và nghệ thuật. Tác phẩm vừa mang tính chiêm nghiệm sâu sắc, vừa giàu chất thơ, đem đến cho người đọc cảm nhận mới mẻ và tràn đầy cảm hứng. ♦

GỬI NGƯỜI CON GÁI SÔNG THOA

Từ độ xa nhà đi biền biệt
Mười năm về lại bến sông Thoa
Con đò ngày cũ không còn nữa
Dòng nước buồn thiu chẳng vỗ bờ

Ôi, nhớ chiều nao em tan học
Gió lồng mái tóc, dáng nghiêng soi
Nụ cười hoa nở chìm trong nước
Đàn cá sông Thoa lặn mất rồi

Dạo đó ta còn ngây ngô lắm
Cũng biết rằng em là mỹ nhân,

Chưa thả theo dòng: thơ lá thắm
Nhưng chữ yêu thương đã hiệp vần

Mười năm mưa nắng miền quê cũ
Sông Thoa con nước vẫn đầy vơi
Cúi mặt nguôi quên niềm nhung nhớ
Trăng non in bóng nét môi cười.
May 11, 2022

Lời bình:
"Gửi Người Con Gái Sông Thoa" của Trần Đức Phổ là một khúc ca hoài niệm đầy cảm xúc, gợi nhớ về tuổi trẻ, tình yêu đầu đời, và những dấu ấn không phai nhòa của thời gian. Bài thơ mang đậm nét trữ tình, với bối cảnh dòng sông Thoa trở thành chứng nhân cho những kỷ niệm và cảm xúc của nhân vật trữ tình.

1. Chủ đề và nội dung chính
Bài thơ là lời bày tỏ tâm sự của một người con xa quê, sau mười năm trở lại sông Thoa – nơi gắn bó với kỷ niệm thời thanh xuân. Qua đó, tác giả khắc họa nỗi nhớ quê hương, tình yêu đơn phương thuở ban đầu, cùng với sự nuối tiếc khi mọi thứ giờ đây đã thay đổi.

2. Phân tích chi tiết từng khổ thơ
Khổ 1: Nỗi buồn trước sự đổi thay
Từ độ xa nhà đi biền biệt
Mười năm về lại bến sông Thoa
Con đò ngày cũ không còn nữa
Dòng nước buồn thiu chẳng vỗ bờ
Mở đầu bài thơ, tác giả gợi lên khung cảnh trở về quê hương sau mười năm xa cách. Hình ảnh "con đò ngày cũ không còn nữa" và "dòng nước buồn thiu chẳng vỗ bờ" gợi sự trống vắng, buồn thương. Con sông từng là biểu tượng của sự sống, của kỷ niệm nay mang vẻ lặng

lẽ, ảm đạm. Tất cả dường như phản ánh nỗi lòng trĩu nặng của nhân vật trữ tình khi đối mặt với sự thay đổi của thời gian.

Khổ 2: Kỷ niệm về người con gái sông Thoa

Ôi, nhớ chiều nao em tan học
Gió lồng mái tóc, dáng nghiêng soi
Nụ cười hoa nở chìm trong nước
Đàn cá sông Thoa lặn mất rồi

Hình ảnh người con gái sông Thoa hiện lên thật trong trẻo, dịu dàng. Dáng vẻ của nàng khi tan học, mái tóc bay trong gió, nụ cười như "hoa nở chìm trong nước" khiến dòng sông Thoa trở nên thơ mộng và sống động. Từ "đàn cá sông Thoa lặn mất rồi" vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa ẩn dụ cho sự mất mát, rằng những khoảnh khắc đẹp đẽ ấy đã trôi qua, không thể tìm lại được.

Khổ 3: Tình cảm thầm lặng của tuổi trẻ

Dạo đó ta còn ngây ngô lắm
Cũng biết rằng em là mỹ nhân,
Chưa thả theo dòng: thơ lá thắm
Nhưng chữ yêu thương đã hiệp vần

Khổ thơ này gợi lên tâm trạng thầm lặng, ngây ngô của tình yêu đầu đời. Nhân vật trữ tình khi ấy còn trẻ dại, chỉ biết cảm nhận vẻ đẹp của người con gái mà chưa dám tỏ bày qua những vần thơ. Cụm từ "chữ yêu thương đã hiệp vần" như lời thú nhận rằng tình cảm đã âm thầm chớm nở, tuy chưa thể hiện thành lời.

Khổ 4: Niềm nuối tiếc và nỗi nhớ mãi không nguôi

Mười năm mưa nắng miền quê cũ
Sông Thoa con nước vẫn đầy vơi
Cúi mặt nguôi quên niềm nhung nhớ
Trăng non in bóng nét môi cười.

Khổ thơ cuối là sự hòa quyện giữa thực tại và ký ức. Sau mười năm, dù dòng sông Thoa vẫn "đầy vơi" nhưng người con gái và kỷ niệm xưa

đã trở thành hoài niệm. Hình ảnh “trăng non in bóng nét môi cười” như một dấu ấn vĩnh cửu, ghi lại vẻ đẹp trong trẻo, tươi sáng của nàng trong lòng tác giả. Niềm nhớ thương dù đã cố gắng nguôi quên nhưng vẫn đong đầy trong từng câu chữ.

3. Nghệ thuật nổi bật

Hình ảnh gợi cảm: Hình ảnh dòng sông Thoa, con đò, mái tóc bay trong gió, và nụ cười chìm trong nước tạo nên một bức tranh quê hương thơ mộng, lãng mạn nhưng cũng man mác buồn.

Ngôn ngữ giàu tính trữ tình: Các từ ngữ như “buồn thiu,” “nhung nhớ,” “hiệp vần” khéo léo diễn tả cảm xúc sâu lắng, chân thành.

Kết hợp giữa tả và tình: Cảnh vật sông Thoa được miêu tả sống động nhưng cũng mang tính biểu tượng, phản ánh tâm trạng của nhân vật trữ tình.

4. Cảm nhận cá nhân

Bài thơ mang đến một cảm giác bồi hồi, da diết, nhất là đối với những ai từng trải qua cảm giác hoài niệm về quê hương và tình yêu đầu đời. Qua từng câu chữ, người đọc không chỉ cảm nhận được nỗi nhớ quê của tác giả mà còn đồng cảm với sự tiếc nuối trước những điều đã qua. Tác phẩm nhắc nhở chúng ta rằng thời gian trôi đi không chỉ làm thay đổi cảnh vật mà còn khiến những kỷ niệm đẹp trở thành quá khứ. Tuy vậy, như dòng sông Thoa vẫn "đầy vơi," những tình cảm chân thành, dù đã qua, vẫn để lại dấu ấn không phai nhòa trong tâm hồn. ♦

BẢNG LẢNG

Thương vì ai, nhớ vì ai
Tiếng con chim vịt kêu hoài mé sông
Bên hiên rụng cánh hoa hồng
Dư âm bảng lảng hương nồng ngày xuân

Rót đầy chén tống chén quân
Tiễn em về chốn thị thành phồn hoa
Dòng châu trước lúc đi xa
Dẫu không cam lộ cũng là dược tiên

Dốc bầu sót chút hơi men
Tình xưa mật đắng đan xen ngọt ngào
Cuối trời lấp lánh vì sao
Mòn con mắt đợi dẫu bao muộn phiền

Núi sông chưa vẹn phỉ nguyền
Thì thôi cũng chút tình duyên bọt bèo
Rượu suông, cảnh vắng buồn teo
Chiều nay rót cạn bao nhiêu chung tình?

Đường xa bước mỏi gập ghềnh
Gió mây lãng đãng lênh đênh phận người
Vẫn là em, vẫn là tôi
Chỉ là nuối tiếc một thời vu vơ

Gặp chi giây phút tình cờ
Rồi nay lối mộng đường mơ tro tàn
Nâng ly cạn chén nồng nàn
Trăm năm còn cái hồng nhan ví dầu

Tạ tình nhau, tạ tình nhau
Trái tim lỗi nhịp vẫn màu đam mê.
11/9/2020

Lời bình:
"Bảng Lảng" là một bài thơ thấm đẫm cảm xúc hoài niệm, tiếc nuối và chia xa, với những dòng thơ lãng đãng như khói sương, gợi lên tâm

trạng vấn vương của nhân vật trữ tình. Tác phẩm mang đậm phong vị cổ điển pha lẫn hiện đại, thể hiện tâm hồn nhạy cảm và cái nhìn sâu sắc về tình yêu, số phận con người.

1. Nội dung và chủ đề

Bài thơ là tiếng lòng của một kẻ ở lại, đang tiễn biệt người mình yêu trong một cuộc chia ly không trọn vẹn. Dòng cảm xúc trôi qua nhiều cung bậc: từ thương nhớ, nuối tiếc, đến sự bất lực trước những nghịch lý của đời sống. Tình yêu trong bài thơ vừa chân thành, sâu sắc, vừa mang màu sắc u hoài và thoáng chút bi kịch, tựa như tình duyên "bọt bèo" giữa dòng đời vô định.

2. Phân tích chi tiết

Khổ 1: Mở đầu bằng nỗi nhớ bảng lảng

Thương vì ai, nhớ vì ai
Tiếng con chim vịt kêu hoài mé sông
Bên hiên rụng cánh hoa hồng
Dư âm bảng lảng hương nồng ngày xuân

Mở đầu bài thơ, tác giả khéo léo đặt câu hỏi tu từ "thương vì ai, nhớ vì ai," như để mở lối vào một tâm trạng đầy xao động. Tiếng chim vịt kêu hoài ở mé sông và cánh hoa hồng rụng bên hiên là những hình ảnh thiên nhiên ẩn dụ, diễn tả sự lưu luyến, tiếc nuối trước sự đổi thay và tan vỡ. "Dư âm bảng lảng" vừa gợi không gian mờ ảo, vừa gợi cảm xúc lưng chừng giữa thực và mộng, giữa nồng nàn và phai nhạt.

Khổ 2: Chén rượu chia ly và dòng châu biệt ly

Rót đầy chén tống chén quân
Tiễn em về chốn thị thành phồn hoa
Dòng châu trước lúc đi xa
Dẫu không cam lộ cũng là dược tiên

Hình ảnh rót rượu tiễn đưa mang phong vị cổ điển, giống như một nghi thức trang trọng trong phút chia tay. Dòng nước mắt "dẫu không cam lộ cũng là dược tiên" là một cách diễn đạt đầy tình tứ và lãng mạn. Ở

đây, nỗi đau của sự chia xa không chỉ là mất mát, mà còn là thứ tình cảm thiêng liêng, quý giá như thần dược trong đời người.

Khổ 3-4: Sự chênh vênh của tình duyên và phận người

Dốc bầu sót chút hơi men
Tình xưa mật đắng đan xen ngọt ngào
Cuối trời lấp lánh vì sao
Mòn con mắt đợi dẫu bao muộn phiền

Tình yêu được ví như "mật đắng", vừa ngọt ngào, vừa đau khổ, phản ánh tính hai mặt của tình cảm con người. Dẫu hy vọng ("lấp lánh vì sao") vẫn còn le lói, nhưng thực tại ("mòn con mắt đợi") lại nhuốm màu u uất. Tác giả như ngầm nhắn nhủ rằng những điều đẹp nhất thường nằm ở ký ức và mộng tưởng.

Đường xa bước mỏi gập ghềnh
Gió mây lãng đãng lênh đênh phận người
Vẫn là em, vẫn là tôi
Chỉ là nuối tiếc một thời vu vơ

Khổ thơ gợi lên sự chông chênh của phận người trước dòng đời bất định. Dẫu "vẫn là em, vẫn là tôi", nhưng thời gian và hoàn cảnh đã biến mối tình ngày xưa thành một kỷ niệm xa xôi, một "nuối tiếc một thời vu vơ."

Khổ 5-6: Kết thúc bằng sự tri ân và cảm xúc đam mê

Gặp chi giây phút tình cờ
Rồi nay lối mộng đường mơ tro tàn
Nâng ly cạn chén nồng nàn
Trăm năm còn cái hồng nhan ví dầu

Khổ thơ này là một lời tri ân cho những giây phút tình yêu dù ngắn ngủi. Sự tiếc nuối được đặt cạnh một tinh thần trân trọng: tình yêu dù qua đi, nhưng cái đẹp của "hồng nhan" và cảm xúc đam mê vẫn còn mãi.

Tạ tình nhau, tạ tình nhau
Trái tim lỗi nhịp vẫn màu đam mê

Lời thơ khép lại bằng sự tri ân đầy ý nghĩa. Dẫu trái tim đã lỗi nhịp, dẫu tình yêu không trọn vẹn, nhưng niềm đam mê trong tình yêu và sự sống vẫn còn hiện diện.

3. Nghệ thuật nổi bật

Ngôn ngữ tinh tế, giàu hình tượng: Những hình ảnh như "chén tống chén quân," "hoa hồng rụng," "tro tàn" tạo nên không gian vừa thực vừa mơ, vừa hiện đại vừa cổ điển.

Âm hưởng buồn man mác: Nhịp thơ chậm rãi, nhẹ nhàng, như dòng nước cuốn trôi cảm xúc, khiến người đọc chìm vào không gian của nhớ thương và nuối tiếc.

Sử dụng hình ảnh thiên nhiên để khơi gợi cảm xúc: Hoa hồng, chim vịt, vì sao, gió mây… đều mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc, vừa trực quan, vừa gợi cảm.

4. Cảm nhận cá nhân

“Bảng Lảng” không chỉ là một bài thơ tình đơn thuần, mà còn là sự triết lý về tình yêu, số phận, và thời gian. Tác giả đã khéo léo vẽ nên một bức tranh đầy hoài niệm, với những cung bậc cảm xúc lắng đọng trong lòng người đọc. Tình yêu, dù ngắn ngủi hay không trọn vẹn, vẫn là điều đáng để ta nâng niu và tri ân. Bài thơ gợi nhắc chúng ta về giá trị của những khoảnh khắc, và rằng mọi cảm xúc trong tình yêu đều là tài sản quý giá trong hành trình sống. ♦

BỤI DUỐI SAU VƯỜN

Bụi duối cao, dày nhất của thôn
(Có từ cái thuở chửa sinh con)
Là nơi chứng kiến lời hò hẹn
Tình của mẹ cha ước nguyện tròn

Màu lá biếc xanh tưởng vĩnh hằng

Đâu ngờ giông tố cuốn trôi phăng
Chiến tranh ly tán còn chi nữa
Cây đổ, người đi cảnh bẽ bàng

Mẹ đã cần lao suốt cuộc đời
Nuôi đàn con dại sớm mồ côi
Vườn xưa bụi duối đâm chồi biếc
Mạnh mẽ vươn lên một khoảnh trời

Những sớm tinh mơ nhuộm nắng hồng
Bế cho con hái quả vàng ong
Bao mùa trái ngọt con mơ ước
Là bấy già nua mẹ chất chồng

Xứ người mãi nhớ chuyện ngày thơ
(Kỷ niệm nào ai dễ xóa mờ)
Mong mỏi ngày nao về gặp Mẹ
Dâng Người chum duối chín vàng mơ!
August 20, 2018

Lời Bình
Bài thơ "Bụi Duối Sau Vườn" là một tác phẩm mang đậm cảm xúc hoài niệm, thể hiện tình yêu thương gia đình, sự hy sinh của người mẹ, và khát khao đoàn tụ. Qua hình ảnh bụi duối – một biểu tượng quen thuộc trong vườn quê, tác giả đã khéo léo dựng lên một bức tranh cảm xúc vừa gần gũi, vừa sâu sắc.

1. Bố cục và nội dung chính

Bài thơ gồm năm khổ, mỗi khổ mang một ý nghĩa riêng, tạo nên mạch cảm xúc liên tục và nhất quán.

Khổ 1: Bụi duối – chứng nhân tình yêu
Bụi duối cao, dày nhất của thôn

(Có từ cái thuở chửa sinh con)
Là nơi chứng kiến lời hò hẹn
Tình của mẹ cha ước nguyện tròn

Mở đầu bài thơ, bụi duối được giới thiệu như một phần quan trọng trong đời sống gia đình, không chỉ là cảnh vật mà còn là chứng nhân cho tình yêu của cha mẹ. "Cái thuở chửa sinh con" gợi lên hình ảnh thời gian xa xưa, nơi bụi duối là biểu tượng của sự khởi đầu, hạnh phúc và hy vọng.

Khổ 2: Chiến tranh và chia ly

Màu lá biếc xanh tưởng vĩnh hằng
Đâu ngờ giông tố cuốn trôi phăng
Chiến tranh ly tán còn chi nữa
Cây đổ, người đi cảnh bẽ bàng

Khổ thơ này chuyển sang tông buồn khi giông tố (biểu tượng cho biến cố) và chiến tranh đã làm đảo lộn mọi thứ. Hình ảnh "màu lá biếc xanh tưởng vĩnh hằng" gợi lên sự mong manh của những gì tưởng chừng như bất biến. Câu "Cây đổ, người đi cảnh bẽ bàng" không chỉ nói về sự tàn phá của thiên nhiên mà còn ám chỉ nỗi đau của chia ly và mất mát do chiến tranh mang lại.

Khổ 3: Người mẹ – biểu tượng của sự kiên cường

Mẹ đã cần lao suốt cuộc đời
Nuôi đàn con dại sớm mồ côi
Vườn xưa bụi duối đâm chồi biếc
Mạnh mẽ vươn lên một khoảnh trời

Từ đây, hình ảnh người mẹ hiện lên rõ nét. Bà là hiện thân của sự hy sinh và kiên cường, một mình nuôi con trong cảnh thiếu thốn, mất mát. "Bụi duối đâm chồi biếc" là hình ảnh song hành cùng mẹ, tượng trưng cho sức sống mãnh liệt và niềm tin vào tương lai.

Khổ 4: Tình mẹ và ký ức tuổi thơ

Những sớm tinh mơ nhuộm nắng hồng

Bế cho con hái quả vàng ong
Bao mùa trái ngọt con mơ ước
Là bấy già nua mẹ chất chồng

Khổ thơ này khơi dậy những ký ức ấm áp về tình mẫu tử. Hình ảnh mẹ "bế cho con hái quả" biểu thị sự che chở, yêu thương vô điều kiện. Từng "mùa trái ngọt" mà con hái được là kết tinh từ công sức và sự hy sinh của mẹ. Câu cuối cùng, "Là bấy già nua mẹ chất chồng," nhấn mạnh sự lặng lẽ hy sinh của mẹ, đánh đổi cả thanh xuân để nuôi con khôn lớn.

Khổ 5: Nỗi nhớ và khát vọng đoàn tụ

Xứ người mãi nhớ chuyện ngày thơ
(Kỷ niệm nào ai dễ xóa mờ)
Mong mỏi ngày nao về gặp Mẹ
Dâng Người chum duối chín vàng mơ!

Khổ thơ cuối là nỗi lòng của người con xa quê. "Xứ người" biểu thị sự xa cách không chỉ về mặt địa lý mà còn là khoảng cách tâm hồn, khiến nỗi nhớ quê và mẹ trở nên day dứt. Hình ảnh "chum duối chín vàng mơ" là biểu tượng của sự tri ân, mong muốn báo đáp công ơn mẹ khi có cơ hội trở về.

2. Nghệ thuật và phong cách

Hình ảnh gần gũi, giàu tính biểu tượng: Bụi duối là hình ảnh quen thuộc ở làng quê, gắn liền với ký ức và cuộc sống của nhiều thế hệ. Nó trở thành biểu tượng cho tình yêu, sự kiên cường và hy sinh.

Ngôn từ giản dị, chân thành: Tác giả sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, giàu cảm xúc, tạo nên sự đồng cảm mạnh mẽ với người đọc.

Biện pháp đối lập: Tác giả đối lập giữa "lá biếc xanh tưởng vĩnh hằng" và "giông tố cuốn trôi phăng" để nhấn mạnh sự vô thường của cuộc sống, giữa "mùa trái ngọt" và "già nua mẹ chất chồng" để khắc họa sâu sắc sự hy sinh của người mẹ.

3. Thông điệp và giá trị

Bài thơ gửi gắm nhiều thông điệp ý nghĩa:
Sự trân trọng những giá trị gia đình: Qua hình ảnh bụi duối, bài thơ nhắc nhở người đọc về những kỷ niệm đẹp, tình yêu thương và sự hy sinh trong gia đình.

Lòng biết ơn và khát khao báo đáp: Người con xa quê luôn mang trong mình lòng biết ơn sâu sắc đối với mẹ và mong muốn được trở về để báo hiếu.

Sức mạnh vượt qua nghịch cảnh: Hình ảnh bụi duối đâm chồi mạnh mẽ sau giông tố là lời nhắn nhủ về khả năng vươn lên của con người trước khó khăn, thử thách.

3. Tổng kết

"Bụi Duối Sau Vườn" là một bài thơ chứa đựng chiều sâu cảm xúc và giá trị nhân văn cao cả. Qua câu chuyện về bụi duối và hình ảnh người mẹ, tác giả đã vẽ nên một bức tranh vừa thân thương, vừa day dứt, khiến người đọc không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của tình yêu gia đình mà còn ý thức rõ ràng hơn về trách nhiệm của mình đối với những người thân yêu. ♦

CỔ THÁP

Cổ Tháp u trầm dưới bóng trăng
Đâu rồi ngày tháng hội hoa đăng
Chiêm nương lộng lẫy dâng quỳnh tửu
Tấu khải hoàn ca, tiệc tẩy trần?

Rừng vẫn xanh màu xanh rất xưa
Mơ đàn voi trận Chế Bồng Nga
Rống lên tiếng uất rung trời đất
Vạn ánh đao quang lóe sáng lòa

Cổ Lũy, Đồ Bàn ngập máu xương
Những chàng trai dũng tử sa trường
Hồn không nơi ngụ về nương náu
Cổ Tháp điêu tàn lạnh khói hương

Chiêm quốc hỡi! Hôm nay non nước Việt
Cũng ngậm hờn trước hiểm họa bắc phương!
8.4.2021

Lời bình:
Bài thơ "Cổ Tháp" là một tác phẩm mang âm hưởng hoài niệm, bi tráng, và đầy tính triết lý lịch sử. Qua hình tượng cổ tháp – chứng nhân của một thời oanh liệt nhưng cũng đầy đau thương của vương quốc Chiêm Thành – Trần Đức Phổ không chỉ nhắc lại quá khứ mà còn gợi suy tư sâu sắc về thực tại và tương lai.

1. Nội dung và chủ đề
Tác phẩm tái hiện lại một thời kỳ hào hùng nhưng bi kịch của lịch sử Chiêm Thành. Cổ Tháp – biểu tượng của một nền văn hóa rực rỡ, của sức mạnh và lòng kiêu hãnh – nay chìm trong u tịch, điêu tàn. Qua đó, bài thơ không chỉ bày tỏ niềm tiếc nuối trước sự phai nhòa của một nền văn minh mà còn ẩn chứa thông điệp về bài học lịch sử cho dân tộc Việt Nam.

2. Phân tích chi tiết
Khổ 1: Vẻ đẹp tráng lệ của quá khứ

Cổ Tháp u trầm dưới bóng trăng
Đâu rồi ngày tháng hội hoa đăng
Chiêm nương lộng lẫy dâng quỳnh tửu
Tấu khải hoàn ca, tiệc tẩy trần?

Hình ảnh "Cổ Tháp u trầm dưới bóng trăng" mở ra một không gian huyền bí, nhuốm màu hoài cổ. Bóng dáng những hội hoa đăng, tiếng khải hoàn ca và tiệc tẩy trần từng là biểu tượng của một thời kỳ huy

hoàng. Song, những hình ảnh ấy giờ chỉ còn là hồi ức xa xăm, gợi lên cảm giác tiếc nuối và lặng lẽ trước sự tàn phai của thời gian.

Khổ 2: Hào khí chiến trận

Rừng vẫn xanh màu xanh rất xưa
Mơ đàn voi trận Chế Bồng Nga
Rống lên tiếng uất rung trời đất
Vạn ánh đao quang lóe sáng lòa

Khổ thơ thứ hai khắc họa tinh thần chiến đấu kiên cường của dân tộc Chiêm Thành, đặc biệt là qua hình tượng Chế Bồng Nga – một vị vua lừng danh với những chiến công chống ngoại xâm. Hình ảnh "rống lên tiếng uất rung trời đất" và "vạn ánh đao quang lóe sáng lòa" không chỉ tái hiện không khí chiến trận hùng tráng mà còn nhấn mạnh sự oanh liệt của một thời kỳ lịch sử không thể quên.

Khổ 3: Bi kịch và tàn lụi

Cổ Lũy, Đồ Bàn ngập máu xương
Những chàng trai dũng tử sa trường
Hồn không nơi ngụ về nương náu
Cổ Tháp điêu tàn lạnh khói hương

Những địa danh như Cổ Lũy và Đồ Bàn gợi nhớ về các trận chiến đẫm máu và sự hy sinh của những người con Chiêm Thành. Tuy nhiên, hào khí ngày xưa giờ chỉ còn lại trong ký ức. Cổ Tháp, từng là nơi thiêng liêng, giờ trở thành biểu tượng cho sự điêu tàn và mất mát. Hình ảnh "lạnh khói hương" khắc sâu nỗi cô quạnh, đồng thời gợi lên cảm giác xót xa trước sự lụi tàn của một nền văn hóa.

Khổ 4: Lời cảnh tỉnh cho thực tại

Chiêm quốc hỡi! Hôm nay non nước Việt
Cũng ngậm hờn trước hiểm họa bắc phương!

Khép lại bài thơ, Trần Đức Phổ kết nối bi kịch của Chiêm Thành với vận mệnh của Việt Nam hôm nay. Lời thơ là một tiếng gọi tỉnh thức,

nhắc nhở về bài học lịch sử: sự lơ là hoặc chủ quan có thể dẫn đến mất mát và đau thương.

3. Nghệ thuật nổi bật

Ngôn ngữ trầm hùng, đậm chất sử thi: Những từ ngữ như "u trầm," "rống lên," "đao quang" mang tính biểu tượng mạnh, tạo nên âm hưởng bi tráng.

Hình tượng gợi cảm: Hình ảnh cổ tháp, Chiêm nương, đàn voi trận, ánh đao quang được sử dụng tinh tế, gợi lên không khí vừa hào hùng vừa bi thương.

Kết cấu chặt chẽ: Bài thơ dẫn dắt người đọc qua bốn giai đoạn – từ hoài niệm quá khứ, khơi lại hào khí, đến nỗi đau bi kịch và kết thúc bằng lời cảnh tỉnh thực tại.

4. Cảm nhận cá nhân

Bài thơ "Cổ Tháp" không chỉ là một tác phẩm về Chiêm Thành mà còn là bài học sâu sắc về vận mệnh của các dân tộc. Tác phẩm khiến người đọc cảm nhận được sự mong manh của nền văn minh trước dòng chảy nghiệt ngã của lịch sử. Đồng thời, qua những dòng thơ đậm tính triết lý, Trần Đức Phổ đã khéo léo khơi dậy niềm tự hào dân tộc, cũng như trách nhiệm bảo vệ quê hương trước những hiểm họa hiện tại.

Cổ Tháp đứng lặng lẽ dưới bóng trăng như một chứng nhân vĩnh cửu của thời gian, khiến chúng ta không khỏi xúc động trước sự chuyển dịch của lịch sử và những bài học chưa bao giờ cũ. ♦

ĐOẢN THI CHUỘT

Mười hai con giáp đứng đầu thiên hạ
Mặt láo liêng, mình béo núc, ranh ma
Từ nông thôn đến thành thị, xó nhà
Chúng đục khoét, giành ăn kêu chí chóe

Thứ ăn được chúng đều ăn, bất kể
Chốn rừng vàng, nơi biển bạc, đồng xanh
Chúng ăn chẳng từ của chị hoặc của anh
Người lao động, hay là dân trí thức

Chúng ăn ở mọi nơi, và mọi lúc
Từ trong chùa ra cống rãnh, bờ đê
Chúng quây quần lập thành hội, thành bè
Cùng quy tụ dưới lá cờ ăn cướp

Dân chỉ biết kêu than, làm chi được
Khi tổng miêu đập chuột sợ bể đồ?
16/9/2023

Lời bình:
Bài thơ "Đoản Thi Chuột" là một tác phẩm trào phúng đầy sâu cay, sử dụng hình ảnh loài chuột để ẩn dụ, phản ánh sâu sắc về thực trạng xã hội, đặc biệt là vấn đề tham nhũng, bất công và sự bất lực của người dân trước những bất cập của hệ thống quyền lực.

1. Bố cục và nội dung chính
Bài thơ được chia làm bốn khổ, mỗi khổ thể hiện một khía cạnh cụ thể của loài chuột - hình ảnh trung tâm để phản ánh các vấn đề xã hội.

Khổ 1: Hình tượng chuột – quyền lực và sự tinh ranh
Mười hai con giáp đứng đầu thiên hạ
Mặt láo liêng, mình béo núc, ranh ma
Từ nông thôn đến thành thị, xó nhà
Chúng đục khoét, giành ăn kêu chí chóe
Tác giả mở đầu bằng cách liên hệ loài chuột với biểu tượng "mười hai con giáp," như một cách nhấn mạnh sự hiện diện phổ biến và ảnh hưởng rộng rãi của chúng. Các tính từ như "láo liêng," "béo núc," "ranh

ma" không chỉ mô tả đặc tính của loài chuột mà còn ẩn dụ về những con người tham lam, mưu mô, lợi dụng quyền lực để trục lợi.

Hình ảnh "từ nông thôn đến thành thị, xó nhà" cho thấy vấn nạn này không phải là hiện tượng cục bộ mà lan rộng khắp mọi nơi. "Đục khoét, giành ăn kêu chí chóe" là biểu tượng của sự tham lam, hỗn loạn trong xã hội.

Khổ 2: Sự tham lam vô độ

Thứ ăn được chúng đều ăn, bất kể
Chốn rừng vàng, nơi biển bạc, đồng xanh
Chúng ăn chẳng từ của chị hoặc của anh
Người lao động, hay là dân trí thức

Khổ thơ thứ hai tiếp tục khắc họa bản chất tham lam của "chuột." Chúng không phân biệt tài sản hay đối tượng, mà chỉ tập trung vào lợi ích cá nhân, bất kể hậu quả. Tác giả sử dụng hình ảnh "rừng vàng, biển bạc, đồng xanh" – những tài nguyên quý giá của đất nước – để nhấn mạnh sự cạn kiệt và phá hoại từ các hành vi này.

Câu "Chúng ăn chẳng từ của chị hoặc của anh" nhấn mạnh sự bất chấp, không phân biệt tầng lớp hay vị thế, từ người lao động đến trí thức, tất cả đều có thể trở thành nạn nhân.

Khổ 3: Quy mô và tổ chức

Chúng ăn ở mọi nơi, và mọi lúc
Từ trong chùa ra cống rãnh, bờ đê
Chúng quây quần lập thành hội, thành bè
Cùng quy tụ dưới lá cờ ăn cướp

Khổ thơ thứ ba cho thấy mức độ nghiêm trọng hơn khi "chuột" không chỉ hoạt động cá nhân mà còn có tổ chức, "lập thành hội, thành bè." Chúng hiện diện khắp mọi nơi, từ những nơi linh thiêng như chùa chiền cho đến những nơi tăm tối như "cống rãnh, bờ đê."

Hình ảnh "lá cờ ăn cướp" là một cách nói ẩn dụ mạnh mẽ về sự cấu kết của những kẻ tham lam, biến hành động phi pháp trở thành "chuẩn

mực" để bảo vệ lợi ích nhóm. Điều này khiến người dân rơi vào tình trạng bế tắc, bất lực.

Khổ 4: Bất lực trước thực trạng

Dân chỉ biết kêu than, làm chi được
Khi tổng miêu đập chuột sợ bể đồ?

Khổ thơ cuối là lời kết đầy chua xót, thể hiện rõ sự bất lực của người dân khi đối mặt với vấn nạn tham nhũng. Dù "tổng miêu" (biểu tượng cho người lãnh đạo hoặc những người có trách nhiệm) nhận thức được tình trạng "chuột," nhưng lại không dám hành động quyết liệt vì lo ngại "bể đồ" – sợ làm tổn hại đến chính mình hoặc những lợi ích khác. Hình ảnh này phê phán sự lưỡng lự, thiếu quyết đoán trong việc xử lý vấn đề, khiến xã hội rơi vào vòng luẩn quẩn.

2. Nghệ thuật và phong cách

Ngôn từ giản dị, súc tích: Tác giả sử dụng những từ ngữ đời thường nhưng giàu hình ảnh, tạo cảm giác gần gũi, dễ hiểu nhưng cũng đầy châm biếm.

Ẩn dụ và biểu tượng: Hình tượng "chuột" và "tổng miêu" là những biểu tượng ẩn dụ đắt giá, phản ánh một cách tinh tế những vấn đề nhức nhối trong xã hội.

Kết cấu sonnet: Dù bài thơ có vẻ tự do, nhưng vẫn giữ được tính nhất quán, chặt chẽ trong ý tưởng và bố cục, mang lại cảm giác cân đối, hài hòa.

3. Thông điệp và giá trị

Bài thơ không chỉ là tiếng nói phê phán mạnh mẽ mà còn là lời cảnh tỉnh, kêu gọi sự thay đổi. Nó không chỉ phản ánh thực trạng tham nhũng, bất công mà còn nhấn mạnh sự bất lực của người dân và sự cần thiết phải có những hành động quyết liệt, minh bạch từ những người lãnh đạo.

"Đoản Thi Chuột" là một tác phẩm đầy sức nặng, vừa châm biếm sâu cay, vừa đau xót trước những nghịch cảnh xã hội. Nó không chỉ

giúp người đọc nhận thức mà còn thúc đẩy suy nghĩ về trách nhiệm cá nhân và cộng đồng trong việc xây dựng một xã hội công bằng, minh bạch hơn. ♦

ĐỪNG TƯỞNG

Đừng tưởng thiên hạ ngu ngơ hết
Mình ta thông thái nhất trần đời
Đừng tưởng sống lâu là không chết
Ai người cũng gặp tử thần thôi

Đừng tưởng ngày sau trong sử sách
Chẳng còn lưu vết tích thị phi
Nước dẫu trăm dòng không rửa sạch
Bia miệng nào ai có lạ gì

Đừng tưởng dương gian là cõi tạm
Thiên đường / địa ngục chỗ quay về
Con người nếu chết mà không tận
Sao sợ hồi chuông báo tử kia?

Đừng tưởng cuộc đời là huyễn mộng
Khóc cười yêu hận... thảy vô minh
Vạn vật nếu chẳng may ngừng sống
Chân như cũng là cõi vô hình!
26.01.2022

Lời bình:
Bài thơ "Đừng Tưởng" của Trần Đức Phổ mang đậm chất triết lý, thể hiện sự chiêm nghiệm sâu sắc về cuộc đời, con người và cái chết. Mỗi câu thơ đều chứa đựng một lời nhắn nhủ, một bài học về sự khiêm nhường, tỉnh thức và đối diện với sự thật khắc nghiệt của cuộc sống.

Bình luận chi tiết:

1. Tư tưởng về sự khiêm nhường:

Câu thơ đầu tiên: "Đừng tưởng thiên hạ ngu ngơ hết, Mình ta thông thái nhất trần đời" nhắc nhở con người không nên tự cao tự đại, nghĩ rằng mình là người thông thái nhất, còn thiên hạ chỉ là những kẻ ngu ngơ. Điều này phản ánh thái độ khiêm nhường cần có trong cuộc sống, tránh sự tự mãn, tự cho mình là đúng mà bỏ qua sự hiểu biết của người khác.

2. Nhắc nhở về sự vô thường:

Câu "Đừng tưởng sống lâu là không chết, Ai người cũng gặp tử thần thôi" khẳng định một chân lý không thể tránh khỏi: cái chết là điều tất yếu. Dù sống lâu hay ngắn, không ai có thể trốn thoát khỏi cái chết. Bài thơ khắc họa sự vô thường của cuộc đời, khuyến khích con người hãy sống chân thành, biết trân trọng từng giây phút.

3 Cảnh tỉnh về sự danh lợi:

"Đừng tưởng ngày sau trong sử sách, Chẳng còn lưu vết tích thị phi" thể hiện sự cảnh báo về danh vọng, tiền tài. Những lời khen, tiếng chê trong cuộc đời, dù có lớn lao đến đâu, rồi cũng sẽ phai mờ theo thời gian. Bài thơ nhắc nhở con người không nên quá bận tâm về danh vọng, vì cuối cùng, mọi thứ cũng chỉ là phù du.

4 Về cuộc sống và cái chết:

Những câu thơ như "Đừng tưởng dương gian là cõi tạm, Thiên đường / địa ngục chỗ quay về" hay "Con người nếu chết mà không tận, Sao sợ hồi chuông báo tử kia?" thể hiện tư tưởng về sự chuyển tiếp của linh hồn và cái chết không phải là kết thúc mà là một sự chuyển tiếp, một sự kết nối với một thế giới khác. Cái chết không phải là điều đáng sợ, mà là một phần không thể thiếu trong chu trình của cuộc sống.

5 Chiêm nghiệm về ý nghĩa thực sự của đời sống:

"Đừng tưởng cuộc đời là huyễn mộng, Khóc cười yêu hận... thảy vô minh" là lời nhắc nhở về tính vô thường của những cảm xúc và sự vật trong cuộc sống. Tình yêu, sự thù hận, niềm vui hay nỗi buồn đều là những cảm xúc không vĩnh viễn. Cuộc đời có thể chỉ là một giấc mơ, và những gì ta đang trải qua có thể không phải là cái thực sự tồn tại.

6 Cảnh báo về sự vô thức:

Câu kết "Vạn vật nếu chẳng may ngừng sống, Chân như cũng là cõi vô hình!" nhấn mạnh rằng mọi sự vật đều có sự biến đổi, và nếu không nhận thức được bản chất chân thực của vạn vật, thì mọi thứ chỉ là ảo tưởng, chỉ là một "cõi vô hình", một thế giới mà con người không thể nắm bắt được.

Tổng kết:

Bài thơ "Đừng Tưởng" mang đến những suy ngẫm sâu sắc về cuộc sống, cái chết, sự vô thường và những ảo tưởng trong tâm trí con người. Trần Đức Phổ khéo léo sử dụng lối thơ tứ tuyệt để chuyển tải những triết lý sống giản dị nhưng đầy sức nặng. Mỗi câu thơ đều khuyến khích con người tỉnh thức, sống chân thật và không bị cuốn vào những ham muốn, mộng tưởng hay những cảm xúc tạm thời trong cuộc sống. ♦

CẢM TÁC CA KHÚC "HẬN ĐỒ BÀN"

Tôi không phải mang dòng họ Chế
Vẫn tâm tư vận nước Chiêm Thành
Đồng điệu với dân Hời có lẽ
Cùng lưu vong trên chính quê mình?

Cô gái Việt làm dâu Chiêm quốc
Bảy trăm năm hồn vẫn đi về
Cháu con bà ai còn ai mất?

Thành quách xưa chẳng dấu tích gì!

Ô, có phải Chiêm nương quá đẹp
Lả lơi dâng điệu múa nghê thường
Đôi tay ngà rót chung rượu ngọt
Làm nhụt lòng, giảm chí quân vương?

Từ lúc Chế Bồng Nga tử trận
Những trai hùng tướng giỏi nơi đâu?
Biển réo gọi chiến thuyền vượt sóng
Rừng xanh mơ tiếng rống voi chầu

Những ngọn tháp của thời hưng thịnh
Nay tan hoang đổ nát rêu phong;
Những vị thần linh thiêng dũng mãnh
Bị thu hồi bí tích thần thông?

Những đóm lửa ma Hời thấp thoáng
Đang tìm về với núi sông xưa,
Ca khúc "Hận Đồ Bàn" bi tráng
Cũng chỉ buồn, nuối tiếc vu vơ!
17/06/2022

Lời bình:
A. Phân tích bài thơ
Bài thơ "Cảm Tác Ca Khúc 'Hận Đồ Bàn'" của Trần Đức Phổ là một tác phẩm giàu tính triết lý và cảm xúc, thể hiện nỗi xót xa trước sự suy tàn của vương quốc Chiêm Thành cùng niềm đồng cảm với thân phận của những con người bị bức bách bởi lịch sử. Với giọng điệu trầm lắng, hình ảnh giàu sức gợi và ngôn từ tinh tế, bài thơ khơi dậy những suy ngẫm về sự mong manh của văn hóa và lịch sử.

1. Chủ đề và nội dung chính

Bài thơ phản ánh nỗi tiếc thương cho sự sụp đổ của một vương quốc từng rực rỡ. Bên cạnh đó, tác giả cũng khơi gợi những cảm xúc về sự hòa quyện, giao thoa và đôi khi là mâu thuẫn giữa các nền văn hóa.

Nhân vật trữ tình trong bài thơ không mang dòng máu Chăm, nhưng vẫn cảm nhận được nỗi đau của người Chiêm Thành qua lời ca khúc "Hận Đồ Bàn." Đây là một biểu tượng cho bi kịch của sự mất mát: thành quách hoang tàn, văn hóa mai một, và người dân lưu vong ngay trên quê hương mình.

2. Phân tích từng khổ thơ

Khổ 1: Nỗi đồng cảm với dân tộc Chiêm Thành

Tôi không phải mang dòng họ Chế
Vẫn tâm tư vận nước Chiêm Thành
Đồng điệu với dân Hời có lẽ
Cùng lưu vong trên chính quê mình?

Mở đầu bài thơ, tác giả khẳng định sự khác biệt về nguồn gốc nhưng đồng thời bày tỏ nỗi đồng cảm sâu sắc. Chiêm Thành đã mất nước, dân tộc phải chịu cảnh lưu vong, điều này gợi lên nỗi đau không chỉ thuộc về riêng người Chăm mà còn chung cho bất kỳ ai đã từng trải qua mất mát. Câu hỏi tu từ ở cuối khổ thơ "Cùng lưu vong trên chính quê mình?" khiến người đọc suy ngẫm về sự bi thương khi một dân tộc trở thành người xa lạ ngay trên chính đất đai từng là của họ.

Khổ 2: Hình ảnh giao thoa văn hóa Việt-Chiêm

Cô gái Việt làm dâu Chiêm quốc
Bảy trăm năm hồn vẫn đi về
Cháu con bà ai còn ai mất?
Thành quách xưa chẳng dấu tích gì!

Hình ảnh "cô gái Việt làm dâu Chiêm quốc" tượng trưng cho sự hòa quyện của hai dân tộc, nhưng đồng thời cũng gợi lên nỗi tiếc nuối về sự mai một. Qua câu hỏi "Cháu con bà ai còn ai mất?", tác giả nhấn mạnh sự bấp bênh của thời gian và số phận con người.

Cụm từ “thành quách xưa chẳng dấu tích gì” là hình ảnh ẩn dụ cho sự hủy diệt của chiến tranh và thời gian đối với di sản văn hóa Chiêm Thành.

Khổ 3: Vẻ đẹp Chiêm nữ và sự lụi tàn của chí khí quân vương

Ô, có phải Chiêm nương quá đẹp
Lả lơi dâng điệu múa nghê thường
Đôi tay ngà rót chung rượu ngọt
Làm nhụt lòng, giảm chí quân vương?

Tác giả khéo léo gợi lên hình ảnh người phụ nữ Chăm với vẻ đẹp quyến rũ, mềm mại qua “điệu múa nghê thường” và “đôi tay ngà.” Tuy nhiên, vẻ đẹp ấy lại bị cho là nguyên nhân làm “giảm chí quân vương.” Đây không chỉ là câu chuyện riêng của Chiêm Thành mà còn là một biểu tượng phổ quát trong lịch sử: vẻ đẹp và sự yếu mềm đôi khi trở thành lý do dẫn đến sự suy tàn của một quốc gia.

Khổ 4: Hào khí Chiêm Thành và sự lụi tàn

Từ lúc Chế Bồng Nga tử trận
Những trai hùng tướng giỏi nơi đâu?
Biển réo gọi chiến thuyền vượt sóng
Rừng xanh mơ tiếng rống voi chầu.

Khổ thơ này tái hiện hào khí oai hùng của Chiêm Thành qua hình ảnh Chế Bồng Nga – vị vua lừng lẫy. Sự tử trận của ông đánh dấu sự suy tàn của một thời kỳ huy hoàng. Những hình ảnh chiến thuyền vượt sóng, tiếng voi rống trong rừng thể hiện một thời kỳ oanh liệt, nhưng nay chỉ còn là giấc mơ.

Khổ 5: Sự suy tàn của văn hóa và niềm tin

Những ngọn tháp của thời hưng thịnh
Nay tan hoang đổ nát rêu phong;
Những vị thần linh thiêng dũng mãnh
Bị thu hồi bí tích thần thông?

Những hình ảnh tháp Chàm "tan hoang đổ nát rêu phong" tượng trưng cho sự suy tàn của văn hóa và tôn giáo Chiêm Thành. Câu hỏi tu từ cuối khổ thơ "Bị thu hồi bí tích thần thông?" khắc họa sự bất lực trước sự thay đổi không thể cưỡng lại của lịch sử.

Khổ 6: Nỗi tiếc nuối và bi tráng

Những đốm lửa ma Hời thấp thoáng
Đang tìm về với núi sông xưa,
Ca khúc "Hận Đồ Bàn" bi tráng
Cũng chỉ buồn, nuối tiếc vu vơ!

Kết thúc bài thơ, tác giả tái hiện những hình ảnh kỳ bí như "đốm lửa ma Hời" – biểu tượng cho linh hồn của một dân tộc không chịu tan biến. Tuy nhiên, tất cả chỉ còn là nỗi buồn và tiếc nuối, không thể thay đổi thực tại.

3. Nghệ thuật nổi bật

- Ngôn ngữ giản dị, giàu sức gợi: Tác giả sử dụng ngôn từ gần gũi nhưng giàu hình ảnh, giúp người đọc dễ dàng cảm nhận.
- Câu hỏi tu từ: Những câu hỏi xuyên suốt bài thơ khiến người đọc suy ngẫm về sự tàn lụi của văn hóa và lịch sử.
- Biểu tượng: Các hình ảnh như cô gái Việt, tháp Chàm, đốm lửa ma Hời tạo nên không gian vừa thực vừa huyền ảo, tăng thêm chiều sâu ý nghĩa.

4. Ý nghĩa bài thơ

Bài thơ không chỉ là tiếng lòng xót xa cho một nền văn hóa đã mất, mà còn là lời nhắc nhở mỗi người về sự quý giá của những di sản văn hóa và bài học từ lịch sử. Tác giả khơi gợi niềm đồng cảm với những mất mát và thôi thúc ý thức bảo vệ giá trị văn hóa, tinh thần của dân tộc.

Bài thơ, dù mang màu sắc bi tráng, vẫn mở ra những suy ngẫm lớn lao về tình yêu quê hương, con người và lịch sử.

B. Cảm nhận về bài thơ

Bài thơ "Cảm Tác Ca Khúc 'Hận Đồ Bàn'" của Trần Đức Phổ gợi lên những cảm xúc sâu lắng về sự suy tàn của vương quốc Chiêm Thành, đồng thời thể hiện nỗi hoài niệm và cảm thương về một thời kỳ lịch sử vàng son đã lụi tàn. Qua ngôn từ giàu cảm xúc và hình ảnh gợi hình, tác giả đã làm sống lại những ký ức bi hùng về một nền văn hóa từng rực rỡ nhưng nay chỉ còn là dấu vết mờ nhạt.

Tác giả bắt đầu bằng lời thổ lộ chân thành: dù không mang dòng máu Chăm, ông vẫn đồng cảm sâu sắc với vận mệnh bi thương của dân tộc này. Nỗi đau bị mất nước, bị lưu vong trên chính quê hương mình không chỉ là câu chuyện của người Chăm, mà còn là bi kịch chung của những dân tộc nhỏ bé trước sức mạnh áp đảo của thời cuộc.

Hình ảnh cô gái Việt làm dâu đất Chiêm và những vũ điệu, rượu ngọt của Chiêm nương trở thành biểu tượng của một nền văn hóa đầy quyến rũ, nhưng cũng khiến lòng quân vương bị lung lay, để rồi đất nước rơi vào lụi tàn. Tác giả khéo léo đan xen giữa thực và mộng, giữa hoài niệm và tiếc nuối.

Những câu thơ cuối, với hình ảnh "những đốm lửa ma Hời thấp thoáng" và "Ca khúc 'Hận Đồ Bàn' bi tráng," là lời khép lại đầy xót xa. Dường như tác giả không chỉ tiếc nuối quá khứ huy hoàng của Chiêm Thành mà còn cảm nhận được sự mong manh của lịch sử và văn hóa trước sự tàn phá của thời gian.

Bài thơ đã thành công khơi gợi lòng trắc ẩn và sự suy ngẫm về những giá trị văn hóa đang phai mờ, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. ♦

QUÊ EM MIỀN TÂY BẮC

Thương quê em chốn đèo heo hút gió
Mái lá thưa không che nổi sao trời
Đêm thức giấc nai lạc bầy tác gọi
Nghe nao lòng như điệp khúc à ơi !

Thương em bé ngủ vùi trên lưng mẹ
Giữa trưa hè nắng đổ lửa trên nương
Nơi dốc núi kìa dăm ba đứa trẻ
Mặt buồn xo đi chân đất đến trường

Thương quê em mùa về giăng nước lũ
Đường hóa sông thành phố trắng mưa rừng
Những em bé vùng cao càng lam lũ
Mắt mẹ già những giọt lệ rưng rưng!

Thương quê em những đoàn tàu rất vội
Chở tài nguyên đem bán tháo nước người
Từng mét gỗ, từng xe gòng mỏ quặng
Còn thơm nồng những giọt máu đỏ tươi!

Thương quê em những tượng đài, dinh thự
Mọc hiên ngang trước đói khổ bần hàn
Những « dấu ấn » của một thời lịch sử
Rồi sẽ thành bia miệng của thế nhân !
July 12 2017

Lời bình:
Bài thơ “Quê Em Miền Tây Bắc” là một bức tranh chân thực, xúc động về cuộc sống ở vùng cao Tây Bắc – nơi thiên nhiên hùng vĩ nhưng con người lại chịu nhiều khốn khó và bất công. Tác giả đã truyền tải những

tâm tư trĩu nặng tình thương và nỗi xót xa qua từng câu chữ, khiến người đọc không khỏi suy nghĩ, trăn trở.

1. Hình ảnh quê hương Tây Bắc mộc mạc nhưng đầy khó khăn
Tây Bắc hiện lên qua hình ảnh "chốn đèo heo hút gió," "mái lá thưa không che nổi sao trời," gợi lên vẻ đẹp hoang sơ nhưng chất chứa sự nghèo nàn, thiếu thốn. Những âm thanh của rừng núi như tiếng "nai lạc bầy tác gọi" hay cảm giác "điệp khúc à ơi" khiến lòng người trĩu nặng, vừa thấm đượm tình quê, vừa day dứt trước những gian truân mà người dân nơi đây phải đối mặt.

Hình ảnh em bé ngủ trên lưng mẹ giữa cái nắng trưa gay gắt, hay những đứa trẻ chân đất đến trường, làm nổi bật cuộc sống lam lũ, cơ cực nhưng vẫn cố gắng bám trụ nơi núi rừng. Qua đó, tác giả gợi nhắc đến tinh thần chịu thương, chịu khó của người dân miền núi, đặc biệt là các em nhỏ – thế hệ tương lai đầy hy vọng.

2. Nỗi đau của con người trước thiên tai và bất công xã hội
Những khó khăn không chỉ đến từ thiên nhiên khắc nghiệt mà còn từ những vấn nạn xã hội. Cảnh "mùa về giăng nước lũ," "đường hóa sông, thành phố trắng mưa rừng" phản ánh thiên tai thường xuyên tàn phá vùng cao, khiến cuộc sống người dân càng thêm vất vả. Mắt mẹ già rưng rưng nước mắt như biểu tượng cho sự cam chịu, đau khổ trước nỗi bất hạnh của đời mình và con cháu.
Đặc biệt, bài thơ phơi bày thực trạng khai thác tài nguyên một cách cạn kiệt:

"Những đoàn tàu rất vội
Chở tài nguyên đem bán tháo nước người"

Những dòng thơ đầy ẩn ý và phẫn nộ, chỉ ra sự bóc lột không thương tiếc từ thiên nhiên quê hương. Mỗi mét gỗ, mỗi xe quặng không chỉ là tài sản vật chất mà còn là "giọt máu đỏ tươi" – biểu tượng cho sinh mệnh và sức sống của vùng đất.

3. Phê phán bất công và sự vô cảm
Tác giả không chỉ xót xa trước thiên tai và sự nghèo khó, mà còn mạnh mẽ lên án những bất công xã hội. Hình ảnh những "tượng đài, dinh thự mọc hiên ngang" giữa sự "đói khổ bần hàn" làm nổi bật sự đối lập đầy trớ trêu. Đó là những công trình thể hiện quyền lực và xa hoa của một thời, nhưng chúng sẽ trở thành "bia miệng của thế nhân" – lời nhắc nhở về những sai lầm và bất công trong lịch sử.

4. Tình thương và nỗi đau trong từng câu chữ
Bài thơ đong đầy tình thương đối với quê hương Tây Bắc, với những con người chân chất, chịu thương chịu khó. Tác giả dùng từ "thương" lặp lại ở đầu mỗi khổ, như một điệp khúc da diết, nhấn mạnh sự đồng cảm và nỗi đau xót trước thực trạng nghèo khổ, bất công.
Câu thơ cuối cùng:
"Rồi sẽ thành bia miệng của thế nhân!"
không chỉ là lời cảnh tỉnh mà còn là niềm hy vọng vào sự thức tỉnh của xã hội, để những bất công và đau thương không còn lặp lại.

5. Nghệ thuật biểu đạt
- Ngôn ngữ giản dị nhưng giàu sức gợi cảm: Những hình ảnh quen thuộc như mái lá, tiếng nai, em bé ngủ trên lưng mẹ, hay con đường hóa sông đều mang tính biểu tượng cao, khiến người đọc dễ dàng hình dung và cảm nhận.
- Sử dụng điệp từ "thương": Điệp từ này xuyên suốt bài thơ, tạo nên âm hưởng trầm buồn, nhấn mạnh nỗi niềm của tác giả.
- Ẩn dụ và biểu tượng: Các hình ảnh như "giọt máu đỏ tươi," "bia miệng của thế nhân" vừa cụ thể vừa mang ý nghĩa sâu sắc, gợi lên những suy tư về trách nhiệm xã hội.

6. Cảm nhận
Bài thơ "Quê Em Miền Tây Bắc" không chỉ là lời kể chân thực về khó khăn và gian truân của người dân miền núi mà còn là tiếng nói đầy tình thương và khát khao thay đổi. Qua từng câu chữ, người đọc cảm

nhận được tấm lòng tha thiết của tác giả dành cho quê hương và sự trăn trở trước những bất công còn tồn tại.

Đây là một bài thơ giàu ý nghĩa nhân văn, gợi lên sự đồng cảm sâu sắc và khơi dậy tinh thần trách nhiệm trong mỗi chúng ta, để chung tay xây dựng một quê hương tốt đẹp hơn, công bằng hơn. ♦

NHỮNG GÁNH HÀNG RONG

Tuổi thơ ơi, nơi phố nghèo lam lũ
Dễ mấy ai quên được gánh hàng rong
Sáng trưa chiều quà vặt đều có đủ
Khúc mía, củ khoai, mỗi lúc đói lòng

Những cái bong bóng xanh vàng tím đỏ
Những chú tò he hình dạng khôi hài
Là mơ ước của bao nhiêu em nhỏ
Trước cổng trường giờ tan học giằng dai

Những người chị, những cô, dì tần tảo
Từ tinh mơ cho đến lúc lên đèn
Nước mắt, mồ hôi đổi từng bát gạo
Đời nhọc nhằn chẳng một tiếng kêu rên

Họ cam tâm nay hy sinh đời bố
Để mai này rạng rỡ cuộc đời con
Đã không hiếm những mẹ cha nghèo khó
Con cái thành danh thơm nức tiếng đồn

Những gánh hàng rong thân quen biết mấy
Nghe tiếng rao hời quá đỗi yêu thương
Như tiếng mẹ, tiếng em hay tiếng chị
Giữa chiều quê, đêm thanh vắng phố phường

Chỉ những kẻ lương tâm không trong sạch
Mới tị hiềm, khinh miệt gánh hàng rong
Bởi có thể ngày xưa còn nghèo kiết
Từng một thời ơi ới gọi... hàng rong!
18/8/2020

Lời Bình:
Bài thơ "Những Gánh Hàng Rong" của Trần Đức Phổ là lời tri ân sâu sắc dành cho những con người lao động lam lũ, đặc biệt là những người gắn bó với hình ảnh gánh hàng rong quen thuộc nơi phố nghèo. Qua từng khổ thơ, tác giả không chỉ tái hiện một bức tranh sinh hoạt đời thường mà còn khắc họa giá trị nhân văn, sự hy sinh thầm lặng của những con người mưu sinh vất vả.

1. Hình ảnh gánh hàng rong và tuổi thơ êm đềm
Bài thơ mở đầu với nỗi nhớ về tuổi thơ gắn bó cùng những gánh hàng rong. Những món quà vặt dân dã như "khúc mía, củ khoai" hay hình ảnh "bong bóng xanh vàng tím đỏ" và "chú tò he khôi hài" hiện lên sinh động, gần gũi.

Tuổi thơ ơi, nơi phố nghèo lam lũ
Dễ mấy ai quên được gánh hàng rong

Câu thơ như một tiếng gọi thân thương, gợi nhắc những kỷ niệm giản dị, trong trẻo. Hình ảnh gánh hàng rong không chỉ là phương tiện mưu sinh mà còn là một phần ký ức đẹp đẽ, nơi lưu giữ ước mơ nhỏ bé của những đứa trẻ nghèo.

2. Sự tần tảo và hy sinh của người lao động
Những người gánh hàng rong – "chị, cô, dì" – hiện lên qua hình ảnh "từ tinh mơ cho đến lúc lên đèn," gợi sự miệt mài, cần cù không ngơi nghỉ. Từng bát gạo, từng đồng tiền kiếm được đều đổi bằng "nước mắt, mồ hôi," cho thấy nỗi vất vả triền miên mà họ phải gánh chịu.

Họ cam tâm nay hy sinh đời bố

Để mai này rạng rỡ cuộc đời con

Sự hy sinh ấy không chỉ vì cuộc sống hôm nay mà còn vì tương lai của thế hệ sau. Những người cha, người mẹ nghèo khó chấp nhận "nhọc nhằn chẳng một tiếng kêu rên" với hy vọng con cái có thể thay đổi số phận, đạt được thành công và cuộc sống tốt đẹp hơn.

3. Giá trị nhân văn và sự tôn vinh lao động

Tác giả dành những lời ca ngợi đầy trân trọng cho gánh hàng rong, coi đó là biểu tượng của tình yêu thương, sự gắn bó gia đình và cộng đồng:

Nghe tiếng rao hời quá đỗi yêu thương
Như tiếng mẹ, tiếng em hay tiếng chị

Tiếng rao của gánh hàng rong không chỉ là âm thanh quen thuộc mà còn là nhịp sống thân thương, chất chứa bao nỗi niềm của người lao động. Những gánh hàng rong trở thành sợi dây gắn kết giữa quá khứ và hiện tại, giữa con người với quê hương, gia đình.

4. Lên án những định kiến xã hội

Bài thơ đồng thời phê phán những kẻ thiếu lương tâm, xem thường lao động:

Chỉ những kẻ lương tâm không trong sạch
Mới tị hiềm, khinh miệt gánh hàng rong

Những người từng nghèo khó, từng "ơi ới gọi hàng rong" mà nay quay lưng khinh rẻ chính những con người như họ xưa kia, là đối tượng mà tác giả muốn nhắc nhở. Bài thơ khẳng định rằng sự lao động chân chính, dù vất vả hay nhỏ bé, vẫn đáng được tôn vinh, vì đó là cội nguồn của sự sống và phát triển.

5. Nghệ thuật biểu đạt

- Ngôn ngữ bình dị, chân thực: Tác giả sử dụng những câu chữ mộc mạc, gần gũi, tái hiện hình ảnh đời thường một cách sống động và dễ cảm nhận.

- Hình ảnh giàu sức gợi: Những món quà vặt, bóng bay, tò he, hay tiếng rao… không chỉ là hình ảnh vật chất mà còn mang giá trị tinh thần sâu sắc.
- Giọng thơ tha thiết, trìu mến: Sự trân trọng, yêu thương và xót xa của tác giả dành cho những gánh hàng rong được thể hiện rõ qua giọng điệu thơ nhẹ nhàng, đầy cảm xúc.

6. Cảm nhận và ý nghĩa
Bài thơ "Những Gánh Hàng Rong" không chỉ là lời tri ân đối với những người lao động nghèo mà còn là lời nhắc nhở về giá trị của sự hy sinh, của lao động chân chính. Hình ảnh gánh hàng rong, tưởng chừng nhỏ bé và bình thường, lại chứa đựng cả một bầu trời yêu thương, trách nhiệm và niềm hy vọng.

Đọc bài thơ, người ta không chỉ nhớ về những kỷ niệm thời thơ ấu mà còn cảm thấy yêu quý và trân trọng hơn những con người thầm lặng, cần cù, đóng góp không nhỏ vào cuộc sống này. Tác phẩm là một tiếng nói nhân văn, khơi dậy lòng biết ơn và tinh thần đoàn kết trong xã hội. ♦

MỘ GIÓ

Nếu có ai chưa từng đi biển
Chưa biết đại dương quá hãi hùng
Sóng đã bao lần quen nuốt chửng
Con người sản vật, chẳng bao dung?

Anh đã có ghé về Quảng Ngãi
Dự lễ Khao lề thế lính chưa?
Để cảm nhận bi hùng thuở ấy
Trai tráng ra khơi giữ cõi bờ.

Chị đã hẳn từng nghe Mộ gió

Khóc người ra đảo mãi chưa về
Thấu cảm tang thương mùa giông tố
Xót lòng thiếu phụ ngóng chờ ghe!

Em có thấy dã tràng se cát?
Không phải tìm viên ngọc rắn đâu!
Chúng lấp biển cho đàn trẻ dại
Tìm xác cha dưới đáy biển sâu!

Những đụn cát vun lên thành mộ
Dù linh hồn tìm thấy hay không
Cũng nhang khói, hoa, đèn tế tụng
Cho hồn oan, kẻ sống an lòng!
Mar. 14, 2021

Lời bình:
Bài thơ "Mộ Gió" của tác giả thể hiện nỗi xót xa, bi thương nhưng cũng đầy tự hào trước sự hy sinh của những con người nơi biển cả, đặc biệt là vùng Quảng Ngãi – nơi gắn liền với lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa và những câu chuyện về mộ gió. Tác phẩm không chỉ là lời tri ân với người đã khuất mà còn gợi lên nỗi đau, tình yêu quê hương và tinh thần bảo vệ chủ quyền dân tộc.

1. Tính chất hiểm nguy của biển cả
Mở đầu bài thơ, tác giả nhắc đến sự khắc nghiệt của biển cả, nơi mang vẻ đẹp hùng vĩ nhưng cũng tiềm tàng sức mạnh hủy diệt:
Sóng đã bao lần quen nuốt chửng
Con người sản vật, chẳng bao dung?
Biển không chỉ là nguồn sống, nơi mưu sinh, mà còn là nơi gieo rắc hiểm họa. Từ bao đời, những con sóng dữ dội đã cuốn trôi sinh mạng của bao người, để lại nỗi đau không gì bù đắp cho những người ở lại.

2. Lễ Khao lề thế lính và tinh thần giữ gìn chủ quyền

Tác giả dẫn dắt người đọc về với Quảng Ngãi – nơi diễn ra lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa, một nghi lễ độc đáo, bi tráng gắn liền với lịch sử bảo vệ chủ quyền:

Trai tráng ra khơi giữ cõi bờ.

Lễ Khao lề không chỉ là nghi thức tâm linh mà còn là biểu tượng cho tinh thần quả cảm, lòng yêu nước của những chàng trai trẻ sẵn sàng hy sinh để bảo vệ vùng biển đảo quê hương. Tác giả khơi dậy niềm tự hào dân tộc, đồng thời gợi lên nỗi cảm thương cho những số phận mãi nằm lại nơi đại dương.

3. Hình ảnh mộ gió và nỗi đau tang tóc

Hình ảnh "mộ gió" – những ngôi mộ không xác – là biểu tượng đầy ám ảnh của bài thơ:

Khóc người ra đảo mãi chưa về
Thấu cảm tang thương mùa giông tố.

Những ngôi mộ này không chỉ tượng trưng cho sự mất mát của những người ra đi mà còn là biểu hiện của nỗi đau, sự chờ đợi khắc khoải của những người ở lại, đặc biệt là những người phụ nữ mòn mỏi ngóng trông. Hình ảnh "thiếu phụ ngóng chờ ghe" chạm đến trái tim người đọc, thể hiện nỗi bi ai sâu sắc của những gia đình mất đi người thân nơi biển cả.

4. Sự hy sinh lặng thầm và ý nghĩa của "mộ gió"

Tác giả liên hệ hình ảnh dã tràng – biểu tượng của sự nhẫn nhịn, bền bỉ – với nỗi đau của những đứa trẻ mồ côi, tìm kiếm cha nơi biển cả:

Chúng lấp biển cho đàn trẻ dại
Tìm xác cha dưới đáy biển sâu!

Dù những ngôi mộ chỉ là biểu tượng, không chứa đựng thi thể của người đã khuất, nhưng vẫn mang ý nghĩa thiêng liêng. Hương khói, hoa, đèn dâng lên không chỉ để cầu siêu cho linh hồn mà còn là cách giúp những người sống giữ vững niềm tin, xoa dịu nỗi đau:

Dù linh hồn tìm thấy hay không
Cũng nhang khói, hoa, đèn tế tụng.

5. Ý nghĩa nhân văn và thông điệp của bài thơ
Bài thơ không chỉ nói về nỗi đau và sự hy sinh, mà còn mang thông điệp lớn lao về tinh thần đoàn kết, sự tri ân và lòng biết ơn. Hình ảnh "mộ gió" tượng trưng cho tình người, cho trách nhiệm của thế hệ hôm nay đối với những người đã hy sinh. Đồng thời, bài thơ nhắc nhở chúng ta về giá trị của cuộc sống và lòng biết ơn đối với biển cả, nơi vừa mang lại sự sống, vừa chứa đựng những mất mát vô tận.

Kết luận
"Mộ Gió" là một tác phẩm thấm đẫm cảm xúc, giàu tính nhân văn. Bài thơ không chỉ khắc họa nỗi đau, sự hy sinh của những người dân biển mà còn là lời nhắc nhở về tinh thần dân tộc, lòng biết ơn và trách nhiệm của con người đối với những giá trị thiêng liêng của quê hương. Qua những câu thơ đầy hình ảnh và cảm xúc, tác giả đã truyền tải sâu sắc tình yêu quê hương, niềm tự hào và lòng kính trọng với những người đã ngã xuống vì biển đảo. ♦

CỬA MỸ Á

Nơi sông Thoa và biển Đông tiếp xúc
Núi Cửa trầm ngâm, lặng lẽ cạnh bên
Những mỏm đá như chiến binh khôi giáp
Đứng trang nghiêm mặc kệ sóng vỗ ghềnh

Đầm Mỹ Á mặt gương trong tĩnh lặng
Đoàn thuyền ghe như dán ngược vào trời
Chim hải âu từng đàn tung mây trắng
Theo cánh buồm lộng gió hướng ra khơi

Dưới gốc đa lá xanh um cổ thụ
Chợ ven sông người tấp nập bán mua

Những sọt cá vảy còn tươi sắc bạc
Chen chúc cùng ruốc, mực, ghẹ, tôm, cua…

Nơi doi đất mấy ngư dân vá lưới
Lưng đồng hun dội nắng sớm ban mai
Một ông lão ung dung ngồi nhả khói
Dõi mắt theo đứa nhỏ tập vung chài

Ôi, Mỹ Á! Cái tên sao mà đẹp
Ta ra đi, hãy chờ đón ta về
Như sóng biển vẫn nhớ bờ da diết
Con thuyền nào không nhớ cửa sông quê?
1980-2023

Lời bình:

1. Vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ và thơ mộng

Mở đầu bài thơ, tác giả giới thiệu địa điểm đặc biệt của Mỹ Á – nơi giao thoa giữa sông Thoa và biển Đông, với hình ảnh núi Cửa trầm mặc bên cạnh những mỏm đá như chiến binh oai vệ:

Núi Cửa trầm ngâm, lặng lẽ cạnh bên
Những mỏm đá như chiến binh khôi giáp
Đứng trang nghiêm mặc kệ sóng vỗ ghềnh.

Cách miêu tả này tạo nên một cảm giác vừa hùng vĩ, vừa bình yên. Núi Cửa và những mỏm đá được nhân cách hóa thành những "chiến binh khôi giáp", đứng trang nghiêm trước sự xô bồ của sóng biển, thể hiện sự kiên cường của thiên nhiên trước thử thách thời gian và sóng gió.

Tiếp theo, đầm Mỹ Á hiện lên như một bức tranh thủy mặc:

Đầm Mỹ Á mặt gương trong tĩnh lặng
Đoàn thuyền ghe như dán ngược vào trời.

Sự yên bình của đầm nước và hình ảnh thuyền ghe "dán ngược vào trời" mang đến một không gian tĩnh tại, trong trẻo, gần như siêu thực. Những đàn hải âu bay theo cánh buồm ra khơi tạo thêm sự sống động, đồng thời khắc họa vẻ đẹp đặc trưng của miền biển.

2. Cuộc sống sinh hoạt đầy sức sống

Tác giả không chỉ miêu tả cảnh quan thiên nhiên mà còn tái hiện cuộc sống sôi động của con người nơi đây, đặc biệt là tại khu chợ ven sông:

Chợ ven sông người tấp nập bán mua
Những sọt cá vảy còn tươi sắc bạc
Chen chúc cùng ruốc, mực, ghẹ, tôm, cua…

Chợ ven sông là trung tâm nhịp sống của cộng đồng ven biển. Hình ảnh những sọt cá với "vảy còn tươi sắc bạc" chen lẫn các loại hải sản khác đã khắc họa sự trù phú của biển cả, cũng như sự cần mẫn của con người. Chợ không chỉ là nơi trao đổi hàng hóa mà còn là nơi gặp gỡ, giao lưu, làm sống dậy bức tranh sinh hoạt đời thường đầy ấm áp.

Ở một góc khác, hình ảnh những ngư dân vá lưới và ông lão ung dung ngồi nhả khói mang đến vẻ đẹp lao động giản dị nhưng đầy sức sống:

Nơi doi đất mấy ngư dân vá lưới
Lưng đồng hun dội nắng sớm ban mai.

Cuộc sống lao động gắn liền với biển khơi được miêu tả bằng những nét chân thực, đầy xúc cảm, thể hiện sự hòa quyện giữa con người và thiên nhiên.

3. Tình yêu quê hương và nỗi nhớ khôn nguôi

Khép lại bài thơ, tác giả bộc lộ tình yêu và nỗi nhớ da diết dành cho quê hương:

Ôi, Mỹ Á! Cái tên sao mà đẹp
Ta ra đi, hãy chờ đón ta về.

Tên gọi Mỹ Á được lặp lại, như một lời khẳng định vẻ đẹp của miền đất này không chỉ qua cảnh sắc mà còn trong tâm hồn của người xa quê. Hình ảnh con thuyền nhớ cửa sông quê gợi lên sự gắn bó bền chặt với quê hương, bất chấp mọi đổi thay của cuộc sống.

Như sóng biển vẫn nhớ bờ da diết
Con thuyền nào không nhớ cửa sông quê?

Tình cảm ấy không chỉ là của riêng tác giả mà còn đại diện cho những người con xa xứ, luôn hướng về quê hương với tất cả niềm yêu thương và khát khao trở về.

4. Giá trị nội dung và nghệ thuật

a. Nội dung: Bài thơ khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc sống sinh hoạt ở Mỹ Á, từ đó thể hiện tình yêu quê hương sâu sắc và nỗi nhớ nhung khôn nguôi của tác giả.

b. Nghệ thuật:

- Hình ảnh thơ giàu sức gợi, kết hợp giữa tĩnh (núi Cửa, đầm Mỹ Á) và động (chợ ven sông, ngư dân vá lưới).
- Sử dụng các biện pháp nhân hóa và ẩn dụ (mỏm đá như chiến binh, thuyền dán ngược vào trời) để tạo cảm giác sinh động và giàu cảm xúc.
- Nhịp điệu thơ nhẹ nhàng, mượt mà, phù hợp với cảm xúc hoài niệm và yêu thương.

Kết luận

"Cửa Mỹ Á" không chỉ là bài thơ ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên và con người miền biển mà còn là tiếng lòng của một người con xa quê luôn hướng về mảnh đất đã nuôi dưỡng mình. Tác phẩm là lời nhắc nhở về tình yêu quê hương, sự trân trọng những giá trị bình dị mà sâu sắc trong cuộc sống. ♦

BIỂN MẶN QUÊ EM

Anh có biết quê em là biển mặn,
Sống dõi theo từng dấu cánh chim trời?
Mỗi bình minh khi sương còn se lạnh
Đoàn ngư thuyền vượt sóng tiến ra khơi

Những ngư dân ngực trần loáng loáng nước

Bắp tay săn như võ sĩ quyền anh
Da đồng hun, tóc cứng như xơ mướp
Rất đỗi hồn nhiên, chân thật, hiền lành

Mùa cá chuồn, mùa cá cơm, cá nục...
Làng xóm vui như những buổi hội hè
Tiếng gọi thưa, tiếng hò khoan thúc giục
Những con thuyền đầy ắp cá hả hê

Những bờ bãi, những rừng dương hoang dã
Những Lăng Ông, những Mộ Gió... u buồn
Hồn quê hương không ai người xa lạ
Dẫu xa rời còn khắc cốt, ghi xương

Mùa biển động sóng vỗ bờ giận dữ
Nước triều dâng, bão lụt hoành hành
Nắng rát da, mưa thì thác đổ
Mà bỏ đi, ai cũng chẳng đành!

Thưa, vậy đó! Quê em vùng biển mặn
Với những người sống vất vả cần lao
Với chất muối thấm vào lòng sâu lắng
Tình quê hương luôn mãi cứ dạt dào!
July 3, 2021

Lời bình:
Bài thơ "Biển Mặn Quê Em" của Trần Đức Phổ là bức tranh vừa sống động, vừa trữ tình về cuộc sống miền biển. Qua ngôn từ mộc mạc nhưng giàu cảm xúc, tác giả không chỉ tái hiện vẻ đẹp thiên nhiên và con người vùng biển mà còn gửi gắm tình yêu sâu sắc với quê hương, đặc biệt là sự trân trọng những con người gắn bó với nghề biển – dù vất vả nhưng đầy nghĩa tình.

1. Vẻ đẹp đặc trưng của miền biển

Tác giả mở đầu bài thơ bằng việc khẳng định nét đặc trưng của quê hương mình: biển mặn. Hình ảnh biển gắn bó mật thiết với đời sống người dân qua sự dõi theo từng dấu cánh chim trời:

Anh có biết quê em là biển mặn,
Sống dõi theo từng dấu cánh chim trời?

Đây không chỉ là sự miêu tả về cảnh vật mà còn thể hiện sự kết nối giữa con người và thiên nhiên, giữa cuộc sống và biển cả. Đặc biệt, hình ảnh đoàn ngư thuyền ra khơi trong buổi bình minh sương lạnh là biểu tượng của sức sống và hy vọng:

Mỗi bình minh khi sương còn se lạnh
Đoàn ngư thuyền vượt sóng tiến ra khơi.

2. Con người miền biển: chân chất, hồn nhiên, kiên cường

Tác giả dành nhiều câu thơ để khắc họa hình ảnh những ngư dân – những người lao động mộc mạc, hiền lành nhưng đầy mạnh mẽ:

Những ngư dân ngực trần loáng loáng nước
Bắp tay săn như võ sĩ quyền anh
Da đồng hun, tóc cứng như xơ mướp
Rất đỗi hồn nhiên, chân thật, hiền lành.

Hình ảnh "ngực trần loáng loáng nước", "bắp tay săn", "tóc cứng như xơ mướp" không chỉ gợi lên sự khỏe khoắn, cứng cỏi của người lao động mà còn là biểu tượng cho sự gắn bó bền bỉ với biển cả. Những con người này vừa đối mặt với sự khắc nghiệt của thiên nhiên vừa giữ được nét hồn nhiên, hiền hòa trong tâm hồn.

3. Niềm vui mùa cá và tình làng xóm gắn bó

Những mùa cá bội thu như mùa cá chuồn, cá cơm, cá nục mang đến niềm vui lớn lao cho cả làng chài:

Mùa cá chuồn, mùa cá cơm, cá nục...
Làng xóm vui như những buổi hội hè.

Hình ảnh này gợi lên không khí rộn ràng, hân hoan, với những tiếng gọi thưa, tiếng hò khoan giục giã. Biển không chỉ mang lại nguồn sống

mà còn gắn kết tình làng nghĩa xóm, tạo nên bức tranh sinh hoạt đầy sắc thái lễ hội.

4. Nỗi đau và sự kiên cường trước biển cả khắc nghiệt

Bên cạnh vẻ đẹp và niềm vui, bài thơ cũng nhắc đến những khó khăn mà người dân miền biển phải đối mặt, đặc biệt trong mùa biển động:

Mùa biển động sóng vỗ bờ giận dữ
Nước triều dâng, bão lụt hoành hành.

Thiên nhiên miền biển không chỉ ban tặng nguồn lợi mà còn thử thách con người bằng sự khắc nghiệt của bão tố và triều cường. Dẫu vậy, người dân vẫn kiên cường bám biển, không đành lòng từ bỏ quê hương:

Nắng rát da, mưa thì thác đổ
Mà bỏ đi, ai cũng chẳng đành!

Những câu thơ này khắc họa rõ nét sự gắn bó máu thịt giữa con người và quê hương. Biển mặn không chỉ là nơi mưu sinh mà còn là nguồn cội, là tình yêu sâu sắc không thể tách rời.

5. Biển mặn – biểu tượng tình quê sâu lắng

Khép lại bài thơ, tác giả nhấn mạnh chất "mặn" của biển không chỉ ở vị muối mà còn ở tình cảm chân thành, sâu lắng của con người miền biển:

Thưa, vậy đó! Quê em vùng biển mặn
Với những người sống vất vả cần lao
Với chất muối thấm vào lòng sâu lắng
Tình quê hương luôn mãi cứ dạt dào!

Hình ảnh "chất muối thấm vào lòng" vừa mang nghĩa đen (muối biển, sự cực nhọc) vừa mang nghĩa bóng (tình yêu quê hương, sự bền chặt). Biển mặn trở thành biểu tượng cho cuộc sống đầy vất vả nhưng giàu tình người và niềm tự hào.

6. Nghệ thuật nổi bật

- Hình ảnh giàu sức gợi: Các chi tiết như “ngực trần loáng loáng nước”, “bắp tay săn”, “sóng vỗ bờ giận dữ” tạo nên những hình ảnh sống động, chân thực.

- Cảm xúc chân thành: Ngôn từ giản dị, gần gũi, đậm chất trữ tình, mang lại cảm giác ấm áp và sâu lắng.
- Kết cấu chặt chẽ: Bài thơ triển khai theo dòng chảy cảm xúc: từ giới thiệu về biển quê em, con người, niềm vui, khó khăn, đến tình yêu quê hương.

Kết luận

Bài thơ "Biển Mặn Quê Em" là một khúc ca vừa trữ tình, vừa mạnh mẽ về vùng biển quê hương. Tác phẩm không chỉ khắc họa vẻ đẹp của biển cả và cuộc sống nơi đây mà còn thể hiện sự trân trọng, tự hào về tình người, tình quê sâu sắc. Qua bài thơ, Trần Đức Phổ đã gửi gắm thông điệp về tình yêu quê hương – dù khó khăn, gian khổ nhưng luôn dạt dào, bền vững như chính vị mặn của biển. ♦

ĐẠI DỊCH

Thảm họa từ đâu ập xuống trần
Hãi hùng gieo rắc khắp muôn dân
Hoàn cầu nghiêng ngả dường tê liệt
Thế giới rêm mình tiếng khóc than

Những chuyến bay không còn thú vui
Những hàng ghế thiếu vắng hơi người
Khoang tàu cứ ngỡ là bệnh viện
Khẩu trang giấu biệt nụ cười tươi

Trường học vắng tanh chẳng học trò
Buồn sao! Không một tiếng thầy cô
Không tà áo mỏng bên hàng phượng
Không mái tóc huyền để ước mơ

Phố xá điêu tàn chẳng bóng ai

Rèm buông, cửa đóng suốt đường dài
Gió lùa hơi lạnh ma vương đến
Quạ gọi cô hồn rợn óc tai

Những cỗ quan tài xếp nối hàng
Chờ giờ hóa kiếp chẳng đèn nhang
Không người đưa tiễn, không hoa thắm
Lặng lẽ một màu đen tóc tang

Dẫu biết đời ai cũng phải về
Mà sao trong dạ vẫn buồn tê
Cầu xin Chúa Phật thương nhân loại
Dịch bệnh tiêu trừ khỏi ách mê.
20/3/2020

Lời bình:
Bài thơ "Đại Dịch" của tác giả khắc họa bức tranh toàn cảnh u ám, đau thương của nhân loại trong cơn bão dịch bệnh toàn cầu. Qua từng câu thơ, tác giả không chỉ phản ánh hiện thực nghiệt ngã của một thế giới điêu đứng vì đại dịch mà còn gửi gắm những nỗi niềm thương cảm và lời cầu nguyện đầy nhân văn.

1. Thảm họa toàn cầu và nỗi kinh hoàng bao trùm
Ngay từ đầu bài thơ, tác giả đã vẽ nên bức tranh về một thảm họa ập đến bất ngờ và lan tràn khắp thế giới. Từ "thảm họa" và "hãi hùng" cho thấy mức độ nghiêm trọng, khủng khiếp của đại dịch:

Thảm họa từ đâu ập xuống trần
Hãi hùng gieo rắc khắp muôn dân.

Hình ảnh "hoàn cầu nghiêng ngả", "thế giới rêm mình" gợi lên sự tê liệt, suy sụp của nhân loại trước sức mạnh tàn phá của đại dịch. Đây là lời nhắc nhở đầy cảm xúc về những mất mát và nỗi đau mà mọi người phải đối mặt.

2. Sự thay đổi và khoảng trống trong đời sống thường nhật

Tác giả khắc họa sự thay đổi đột ngột của đời sống xã hội, từ những chuyến bay, khoang tàu cho đến trường học, phố xá. Các chi tiết như "chuyến bay không còn thú vui", "trường học vắng tanh chẳng học trò" tạo cảm giác trống trải và hoang lạnh.

Hình ảnh khẩu trang che giấu nụ cười tươi là biểu tượng của sự ngăn cách và mất mát trong giao tiếp thường nhật:

Khẩu trang giấu biệt nụ cười tươi.

Sự vắng bóng của thầy cô, bạn bè và những tà áo trắng dưới hàng phượng tạo nên nỗi buồn không chỉ của một thế hệ học sinh mà còn là nỗi đau chung của xã hội khi sự sống thường nhật bị đảo lộn:

Không tà áo mỏng bên hàng phượng
Không mái tóc huyền để ước mơ.

3. Cảnh phố xá điêu tàn và nỗi ám ảnh tử vong

Bài thơ tiếp tục tái hiện cảnh hoang tàn của phố thị trong mùa dịch. Không khí lạnh lẽo, u ám được nhấn mạnh qua các hình ảnh "rèm buông", "cửa đóng", "gió lùa hơi lạnh". Tác giả còn dùng biểu tượng "quạ gọi cô hồn" để tăng thêm sự ma mị, rợn ngợp:

Phố xá điêu tàn chẳng bóng ai
Rèm buông, cửa đóng suốt đường dài.

Đặc biệt, tác giả làm nổi bật nỗi đau tử biệt bằng hình ảnh những cỗ quan tài xếp nối hàng. Không đèn nhang, không người đưa tiễn, chỉ còn sự lặng lẽ, lạnh lùng của "màu đen tóc tang":

Những cỗ quan tài xếp nối hàng
Chờ giờ hóa kiếp chẳng đèn nhang.

Những câu thơ này không chỉ nói về nỗi mất mát cá nhân mà còn gợi lên bi kịch của toàn nhân loại trong cơn bão dịch bệnh.

4. Triết lý về sự sống và lời cầu nguyện nhân văn

Dẫu biết rằng sinh tử là lẽ thường trong đời người, nhưng sự ra đi đột ngột và đau thương vẫn khiến lòng người quặn thắt:

Dẫu biết đời ai cũng phải về

Mà sao trong dạ vẫn buồn tê.

Hai câu cuối của bài thơ là lời cầu nguyện, thể hiện khát vọng vượt qua nghịch cảnh, mong mỏi cho dịch bệnh mau chóng qua đi để nhân loại thoát khỏi nỗi đau triền miên:

Cầu xin Chúa Phật thương nhân loại
Dịch bệnh tiêu trừ khỏi ách mê.

Qua đó, tác giả thể hiện tinh thần nhân văn sâu sắc, đồng thời gửi gắm thông điệp về niềm tin và hy vọng vào một tương lai tươi sáng.

5. Nghệ thuật nổi bật

- Hình ảnh giàu sức gợi: Những chi tiết như "khẩu trang giấu biệt nụ cười", "quạ gọi cô hồn", "cỗ quan tài xếp nối hàng" đã gợi lên một thế giới u ám, tang thương trong mùa dịch.
- Ngôn từ giản dị mà sâu lắng: Ngôn ngữ mộc mạc nhưng chứa đựng sức nặng cảm xúc, dễ chạm vào trái tim người đọc.
- Giọng điệu bi thương xen lẫn cầu nguyện: Giọng thơ thống thiết, đầy cảm xúc nhưng không bi lụy, vẫn giữ được sự lạc quan và niềm tin.

Cảm tưởng về bài thơ

Bài thơ "Đại Dịch" không chỉ là một tác phẩm phản ánh chân thực hiện thực đau thương trong đại dịch mà còn là một lời nhắc nhở về giá trị của sự sống, tình người và hy vọng. Đọc bài thơ, tôi cảm nhận được nỗi đau chung của nhân loại, đồng thời thấm thía sự quý giá của từng khoảnh khắc bình yên trong cuộc sống. Tác phẩm khơi dậy trong tôi lòng cảm thông sâu sắc với những mất mát, khổ đau của mọi người, và hơn hết là niềm mong mỏi về một thế giới không còn dịch bệnh, nơi tình yêu thương được lan tỏa. ♦

KHI ANH CHẾT ĐỪNG ĐƯA ANH RA BIỂN

Khi anh chết đừng đưa anh ra biển
Đàn cá voi chẳng hộ tống anh về

Biển Bắc Mỹ dẫu năm dài lạnh lắm,
Xác thân này cũng thối rữa em nghe!

Khi anh chết đừng đưa anh ra biển
Trùng dương xanh đâu phải chốn quê nhà?
Một xác ướp lênh đênh trên bốn biển
Chẳng linh hồn và cũng chẳng thây ma!

Khi anh chết đừng đưa anh ra biển
Làm mồi cho cá mập khắp đại dương
Thân cát bụi chắc gì còn nguyên vẹn
Mà cầu mong tìm đến cõi thiên đường?

Khi anh chết đừng đưa anh ra biển
Cho bão giông xô đẩy tấp vào bờ
Em sẽ chẳng nhận ra nơi bãi vắng
Khi tình cờ bắt gặp bộ xương khô!
27/09/2022

Lời bình:
Bài thơ "Khi Anh Chết Đừng Đưa Anh Ra Biển" là lời tâm tình của một người đang đối diện với sự hữu hạn của đời người. Qua đó, tác giả gửi gắm những suy tư sâu sắc về kiếp nhân sinh, nỗi sợ hãi trước sự vô tình của thiên nhiên, và khao khát được yên nghỉ nơi chốn quen thuộc. Mỗi khổ thơ đều chứa đựng cảm xúc riêng biệt, như từng nốt nhạc trong bản hòa ca về cuộc đời và cái chết.

Khổ 1: Nỗi ám ảnh về sự lạnh lẽo và thối rữa
Khi anh chết đừng đưa anh ra biển
Đàn cá voi chẳng hộ tống anh về
Biển Bắc Mỹ dẫu năm dài lạnh lắm,
Xác thân này cũng thối rữa em nghe!

Khổ thơ mở đầu bằng lời thỉnh cầu giản dị nhưng đầy nỗi ám ảnh. Biển, nơi mênh mông vô tận, vốn được xem là biểu tượng của tự do và vĩnh hằng, nay lại trở thành nơi lạnh lẽo, cô độc. Hình ảnh "đàn cá voi chẳng hộ tống anh về" gợi lên sự bội bạc của thiên nhiên, nơi không có lòng người. "Xác thân này cũng thối rữa" là sự thật phũ phàng, cho thấy cái chết không chỉ là sự rời xa mà còn là sự hủy hoại không thể tránh khỏi.

Khổ thơ này khắc họa nỗi sợ của con người trước sự vô tình của thiên nhiên và cái chết.

Khổ 2: Sự xa lạ của biển khơi

Khi anh chết đừng đưa anh ra biển
Trùng dương xanh đâu phải chốn quê nhà?
Một xác ướp lênh đênh trên bốn biển
Chẳng linh hồn và cũng chẳng thây ma!

Ở khổ thơ thứ hai, biển khơi được miêu tả như một nơi xa lạ, không thuộc về ký ức hay cội nguồn. Câu hỏi "Trùng dương xanh đâu phải chốn quê nhà?" là lời tự vấn, nhấn mạnh khao khát trở về với đất mẹ. Hình ảnh "một xác ướp lênh đênh trên bốn biển" thể hiện nỗi sợ bị quên lãng, khi con người trở thành thứ không còn hình hài hay ý nghĩa. "Chẳng linh hồn và cũng chẳng thây ma" làm tăng thêm nỗi ám ảnh về sự mất mát toàn diện của cả thân xác lẫn tinh thần.

Khổ 3: Lo âu về sự tan biến và vô nghĩa

Khi anh chết đừng đưa anh ra biển
Làm mồi cho cá mập khắp đại dương
Thân cát bụi chắc gì còn nguyên vẹn
Mà cầu mong tìm đến cõi thiên đường?

Tác giả tiếp tục bày tỏ nỗi bất an về sự tan biến của thân xác. Hình ảnh "làm mồi cho cá mập" nhấn mạnh sự vô nghĩa và nhỏ bé của con người trước thiên nhiên bao la. "Thân cát bụi chắc gì còn nguyên vẹn" là lời nhắc nhở về kiếp phù du, đồng thời khơi dậy suy tư triết học về sự tồn

tại. Mong mỏi "đến cõi thiên đường" cũng trở nên mơ hồ, khi tác giả lo ngại rằng sự hủy hoại về thân xác sẽ cản trở hành trình về nơi yên bình.

Khổ 4: Nỗi đau bị lãng quên nơi bờ vắng

Khi anh chết đừng đưa anh ra biển
Cho bão giông xô đẩy tấp vào bờ
Em sẽ chẳng nhận ra nơi bãi vắng
Khi tình cờ bắt gặp bộ xương khô!

Khổ thơ cuối cùng mang nỗi đau bị lãng quên. Biển cả không chỉ vô tình mà còn tàn nhẫn, khi "bão giông xô đẩy" làm thân xác trôi dạt về bờ. Hình ảnh "bộ xương khô" trên bãi vắng là minh chứng cho sự tàn phai, nhấn mạnh sự mất mát hoàn toàn về cả hình hài và ký ức. Nỗi lo "em sẽ chẳng nhận ra" tạo nên cảm giác cô độc, như một lời nhắc nhở về sự mong manh và dễ bị lãng quên của con người trong dòng chảy thời gian.

Thông điệp và cảm tưởng

1. Thông điệp chính:

Bài thơ là lời nhắn gửi về sự gắn bó với quê hương, cội nguồn và nỗi sợ hãi trước sự lạc lõng, tan biến trong thiên nhiên vô tận. Qua đó, tác giả nhấn mạnh khao khát được yên nghỉ nơi đất mẹ, nơi có ký ức và tình thân.

2. Cảm tưởng:

Bài thơ để lại ấn tượng sâu sắc qua những hình ảnh giàu sức gợi như "xác ướp lênh đênh", "bão giông xô đẩy", "bộ xương khô". Sự giản dị trong ngôn từ kết hợp với chiều sâu cảm xúc đã tạo nên một tác phẩm đậm tính triết lý và nhân văn. Đọc bài thơ, tôi cảm nhận được nỗi sợ hãi về sự hữu hạn của đời người nhưng cũng thấm thía tình yêu và sự gắn bó sâu sắc với quê hương. "Khi Anh Chết Đừng Đưa Anh Ra Biển" là một lời nhắc nhở về giá trị của cội nguồn và khát vọng được trở về nơi thuộc về mình. ♦

GIANG HỒ KHÚC

Hai mươi tuổi ta giang hồ vặt
Vai ba lô ôm mộng dế mèn
Cứ tưởng phượt cùng trời cuối đất
Sẽ gặp nàng kiều nữ làm quen

Từ đấy quê hương thành nỗi nhớ
Mẹ thương con đỏ mắt ngóng về
Chim sổ lồng say trời đất lạ
Nhắc làm gì gợn sóng sông quê?

Giang hồ! Giấc mộng trai nung nấu
Thúc giục lòng ta như suối reo
Ôi, chí phiêu lưu hòa dòng máu
Chảy trong vi mạch trẻ quê nghèo

Giang hồ! Cứ ngỡ giang hồ vặt
Cũng đã đi xa nửa địa cầu
Khác gì thuở nọ chàng Từ Thức
Hồi hương chẳng thấy bạn xưa đâu

Cái thuở mắt xanh nhìn thế tục
Khắp trần gian lăng kính vạn hoa
Ta, một kẻ nhà quê mắt lác
Ngắm vịt trời mộng tưởng thiên nga

Nhánh cỏ tang bồng thời tuổi dại
Lụn tàn theo món nợ áo cơm
Hồ trường chẳng rót vào tứ hải
Mơ rót cho đầy mắt mỹ nhơn

Bốn chục năm qua quay nhìn lại
Nhạt nhòa chiếc bóng kẻ lang thang
Giấc mộng giang hồ ngày xưa ấy
Như tà dương trước lúc hôn hoàng.

Lầm lũi trên con đường thiên lý
Thời gian tuấn mã lướt qua mành
Nay thấm mệt dừng dân để nghỉ
Soi bóng mình tóc chẳng còn xanh!
11-8-2023

Lời bình:
Bài thơ "Giang Hồ Khúc" của Trần Đức Phổ là lời tự sự chân thành về hành trình giang hồ, khát vọng tuổi trẻ, và những suy tư khi ngoảnh lại cuộc đời. Từng khổ thơ là những nốt trầm, lúc da diết, lúc ngậm ngùi, khắc họa hình ảnh một con người từng sống hết mình với hoài bão, để rồi nhận ra sự hữu hạn và tàn phai của thời gian.

A. Phân tích chi tiết bài thơ

Khổ 1: Khởi đầu giấc mơ giang hồ

Hai mươi tuổi ta giang hồ vặt
Vai ba lô ôm mộng dế mèn
Cứ tưởng phượt cùng trời cuối đất
Sẽ gặp nàng kiều nữ làm quen

Khổ thơ mở đầu với hình ảnh của một chàng trai trẻ ôm giấc mộng giang hồ. "Vai ba lô ôm mộng dế mèn" gợi liên tưởng đến tinh thần tự do, phóng khoáng, và khát vọng khám phá thế giới. Giấc mơ giang hồ lúc này giản dị và lãng mạn, thể hiện qua mong ước "gặp nàng kiều nữ làm quen". Đây là hình ảnh biểu tượng cho tuổi trẻ đầy hoài bão và kỳ vọng vào cuộc sống.

Khổ 2: Nỗi nhớ quê hương và sự mâu thuẫn nội tâm

Từ đấy quê hương thành nỗi nhớ
Mẹ thương con đỏ mắt ngóng về
Chim sổ lồng say trời đất lạ
Nhắc làm gì gợn sóng sông quê?

Khổ thơ thứ hai phản ánh sự giằng xé giữa tình yêu quê hương, gia đình và khát vọng tự do. Hình ảnh "Mẹ thương con đỏ mắt ngóng về" đầy xúc động, nhấn mạnh sự hy sinh và tình yêu của người mẹ. Tuy nhiên, chàng trai lại "say trời đất lạ", mang trong mình tinh thần phiêu bạt, thờ ơ với ký ức quê nhà. Lời tự vấn "Nhắc làm gì gợn sóng sông quê?" thể hiện sự day dứt trước lựa chọn của chính mình.

Khổ 3: Khát vọng giang hồ và niềm đam mê tuổi trẻ

Giang hồ! Giấc mộng trai nung nấu
Thúc giục lòng ta như suối reo
Ôi, chí phiêu lưu hòa dòng máu
Chảy trong vi mạch trẻ quê nghèo

Khổ thơ này khắc họa mạnh mẽ sự thôi thúc của tuổi trẻ. "Giấc mộng trai nung nấu" và "suối reo" là những hình ảnh giàu sức sống, diễn tả sự bùng cháy của khát vọng phiêu lưu. Chí phiêu lưu trở thành một phần máu thịt, đặc biệt ở những chàng trai quê nghèo, nơi khát khao thoát khỏi cuộc sống đơn điệu càng mãnh liệt hơn.

Khổ 4: Giấc mộng và sự thay đổi

Giang hồ! Cứ ngỡ giang hồ vặt
Cũng đã đi xa nửa địa cầu
Khác gì thuở nọ chàng Từ Thức
Hồi hương chẳng thấy bạn xưa đâu

Hành trình giang hồ của tác giả không còn là giấc mộng nhỏ bé mà đã mở rộng tới "nửa địa cầu". Tuy nhiên, giống như chàng Từ Thức trong truyền thuyết, khi trở về quê hương, mọi thứ đã đổi thay. Câu thơ "Hồi hương chẳng thấy bạn xưa đâu" thể hiện sự tiếc nuối và cô đơn khi nhận ra rằng những người bạn đồng hành ngày ấy giờ không còn bên cạnh.

Khổ 5: Cái nhìn tỉnh táo và tự trào

Cái thuở mắt xanh nhìn thế tục
Khắp trần gian lăng kính vạn hoa
Ta, một kẻ nhà quê mắt lác
Ngắm vịt trời mộng tưởng thiên nga

Tác giả nhìn lại tuổi trẻ với cái nhìn tự trào, vừa hài hước vừa chua xót. "Mắt lác" và "vịt trời mộng tưởng thiên nga" là những hình ảnh ẩn dụ cho sự ngây ngô, lầm tưởng của tuổi trẻ. Qua đó, tác giả nhận ra những sai lầm, những mộng tưởng viển vông khi đối diện với thực tế cuộc sống.

Khổ 6: Những giấc mơ dang dở

Nhánh cỏ tang bồng thời tuổi dại
Lụn tàn theo món nợ áo cơm
Hồ trường chẳng rót vào tứ hải
Mơ rót cho đầy mắt mỹ nhơn

Giấc mơ "tang bồng" đã không thể kéo dài trước áp lực của "món nợ áo cơm". Hình ảnh "Hồ trường chẳng rót vào tứ hải" gợi sự bất lực khi không thể sống trọn vẹn lý tưởng phiêu bạt. Câu "Mơ rót cho đầy mắt mỹ nhơn" chứa đựng sự tiếc nuối, như một khao khát lãng mạn đã bị thực tại làm phai nhòa.

Khổ 7: Thời gian và sự tàn phai

Bốn chục năm qua quay nhìn lại
Nhạt nhòa chiếc bóng kẻ lang thang
Giấc mộng giang hồ ngày xưa ấy
Như tà dương trước lúc hôn hoàng.

Thời gian làm mờ nhạt mọi thứ, kể cả những giấc mơ rực rỡ. Hình ảnh "tà dương trước lúc hôn hoàng" mang nét đẹp buồn, gợi sự lụi tàn nhưng vẫn lưu giữ ánh sáng cuối cùng. Đây là lời nhận thức sâu sắc về sự hữu hạn của cuộc đời.

Khổ 8: Chấp nhận và đối diện với thực tại

Lầm lũi trên con đường thiên lý
Thời gian tuấn mã lướt qua mành
Nay thấm mệt dừng chân để nghỉ
Soi bóng mình tóc chẳng còn xanh!

Khổ thơ kết thúc bài thơ bằng sự chấp nhận thực tại. Hành trình "lầm lũi" và hình ảnh "tóc chẳng còn xanh" biểu trưng cho sự mỏi mệt và dấu ấn của thời gian. Đây là lời tự sự chân thành, thể hiện sự chiêm nghiệm và thái độ bình thản đối diện với tuổi xế chiều.

B. Cảm nhận chung

Bài thơ "Giang Hồ Khúc" là một bản tự tình đậm chất triết lý về tuổi trẻ, hành trình, và sự phai nhòa trước thời gian. Qua những hình ảnh giàu sức gợi và lời thơ chân thành, tác giả không chỉ tái hiện giấc mơ giang hồ mà còn gửi gắm thông điệp về ý nghĩa của cuộc sống: dù có phiêu bạt bao xa, cuối cùng mỗi con người vẫn phải đối diện với chính mình, với thực tại và dấu vết của thời gian. ♦

VỀ THỦ ĐÔ OTTAWA

Về Ottawa một ngày tháng bảy
Chiều thủ đô rất đổi yên bình
Người thủ đô hào hoa, thân ái
Cất lời chào kèm nụ cười xinh

Những hotel, lâu đài tráng lệ
Những tháp chuông vươn tít trời cao
Những công trình vài trăm năm lẻ
Nghiêng mình soi êm ả kênh đào

Dòng Ottawa hiền lành thiếu nữ
Cạnh bên Đồi Nghị Viện nghiêm trang
Chợ Byward chào mời song ngữ

Rất thân quen cũng rất ngỡ ngàng

Nơi công viên cỏ non xanh mướt
Kìa bóng hồng thả gót nhàn du
Chiếc váy cao chân dài óng nuột
Để bao chàng vớ vẩn tương tư

Đây chẳng phải thiên đường hạnh phúc
Vẫn còn kia những kẻ không nhà
Vẫn bương chải mưu sinh từng phút
Nhưng người người an lạc âu ca!
Ottawa, 15-19 July 2019

Lời bình:
Bài thơ "Về Thủ Đô Ottawa" là một bức tranh tả cảnh giàu cảm xúc về thủ đô Canada qua con mắt của một người du khách. Tác giả đã tái hiện lại vẻ đẹp thanh bình, cổ kính, và cuộc sống đa sắc màu của Ottawa, đồng thời mang đến những cảm nhận vừa thân thuộc vừa mới mẻ về nơi đây.

1. Tình yêu với cảnh sắc và con người Ottawa

Về Ottawa một ngày tháng bảy
Chiều thủ đô rất đổi yên bình
Người thủ đô hào hoa, thân ái
Cất lời chào kèm nụ cười xinh

Bài thơ mở đầu với sự mô tả dịu dàng và gần gũi. Không chỉ cảm nhận sự "yên bình" của thủ đô, tác giả còn nhấn mạnh vào tính cách "hào hoa, thân ái" của người dân nơi đây. Nụ cười thân thiện đã để lại một ấn tượng đẹp, khiến người đọc cảm nhận được bầu không khí hiền hòa, dễ chịu của một thành phố lý tưởng.

2. Vẻ đẹp kiến trúc và lịch sử cổ kính

Những hotel, lâu đài tráng lệ
Những tháp chuông vươn tít trời cao

Những công trình vài trăm năm lẻ
Nghiêng mình soi êm ả kênh đào

Hình ảnh Ottawa hiện lên với sự pha trộn giữa cổ kính và hiện đại. Những "lâu đài tráng lệ" và "tháp chuông" không chỉ là kiến trúc nổi bật mà còn mang giá trị lịch sử, gợi nhớ về quá khứ lâu đời của thành phố. Câu thơ "Nghiêng mình soi êm ả kênh đào" vẽ nên một khung cảnh thơ mộng, khiến người đọc liên tưởng đến sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người.

3. Nhịp sống sinh động và đa văn hóa

Chợ Byward chào mời song ngữ
Rất thân quen cũng rất ngỡ ngàng

Chợ Byward được miêu tả như một biểu tượng của sự đa văn hóa tại Ottawa. Sự "song ngữ" thể hiện nét đặc trưng của Canada, nơi tiếng Anh và tiếng Pháp cùng tồn tại. Cảm giác "thân quen" và "ngỡ ngàng" hòa quyện, gợi lên cảm giác vừa gần gũi, vừa mới lạ trong lòng tác giả khi khám phá văn hóa địa phương.

4. Sắc màu thiên nhiên và con người

Nơi công viên cỏ non xanh mướt
Kìa bóng hồng thả gót nhàn du
Chiếc váy cao chân dài óng nuột
Để bao chàng vớ vẩn tương tư

Những hình ảnh thiên nhiên tại công viên được tô điểm bằng vẻ đẹp con người. Bóng dáng người thiếu nữ dạo bước trong công viên không chỉ làm phong phú thêm cảnh vật mà còn mang lại sự sống động, gần gũi. Câu thơ hài hước "Để bao chàng vớ vẩn tương tư" mang một nét chấm phá thú vị, làm bài thơ thêm phần nhẹ nhàng và hóm hỉnh.

5. Thực tại xen lẫn lý tưởng

Đây chẳng phải thiên đường hạnh phúc
Vẫn còn kia những kẻ không nhà
Vẫn bương chải mưu sinh từng phút

Nhưng người người an lạc âu ca!

Khổ thơ cuối là lời tự sự chân thực của tác giả, nhắc nhở người đọc rằng dù Ottawa đẹp đẽ và yên bình, nơi đây vẫn còn những góc khuất, những mảnh đời thiếu thốn. Tuy nhiên, bài thơ kết lại bằng tinh thần lạc quan, nhấn mạnh sự "an lạc" của con người giữa cuộc sống bộn bề.

Cảm nhận chung

Bài thơ không chỉ là một bức tranh sinh động về cảnh sắc và con người Ottawa, mà còn là lời nhắn gửi về sự hòa quyện giữa mơ mộng và thực tại. Với lối viết nhẹ nhàng, tinh tế, bài thơ dẫn dắt người đọc vào một hành trình khám phá thành phố xinh đẹp này qua góc nhìn rất cá nhân, giàu cảm xúc. Tác giả không chỉ tôn vinh vẻ đẹp của thủ đô Canada mà còn khơi gợi trong lòng người đọc tình yêu và sự trân trọng dành cho những điều bình dị, thân thuộc trong cuộc sống. ♦

NHỚ DÒNG SÔNG THOA

Con Sông Thoa không dài, không rộng
Nước trong xanh soi bóng tre, dừa
Cũng êm ả ngày hè thơ mộng
Cũng dữ dằn lũ lụt tháng mưa

Sông chuyên chở phù sa bồi đắp
Cho quê tôi trù phú, ấm no
Những nương rẫy sắn ngô thẳng tắp
Ruộng đồng xanh thấp thoáng cánh cò

Lũ chúng tôi chơi đùa tắm mát
Thương dòng sông bé nhỏ quê nhà
Có con đò sớm chiều đưa khách
Nhớ thật nhiều mỗi lúc đi xa

Dân quê tôi cần cù, chịu khó
Đã mưu sinh sông nước bao đời
Sáng tinh mơ vung chài, đơm đó
Nửa đêm còn lấp lánh đèn soi

Ai đã đến một lần đều biết
Sông Thoa là nguồn lợi ốc don
Những cua xanh, tôm càng, cá diếc
Những hến kình, dăn dắt… tuyệt ngon!

Nay đọc báo giật mình kinh hãi
Dòng sông Thoa ô nhiễm lâu rồi!
Kỷ niệm xưa trùng trùng nhớ lại
Thương sông quê đã lấm bụi đời!
Canada, July 21, 2018

Cảm nhận về bài thơ:
Bài thơ "Nhớ Dòng Sông Thoa" của Trần Đức Phổ là một lời hoài niệm chân thành và cảm động về một dòng sông quê hương, gắn bó sâu sắc với tuổi thơ và đời sống người dân. Qua ngôn từ mộc mạc nhưng giàu cảm xúc, tác giả không chỉ bày tỏ tình yêu với dòng sông mà còn gửi gắm nỗi đau khi chứng kiến sự ô nhiễm và biến đổi của nó trong hiện tại.

1. Hình ảnh dòng sông Thoa – biểu tượng của quê hương
Ngay từ khổ thơ đầu, dòng sông Thoa hiện lên với hình ảnh dung dị và gần gũi:

Con Sông Thoa không dài, không rộng
Nước trong xanh soi bóng tre, dừa

Sông Thoa không phải là dòng sông lớn hay hùng vĩ, nhưng lại mang trong mình vẻ đẹp êm đềm, bình dị của vùng quê Việt Nam. Những hình ảnh "bóng tre, dừa," "nước trong xanh" gợi lên sự yên bình, thơ

mộng, khiến người đọc cảm nhận được mối gắn bó sâu sắc của tác giả với quê hương.

Tuy nhiên, dòng sông ấy cũng mang hai mặt đối lập: "êm ả ngày hè thơ mộng" và "dữ dằn lũ lụt tháng mưa." Điều này phản ánh sự hài hòa giữa thiên nhiên dịu dàng và khắc nghiệt, vốn là đặc trưng của làng quê Việt.

2. Dòng sông – nguồn sống và tuổi thơ

Sông chuyên chở phù sa bồi đắp
Cho quê tôi trù phú, ấm no

Dòng sông không chỉ là cảnh quan mà còn là nguồn sống, là mạch máu nuôi dưỡng quê hương. Những "nương rẫy sắn ngô thẳng tắp," "ruộng đồng xanh thấp thoáng cánh cò" là minh chứng cho sự trù phú mà sông Thoa mang lại. Tác giả gợi nhớ tuổi thơ với hình ảnh "lũ chúng tôi chơi đùa tắm mát" và con đò "sớm chiều đưa khách," những kỷ niệm nhỏ bé nhưng đong đầy cảm xúc.

3. Tình yêu quê hương qua hình ảnh con người lao động

Dân quê tôi cần cù, chịu khó
Đã mưu sinh sông nước bao đời

Bài thơ tỏa sáng với hình ảnh người dân quê hương. Những người "vung chài, đơm đó," "lấp lánh đèn soi" giữa đêm là biểu tượng của sự lao động chăm chỉ và bền bỉ. Họ không chỉ sống nhờ dòng sông, mà còn gắn bó và yêu thương nó như một phần không thể tách rời của đời sống.

4. Sông Thoa – kho tàng sản vật quê hương

Sông Thoa là nguồn lợi ốc don
Những cua xanh, tôm càng, cá diếc
Những hến kình, dăn dắt... tuyệt ngon!

Tác giả liệt kê những sản vật phong phú của dòng sông bằng giọng điệu tự hào và đầy trân trọng. Hình ảnh những "cua xanh, tôm càng, cá diếc" không chỉ là nét đẹp của tự nhiên mà còn là biểu tượng của sự ấm no, bội thu mà dòng sông đã mang lại cho con người.

5. Nỗi đau khi dòng sông thay đổi

Nay đọc báo giật mình kinh hãi
Dòng sông Thoa ô nhiễm lâu rồi!

Khép lại bài thơ là nỗi đau khi dòng sông quê hương bị ô nhiễm. Câu thơ ngắn gọn nhưng mang sức mạnh lay động, gợi lên sự tiếc nuối và đau xót trước sự biến đổi của tự nhiên vì bàn tay con người. "Thương sông quê đã lấm bụi đời" không chỉ là nỗi đau cá nhân mà còn là tiếng nói chung của những người con xa quê, chứng kiến sự xuống cấp của môi trường quê hương.

Cảm nhận chung

"Nhớ Dòng Sông Thoa" là một bài thơ giàu cảm xúc, phản ánh tình yêu quê hương sâu sắc của tác giả. Dòng sông không chỉ là ký ức, mà còn là biểu tượng cho sự gắn bó máu thịt với làng quê. Bài thơ đồng thời khơi gợi ý thức bảo vệ môi trường, kêu gọi con người giữ gìn những giá trị tự nhiên vốn quý.

Qua bài thơ, người đọc không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của dòng sông Thoa, mà còn thấy rõ nỗi trăn trở về những mất mát mà thời gian và sự phát triển mang lại. Đây là một thông điệp đầy ý nghĩa trong thời đại hiện nay. ♦

NGÀY XƯA ĐI HỌC

Làng quê tôi nằm bên bờ Đông Hải
Màu nước xanh tiếp giáp với chân trời
Con sông Thoa lượn lờ bao bọc lại
Mùa lũ về như cồn cát chơi vơi

Lũ chúng tôi nhà nghèo năm bảy đứa
Sớm kết thân vì cùng học một trường
Thời bao cấp sắn thay cơm từng bữa

Nhưng mộng lòng đầy ắp chuyện văn chương

Nhớ biết bao những tháng ngày Trung học
Trường huyện xa cuốc bộ mấy giờ liền
Lũ con gái mỏi chân hay vờ khóc
Để nhiều chàng xoắn xuýt đến động viên

Mùa mưa tới phải tìm nhà ở trọ
Năm ba thằng một nhóm sống lưu vong
Rửa chén bát là cực hình gây gỗ
Giận và thương cứ giằng xé nơi lòng

Đêm không ngủ tập làm thơ luyến ái
Nghe mưa rơi thánh thót ngỡ ai đàn
Gió bấc lạnh thổi qua buồn tê tái
Chưa thất tình đã vờ vịt thở than

Rồi khôn lớn mỗi thằng đi một ngả
Kẻ chân trời, người góc bể mưu sinh
Ngày gặp lại vui mừng khôn xiết tả
Kể chuyện xưa nhắc mãi những ân tình
July 10, 2018

Lời bình:
Bình giảng bài thơ "Ngày Xưa Đi Học" của Trần Đức Phổ
Bài thơ "Ngày Xưa Đi Học" là một bức tranh hoài niệm đầy xúc cảm về những tháng ngày học trò ở miền quê nghèo, nơi tình bạn và những ước mơ thời thơ dại đã được nuôi dưỡng trong gian khó. Qua giọng thơ dung dị, giàu hình ảnh và cảm xúc, tác giả đã tái hiện sống động ký ức tuổi học trò, đồng thời gửi gắm thông điệp về giá trị của tình bạn, kỷ niệm và sự trưởng thành.

1. Bức tranh làng quê yên bình và khắc nghiệt

Khổ thơ đầu mở ra hình ảnh làng quê ven biển Đông:
Làng quê tôi nằm bên bờ Đông Hải
Màu nước xanh tiếp giáp với chân trời
Không gian làng quê hiện lên đẹp và yên bình với màu xanh của nước biển và hình ảnh dòng sông Thoa "lượn lờ bao bọc lại." Nhưng ngay sau đó, tác giả nhắc đến "mùa lũ về như cồn cát chơi vơi," gợi lên những khó khăn, vất vả mà người dân quê phải đối mặt. Hình ảnh thiên nhiên vừa nên thơ, vừa khắc nghiệt này là bối cảnh nuôi dưỡng tuổi thơ của tác giả và bạn bè.

2. Kỷ niệm nghèo khó nhưng tràn đầy mộng mơ
Lũ chúng tôi nhà nghèo năm bảy đứa
Sớm kết thân vì cùng học một trường
Tình bạn giữa những đứa trẻ nghèo nảy nở tự nhiên trong hoàn cảnh chung của sự thiếu thốn. Hình ảnh "sắn thay cơm từng bữa" gợi lên những ngày tháng khó khăn của thời bao cấp. Dù vậy, điều đáng trân quý là trong sự thiếu thốn ấy, "mộng lòng đầy ắp chuyện văn chương." Đây chính là sự đối lập đầy cảm động: cái nghèo về vật chất không thể ngăn cản sự giàu có của tâm hồn và trí tuệ.

3. Những kỷ niệm học trò tinh nghịch và hồn nhiên
Nhớ biết bao những tháng ngày Trung học
Trường huyện xa cuốc bộ mấy giờ liền
Hành trình "cuốc bộ mấy giờ liền" đến trường là biểu tượng cho sự cố gắng vượt khó. Tác giả không chỉ kể lại những vất vả mà còn khéo léo lồng ghép sự tinh nghịch và hồn nhiên của tuổi học trò qua hình ảnh "lũ con gái mỏi chân hay vờ khóc" và các chàng trai "xoắn xuýt đến động viên."

Những kỷ niệm ấy không chỉ khắc ghi trong lòng tác giả mà còn gợi lên cảm xúc đồng cảm nơi người đọc, đặc biệt với những ai từng trải qua thời áo trắng.

4. Tình bạn trong gian khó

Mùa mưa tới phải tìm nhà ở trọ
Năm ba thằng một nhóm sống lưu vong

Cuộc sống trọ học được ví như "lưu vong," vừa buồn vừa hài hước. Những ngày tháng ở trọ không tránh khỏi những xích mích nhỏ nhặt, như "rửa chén bát là cực hình gây gỗ." Tuy nhiên, ẩn sau sự "giận và thương cứ giằng xé nơi lòng" là tình bạn chân thành và sự sẻ chia, thứ đã trở thành nền tảng cho những kỷ niệm đẹp sau này.

5. Những cảm xúc thơ mộng thời niên thiếu
Đêm không ngủ tập làm thơ luyến ái
Nghe mưa rơi thánh thót ngỡ ai đàn
Thời niên thiếu là thời của những mộng mơ và cảm xúc lãng mạn. Tác giả tái hiện lại những đêm khuya tập làm thơ, lắng nghe tiếng mưa mà ngỡ như "ai đàn," hay "vờ vịt thở than" dù chưa thực sự thất tình. Những hình ảnh này vừa ngây thơ, vừa đáng yêu, phản ánh một thời tuổi trẻ sống trọn vẹn với những rung động đầu đời.

6. Sự trưởng thành và hoài niệm
Rồi khôn lớn mỗi thằng đi một ngả
Kẻ chân trời, người góc bể mưu sinh
Cuộc sống cuốn mỗi người theo một hướng khác nhau, nhưng tình bạn và những kỷ niệm thời niên thiếu vẫn mãi là điểm tựa tinh thần. Ngày gặp lại, niềm vui sướng được "kể chuyện xưa nhắc mãi những ân tình" là minh chứng cho giá trị trường tồn của ký ức.

Cảm nhận chung

Bài thơ "Ngày Xưa Đi Học" không chỉ là một bài ca về tuổi học trò mà còn là lời tri ân đối với tình bạn, kỷ niệm và những giá trị tinh thần. Giọng thơ mộc mạc, gần gũi nhưng giàu cảm xúc đã khơi gợi nỗi nhớ quê hương và những ngày tháng hồn nhiên, vô tư.

Qua bài thơ, tác giả không chỉ tái hiện lại những ký ức đẹp mà còn gửi gắm thông điệp sâu sắc: dù cuộc sống có thay đổi thế nào, những

giá trị của tình bạn và ký ức sẽ mãi là ngọn đèn soi sáng, là nơi để con người tìm về trong những phút giây lắng đọng của cuộc đời. ♦

HUẾ

Huế duyên dáng vẫn muôn đời êm ả
Xanh ngắt trời, và tím áo mộng mơ
Những bóng hồng nhẹ nhàng như chiếc lá
Đã khơi nguồn cho trăm vạn bài thơ

Đất Thần kinh như bông hoa diễm lệ
Giấu trong lòng những bí mật thâm cung
Và lăng tẩm đứng uy nghi, đường bệ
Vừa xa hoa, vừa đậm nét oai hùng

Cầu Tràng Tiền vẫn vươn mình kiêu hãnh
Nối đôi bờ quá khứ với tương lai
Chợ Đông Ba nón bài thơ em bán
Một lần mua nhưng trọn kiếp nhớ hoài

Những cô gái họ Công Tằng, Tôn nữ
Dòng trâm anh, đài các của ngày xua
Có bao giờ chạnh lòng thương quá khứ
Thuở huy hoàng đất nước hãy còn vua?

Huế lãng mạn như người tình Vĩ Dạ
Huế ngọt ngào như điệu hát sông Hương
Chỉ đến Huế một lần mà ai đã
Suốt một đời cứ trộm nhớ, thầm thương.
June 1, 2018

Lời bình:
Bài thơ "Huế" của Trần Đức Phổ là một bức tranh thơ vừa cổ kính, vừa lãng mạn, tái hiện vẻ đẹp trầm mặc và duyên dáng của mảnh đất cố đô. Qua từng khổ thơ, tác giả không chỉ vẽ lên hình ảnh nên thơ của Huế mà còn gửi gắm tình yêu, sự trân trọng và niềm hoài niệm đối với mảnh đất này.

1. Vẻ đẹp duyên dáng và thơ mộng của Huế

Huế duyên dáng vẫn muôn đời êm ả
Xanh ngắt trời, và tím áo mộng mơ
Những bóng hồng nhẹ nhàng như chiếc lá
Đã khơi nguồn cho trăm vạn bài thơ

Mở đầu bài thơ, tác giả gợi lên một Huế nhẹ nhàng, êm đềm như chính tính cách trầm lắng của mảnh đất này. Hình ảnh "xanh ngắt trời" và "tím áo mộng mơ" đặc trưng của Huế không chỉ làm nổi bật vẻ đẹp thiên nhiên, mà còn gợi nhắc đến văn hóa áo dài tím, biểu tượng của người con gái xứ Huế. Huế không chỉ là nơi chốn, mà còn là nguồn cảm hứng bất tận, làm say đắm tâm hồn bao thi nhân.

2. Nét cổ kính và huyền bí của đất Thần kinh

Đất Thần kinh như bông hoa diễm lệ
Giấu trong lòng những bí mật thâm cung
Và lăng tẩm đứng uy nghi, đường bệ
Vừa xa hoa, vừa đậm nét oai hùng

Huế hiện lên như một bông hoa rực rỡ, nhưng lại mang trong mình những "bí mật thâm cung." Đó là sự kết hợp giữa vẻ đẹp cổ kính, sâu lắng của lịch sử với dấu ấn uy nghi của các lăng tẩm triều Nguyễn. Những từ ngữ "uy nghi," "đường bệ," "xa hoa," "oai hùng" gợi lên bức tranh vừa lộng lẫy, vừa trang nghiêm, nhấn mạnh giá trị lịch sử và văn hóa của cố đô.

3. Sự kết nối giữa quá khứ và hiện tại

Cầu Tràng Tiền vẫn vươn mình kiêu hãnh
Nối đôi bờ quá khứ với tương lai

Chợ Đông Ba nón bài thơ em bán
Một lần mua nhưng trọn kiếp nhớ hoài

Hình ảnh cầu Tràng Tiền là biểu tượng kết nối giữa quá khứ và hiện tại của Huế. Cây cầu không chỉ mang giá trị giao thông mà còn là chứng nhân lịch sử, chứng kiến bao biến cố thăng trầm của cố đô. Chợ Đông Ba với chiếc nón bài thơ lại gợi lên nét sinh hoạt văn hóa bình dị, gần gũi. Hình ảnh "một lần mua nhưng trọn kiếp nhớ hoài" thể hiện sức hút của Huế, nơi từng chi tiết nhỏ cũng đủ khắc sâu vào tâm trí người đến.

4. Hoài niệm về những con người quý tộc xưa

Những cô gái họ Công Tằng, Tôn nữ
Dòng trâm anh, đài các của ngày xưa
Có bao giờ chạnh lòng thương quá khứ
Thuở huy hoàng đất nước hãy còn vua?

Tác giả đưa người đọc trở về thời kỳ vàng son của triều Nguyễn, khi những cô gái thuộc dòng dõi quý tộc "Công Tằng, Tôn nữ" sống trong sự đài các, phong lưu. Câu hỏi "Có bao giờ chạnh lòng thương quá khứ" gợi lên nỗi hoài niệm về thời huy hoàng của vương triều, đồng thời khắc sâu vẻ đẹp tinh tế, kiêu sa mà Huế từng lưu giữ.

5. Sự lãng mạn và lưu luyến khi nhắc về Huế

Huế lãng mạn như người tình Vĩ Dạ
Huế ngọt ngào như điệu hát sông Hương
Chỉ đến Huế một lần mà ai đã
Suốt một đời cứ trộm nhớ, thầm thương

Khổ thơ cuối là cảm xúc lắng đọng và mãnh liệt nhất của tác giả dành cho Huế. Hình ảnh Huế được ví như "người tình Vĩ Dạ" – vừa gần gũi, vừa mộng mơ, đầy chất thơ. Điệu hát sông Hương lại mang nét ngọt ngào, dịu dàng như chính con người Huế. Tác giả khẳng định sức hút của Huế: chỉ cần đến một lần là đã đủ để khắc sâu vào tâm khảm, khiến ai đi xa cũng phải "trộm nhớ, thầm thương."

Cảm nhận chung
Bài thơ "Huế" không chỉ là bức tranh tả cảnh, mà còn là một bài ca ngợi tình yêu và niềm tự hào dành cho mảnh đất cố đô. Qua ngôn từ mềm mại, giàu hình ảnh, tác giả đã tái hiện một Huế duyên dáng, thơ mộng, và trầm mặc với tất cả những giá trị lịch sử, văn hóa, và con người nơi đây.

Bài thơ không chỉ gợi lên cảm xúc lưu luyến cho những ai từng đặt chân đến Huế, mà còn khơi dậy trong lòng người đọc niềm khao khát được khám phá và trải nghiệm vẻ đẹp lặng lẽ mà say đắm của mảnh đất cố đô. ♦

MÙI HƯƠNG MÁI TÓC

Đêm vắng em trọc trằn càng thêm nhớ
Mùi tóc thơm là món thuốc an thần
Anh đã nghiện từ thời còn rất trẻ
Thuở chúng mình vừa tính chuyện trao thân

Tháng năm qua, tóc đổi thay dài ngắn
Cả sắc màu cũng chẳng được như xưa
Hết óng ả, mượt mềm, phơi gió nắng
Vẫn ủ hương bồ kết tự bao giờ

Những sợi tóc như tơ lòng em đó
Quấn hồn anh chặt hơn những sợi thừng
Anh thua cuộc để có em làm vợ
Chẳng dại gì chạy trốn tấm tình chung

Những sợi tóc mảnh mai mà kỳ diệu
Mà ngọt ngào, mà quyến rũ lạ ghê
Anh chải, vuốt bao lần nên chợt hiểu
Tóc vợ hiền mầu nhiệm vạn bùa mê

Lúc vắng em, gối vẫn thơm mùi tóc
Áp mặt vào cảm nhận chút dư hương
Không yếu đuối mà rưng rưng muốn khóc
Em xa rồi biết có nhớ anh không?
28/12/2021

Lời bình:
Bài thơ “Mùi Hương Mái Tóc” là một tác phẩm đầy cảm xúc, giàu chất trữ tình và biểu tượng. Qua bài thơ, tác giả gửi gắm nỗi nhớ nhung, tình yêu thương sâu sắc dành cho người vợ, đồng thời tôn vinh vẻ đẹp của sự gắn bó trong tình nghĩa vợ chồng. Những dòng thơ nhẹ nhàng, sâu lắng như lời tự sự đầy yêu thương, khiến người đọc cảm nhận được một tình yêu giản dị mà bền chặt.

1. Nội dung và ý nghĩa
Nỗi nhớ và sự gắn bó sâu sắc
Ngay từ khổ đầu, tác giả bộc lộ nỗi nhớ da diết trong sự trằn trọc của đêm vắng:

Đêm vắng em trọc trằn càng thêm nhớ
Mùi tóc thơm là món thuốc an thần

Mùi hương mái tóc của người vợ được ví như một "món thuốc an thần", mang ý nghĩa xoa dịu, nâng đỡ tinh thần. Hình ảnh này vừa gợi sự êm ái, bình yên, vừa nhấn mạnh tình cảm sâu đậm mà tác giả dành cho người bạn đời. Nỗi nhớ không chỉ là cảm giác, mà còn trở thành một trạng thái vật lý ám ảnh, khiến nhân vật trữ tình trằn trọc không yên.

Mái tóc – biểu tượng của tình yêu và thời gian
Tác giả đã dùng mái tóc như một biểu tượng xuyên suốt, để gợi nhớ những kỷ niệm xưa và tình cảm gắn bó:

Tháng năm qua, tóc đổi thay dài ngắn
Cả sắc màu cũng chẳng được như xưa

Thời gian làm thay đổi vẻ ngoài, nhưng "hương bồ kết" trong mái tóc vẫn giữ nguyên nét thân thuộc, như một biểu tượng của sự trường tồn trong tình yêu. Điều này phản ánh sự trân trọng của nhân vật trữ tình đối với những giá trị không thay đổi qua năm tháng, nhất là tình nghĩa vợ chồng.

Sự hòa quyện giữa tình yêu và sự tôn thờ

Tình yêu trong bài thơ không chỉ là cảm xúc, mà còn là sự gắn bó sâu sắc và tôn thờ:

Những sợi tóc như tơ lòng em đó
Quấn hồn anh chặt hơn những sợi thừng

Tác giả sử dụng hình ảnh "tơ lòng" và "sợi thừng" để diễn tả sức mạnh của tình yêu. Mái tóc, tưởng chừng mỏng manh, lại là sợi dây bền chặt gắn kết hai tâm hồn. Nhân vật trữ tình chấp nhận "thua cuộc" trước tình yêu của người vợ, bởi đó là một sự thất bại ngọt ngào và hạnh phúc.

2. Nghệ thuật nổi bật

-Ngôn ngữ giản dị, giàu biểu tượng

Bài thơ sử dụng ngôn ngữ gần gũi, chân thành nhưng vẫn rất giàu hình tượng. Mái tóc – một chi tiết quen thuộc trong đời sống, được nâng lên thành biểu tượng của tình yêu, ký ức, và sự gắn bó vợ chồng.

- Nhịp thơ nhẹ nhàng, sâu lắng

Nhịp thơ êm đềm như lời thủ thỉ tâm tình, phù hợp với nội dung trữ tình sâu lắng. Điều này giúp bài thơ dễ dàng đi vào lòng người đọc, gợi cảm giác gần gũi và đồng cảm.

- Sử dụng hình ảnh quen thuộc để gợi cảm xúc

"Mùi tóc thơm": Một hình ảnh xúc giác và khứu giác, gợi lên sự gần gũi, thân thuộc.

"Tơ lòng," "sợi thừng": Biểu tượng cho tình yêu mỏng manh nhưng bền chặt.

"Hương bồ kết": Một chi tiết gợi nhớ nét truyền thống, dung dị của người phụ nữ Việt Nam.

3. Cảm nhận cá nhân

"Mùi Hương Mái Tóc" không chỉ là một bài thơ tình, mà còn là một bài ca tôn vinh những giá trị bình dị trong tình yêu vợ chồng. Tác giả đã khéo léo sử dụng hình ảnh mái tóc để gợi lên không chỉ vẻ đẹp bên ngoài, mà còn là nét đẹp tâm hồn, là sợi dây vô hình gắn kết hai con người qua thời gian và biến cố.

Điều khiến bài thơ đặc biệt là sự giản dị trong cách thể hiện cảm xúc. Không cần những lời lẽ hoa mỹ, tác giả đã chạm đến trái tim người đọc bằng sự chân thành và nỗi nhớ đầy day dứt. Đây là một bài thơ khiến ta trân trọng hơn những khoảnh khắc bên cạnh người mình yêu thương, và nhận ra giá trị bền bỉ của tình yêu vượt qua mọi thay đổi của thời gian. ♦

THÈM ĂN

Suốt một năm dài sống cách ly
Ê chề cũng bởi dịch Cô-vi
Nằm nhà không rượu, không bè bạn
Nhớ phở, thèm nem, chả... lạ kỳ!

Nghĩ lại năm nào chợt thấy ham
Cuối tuần đều được đến nhà hàng
Khi Tàu, khi Nhật, khi Mễ quốc
Lúc Hàn, lúc Việt, lúc Thái Lan...

Vịt Bắc Kinh quay chính hiệu Tàu
Béo thơm đến tận cái phao câu!
Sushi gợi nhớ tình Phan Thiết
Wasabi cay đến long đầu!

Taco nóng sốt lại thơm, ngon
Trắng trơn dẻo mịn sợi Udon
Cay chua tơ tưởng nàng Pad Thái
Lòng vẫn thủy chung Phở cội nguồn

Món lạ, món ngon ở cõi trần
Cả năm cấm cửa... chẳng đi ăn
Vào than ra thở như tình phụ
Ôi hỡi, các em gái chạy bàn!
Mar. 13, 2021

Lời bình:
Bài thơ "Thèm Ăn" là một sáng tác nhẹ nhàng, hài hước nhưng chứa đựng sự chân thật và gần gũi về những cảm xúc của con người trong bối cảnh giãn cách xã hội do đại dịch COVID-19. Qua từng khổ thơ, tác giả không chỉ tái hiện nỗi nhớ nhung những món ăn và trải nghiệm ẩm thực mà còn khéo léo lồng ghép tâm trạng, ý vị và cả chút châm biếm hài hước.

1. Tâm trạng bức bối và nỗi nhớ nhung ẩm thực
Suốt một năm dài sống cách ly
Ê chề cũng bởi dịch Cô-vi
Nằm nhà không rượu, không bè bạn
Nhớ phở, thèm nem, chả... lạ kỳ!
Mở đầu bài thơ, tác giả khắc họa bối cảnh quen thuộc: một năm dài cách ly vì dịch bệnh. Tâm trạng "ê chề" của con người khi bị bó buộc trong không gian hẹp, thiếu đi những niềm vui thường nhật như bạn bè, rượu ngon, hay những bữa ăn ngoài, được diễn tả bằng ngôn ngữ chân phương. Nỗi "nhớ phở, thèm nem, chả" vừa cụ thể, vừa gợi tả nỗi khát khao được trở lại cuộc sống bình thường.

2. Hồi tưởng những ngày tự do ăn uống

Nghĩ lại năm nào chợt thấy ham
Cuối tuần đều được đến nhà hàng
Khi Tàu, khi Nhật, khi Mễ quốc
Lúc Hàn, lúc Việt, lúc Thái Lan...

Khổ thơ tiếp theo là một sự hoài niệm. Tác giả gợi nhắc niềm vui từ những chuyến đi ăn cuối tuần – một điều vốn dĩ bình thường nhưng giờ đây trở nên xa xỉ. Danh sách các món ăn từ nhiều nền văn hóa như Trung Quốc, Nhật Bản, Mexico, Hàn Quốc, Việt Nam, và Thái Lan không chỉ làm bật lên sự phong phú của ẩm thực, mà còn phản ánh sự hội nhập và đa dạng trong đời sống hiện đại. Tác giả dường như đang "du lịch bằng trí nhớ" qua các món ăn quen thuộc.

3. Khắc họa sinh động về hương vị ẩm thực

Vịt Bắc Kinh quay chính hiệu Tàu
Béo thơm đến tận cái phao câu!
Sushi gợi nhớ tình Phan Thiết
Wasabi cay đến long đầu!

Ở đây, bài thơ đi sâu vào mô tả cụ thể những món ăn, đặc biệt là các món gắn liền với đặc trưng của từng nền văn hóa. Câu thơ "Béo thơm đến tận cái phao câu" khiến hình ảnh món vịt Bắc Kinh trở nên sống động và gần gũi. Sự hài hước pha chút tinh nghịch trong cách diễn tả gia vị cay nồng của wasabi cũng làm tăng sức hấp dẫn của bài thơ.

4. Tình yêu ẩm thực và lòng chung thủy với "Phở cội nguồn"

Taco nóng sốt lại thơm, ngon
Trắng trơn dẻo mịn sợi Udon
Cay chua tơ tưởng nàng Pad Thái
Lòng vẫn thủy chung Phở cội nguồn

Tác giả đưa người đọc vào thế giới ẩm thực toàn cầu, từ món taco Mexico, mì udon Nhật Bản đến Pad Thái của Thái Lan. Tuy nhiên, khổ thơ khéo léo nhấn mạnh "lòng vẫn thủy chung Phở cội nguồn," thể hiện tình cảm đặc biệt với món ăn truyền thống Việt Nam. Câu thơ

không chỉ là lời khẳng định tình yêu với ẩm thực quê nhà, mà còn gợi nhắc niềm tự hào dân tộc.

5. Châm biếm hài hước trong bối cảnh dịch bệnh

Món lạ, món ngon ở cõi trần
Cả năm cấm cửa... chẳng đi ăn
Vào than ra thở như tình phụ
Ôi hỡi, các em gái chạy bàn!

Khổ thơ cuối là một sự châm biếm nhẹ nhàng về hoàn cảnh "cấm cửa" kéo dài vì dịch bệnh. Tác giả so sánh việc không được đi ăn ngoài như nỗi đau khổ của "tình phụ," vừa hài hước, vừa thể hiện sự bức bối trong tâm trạng. Lời than thở "Ôi hỡi, các em gái chạy bàn!" làm cho bài thơ trở nên dí dỏm, khép lại bằng một hình ảnh vừa trào phúng, vừa chứa đựng chút gì đó nhớ nhung con người và cuộc sống thường nhật.

Cảm nhận chung

Bài thơ "Thèm Ăn" của Trần Đức Phổ không chỉ là một lời than thở đơn thuần về nỗi nhớ nhung ẩm thực mà còn phản ánh những ảnh hưởng sâu sắc của đại dịch lên đời sống thường nhật. Với ngôn từ mộc mạc, hài hước, và giàu hình ảnh, tác giả khéo léo truyền tải tình yêu với cuộc sống, với ẩm thực và cả niềm khao khát được trở lại nhịp sống bình thường.

Bài thơ gợi nhắc chúng ta rằng, trong những điều giản đơn nhất như một bữa ăn ngon, một lần gặp gỡ bạn bè, cũng chứa đựng niềm hạnh phúc quý giá. ♦

NẾU VẮNG EM RỒI

Nếu vắng em rồi anh bỏ nhậu
Vì chưng rượu đã hết men cay
Nốc vào cũng tỉnh như chim sáo
Thì rót chẳng vơi nỗi nhớ này

Nếu vắng em rồi anh bỏ chơi
Vì không còn thích, chẳng mê đời
Trăng hoa mây gió ngàn hương sắc
Cũng chỉ tro tàn tuyết lạnh thôi!

Nếu vắng em rồi anh bỏ thơ
Vì không thần tượng để tôn thờ
Không tình ai tỏ lời âu yếm
Không điệu đà, sao có mộng mơ?

Dù vắng em rồi anh vẫn mong
Ngày sau nối lại sợi tơ lòng
Trăm năm một kiếp dài hay ngắn?
Ta mất nhau rồi không hóa không!
12-03-2017

Lời bình:
Bài thơ "Nếu Vắng Em Rồi" của Trần Đức Phổ là một tác phẩm giàu cảm xúc, được xây dựng trên nỗi lòng tiếc nuối, yêu thương và sự gắn bó sâu sắc với một người đặc biệt. Tác giả đã sử dụng lối diễn đạt chân thành, mộc mạc nhưng đầy tính nghệ thuật để khắc họa tình yêu và sự phụ thuộc tình cảm của người đàn ông dành cho người mình yêu.

1. Nội dung bài thơ
Bài thơ miêu tả cảm giác mất mát và trống vắng khi người yêu không còn bên cạnh. Mỗi khổ thơ là một khía cạnh của cuộc sống dần trở nên vô nghĩa: từ những thú vui như uống rượu, chơi bời, đến niềm đam mê sáng tác thơ ca. Qua đó, tác giả bày tỏ tình yêu mãnh liệt và sự phụ thuộc tinh thần vào người yêu, đồng thời gửi gắm niềm hy vọng mong manh về sự tái hợp trong tương lai.

2. Những điểm nổi bật

2.1. Ngôn ngữ giản dị nhưng đầy sức nặng cảm xúc
Tác giả sử dụng từ ngữ gần gũi, đời thường, không cầu kỳ, nhưng vẫn truyền tải được tình cảm sâu sắc. Cụm từ như "anh bỏ nhậu," "anh bỏ chơi," "anh bỏ thơ" không chỉ mang tính chất liệt kê mà còn là sự nhấn mạnh về sự thay đổi, mất mát trong cuộc sống khi thiếu vắng một người.

2.2. Biện pháp nghệ thuật tinh tế
- Lặp cấu trúc câu:

Mỗi khổ thơ đều bắt đầu với "Nếu vắng em rồi anh bỏ..." tạo nên sự liên kết chặt chẽ và nhấn mạnh mức độ ảnh hưởng của sự vắng mặt này.
- So sánh và hình tượng hóa:

Tác giả so sánh "trăng hoa mây gió ngàn hương sắc" với "tro tàn tuyết lạnh," thể hiện rõ sự đối lập giữa những thứ từng rực rỡ, lôi cuốn và cảm giác vô nghĩa khi thiếu tình yêu.
- Ẩn dụ tinh tế:

"Rượu đã hết men cay" hay "không điệu đà, sao có mộng mơ" là những hình ảnh ẩn dụ cho sự nhạt nhòa và mất đi sức sống trong cảm xúc, tinh thần sáng tạo khi người yêu không còn.

2.3. Tâm trạng thống nhất, chân thật

Cả bài thơ được xây dựng trên một tâm trạng buồn, tiếc nuối và cô đơn. Những thú vui thường nhật, những điều khiến cuộc sống có ý nghĩa giờ đây trở thành vô nghĩa vì người yêu đã vắng bóng.

3. Thông điệp và ý nghĩa
3.1. Sự phụ thuộc trong tình yêu
Bài thơ khắc họa tình yêu như một nguồn sống, nguồn cảm hứng lớn lao. Khi tình yêu mất đi, dường như mọi thứ trở nên vô nghĩa. Qua đó, tác giả gián tiếp nhấn mạnh tầm quan trọng của tình yêu trong đời sống tinh thần.

3.2. Niềm hy vọng không nguôi

Dù mất mát là thế, khổ cuối vẫn để lại một tia sáng hy vọng:

"Ngày sau nối lại sợi tơ lòng"

Điều này cho thấy tình yêu không chỉ là cảm xúc, mà còn là niềm tin mãnh liệt vào sự gắn kết lâu dài, vượt qua khoảng cách và mất mát.

4. Cảm nhận cá nhân

Bài thơ khiến người đọc cảm nhận được sự chân thành, giản dị trong tình yêu. Nó giống như lời tự sự của một người đàn ông từng trải, thẳng thắn nhìn nhận nỗi đau nhưng không oán trách, mà chỉ bày tỏ sự tiếc nuối và khát khao được đoàn tụ.

Câu cuối cùng, "Ta mất nhau rồi không hóa không," để lại ấn tượng sâu sắc nhất. Nó khẳng định rằng tình yêu từng có không bao giờ biến mất hoàn toàn, mà sẽ luôn để lại dấu ấn trong ký ức và tâm hồn. Điều này vừa bi thương, vừa mang tính triết lý, thể hiện sự sâu sắc trong cách nhìn nhận về tình yêu và cuộc sống.

5. Kết luận

"Nếu Vắng Em Rồi" là một bài thơ nhẹ nhàng nhưng đầy sức nặng cảm xúc, khơi gợi sự đồng cảm sâu sắc từ người đọc. Với ngôn từ mộc mạc, lối diễn đạt chân thành, Trần Đức Phổ đã thành công trong việc truyền tải tâm trạng mất mát, tiếc nuối và khát khao tình yêu vĩnh cửu. Bài thơ không chỉ là lời tâm sự cá nhân, mà còn là lời nhắc nhở mỗi người về giá trị của tình yêu trong cuộc đời. ♦

TẮM

Nàng đứng trước tấm gương trong
Dịu dàng ngắm sau nhìn trước
Dường như mắt cũng như lòng
Dạt dào muôn vàn cảm xúc

Mái tóc đen thẫm buông dài
Thoảng mùi hương tình nhè nhẹ
Lấp lánh những chiếc hoa tai
Càng làm nàng thêm diễm lệ

Đôi vai ngoan hiền nhỏ bé
Nghiêng nghiêng dưới vòi nước trong
Làn nước phím đàn khe khẽ
Ngọt ngào ve vuốt lưng ong

Bầu ngực căng tròn rắn chắc
Nhấp nhô dưới lớp bọt mềm
Mười ngón tay ngà huyễn hoặc
Nhịp nhàng vũ điệu thần tiên

Dòng nước chảy xuôi mải miết
Lượn lờ đo cái eo thon
Bờ mông nõn nà trơn mượt
Phổng phao như trái mơ tròn

Đôi chân vừa dài vừa khỏe
Mỗi lần nàng kiễng gót son
Là như có gì in thể
Làm cho quả đất xoay tròn!
27/4/2020

Lời Bình
Bài thơ "Tắm" của Trần Đức Phổ là một bức tranh miêu tả vẻ đẹp của người phụ nữ với góc nhìn tinh tế, gợi cảm nhưng không mất đi sự tôn trọng và chiều sâu. Tác giả sử dụng ngôn từ nhẹ nhàng, hình ảnh giàu sức gợi để tôn vinh vẻ đẹp hình thể và khí chất nữ tính, đồng thời truyền tải sự trân trọng cái đẹp tự nhiên.

1. Bố cục và nội dung

Bài thơ gồm sáu khổ, mỗi khổ tập trung miêu tả một khía cạnh cụ thể của người phụ nữ, từ ánh mắt, mái tóc đến cơ thể và những chuyển động đầy sống động.

Khổ 1: Khoảnh khắc đối diện với bản thân

Nàng đứng trước tấm gương trong
Dịu dàng ngắm sau nhìn trước
Dường như mắt cũng như lòng
Dạt dào muôn vàn cảm xúc

Khổ thơ mở đầu khắc họa hình ảnh một người phụ nữ đối diện với chính mình trong gương. Sự "dịu dàng ngắm sau nhìn trước" không chỉ là hành động soi mình, mà còn biểu thị sự yêu thương và tự hào về vẻ đẹp bản thân. Tác giả tinh tế kết hợp ánh mắt với cảm xúc bên trong, tạo nên một bức tranh nội tâm phong phú, vừa tĩnh lặng vừa đầy sức sống.

Khổ 2: Vẻ đẹp mái tóc và phụ kiện

Mái tóc đen thẫm buông dài
Thoảng mùi hương tình nhè nhẹ
Lấp lánh những chiếc hoa tai
Càng làm nàng thêm diễm lệ

Khổ thơ này tập trung vào chi tiết mái tóc và phụ kiện, tạo nên hình ảnh người phụ nữ thanh thoát và tinh tế. Hương thơm "nhè nhẹ" từ mái tóc không chỉ gợi lên cảm giác gần gũi mà còn ám chỉ sự quyến rũ kín đáo. Chiếc hoa tai lấp lánh được nhấn mạnh như một điểm nhấn, làm tôn lên nét đẹp sang trọng và diễm lệ.

Khổ 3: Đôi vai và làn nước

Đôi vai ngoan hiền nhỏ bé
Nghiêng nghiêng dưới vòi nước trong
Làn nước phím đàn khe khẽ
Ngọt ngào ve vuốt lưng ong

Ở đây, vẻ đẹp của đôi vai được miêu tả như một biểu tượng của sự nữ tính, nhỏ nhắn và ngoan hiền. Hình ảnh làn nước "phím đàn khe khẽ" mang tính nghệ thuật cao, vừa gợi cảm, vừa mềm mại. Nước trở thành một phần của bức tranh, góp phần làm nổi bật sự tinh khôi và tự nhiên của người phụ nữ.

Khổ 4: Bầu ngực và đôi tay

Bầu ngực căng tròn rắn chắc
Nhấp nhô dưới lớp bọt mềm
Mười ngón tay ngà huyễn hoặc
Nhịp nhàng vũ điệu thần tiên

Khổ thơ này khéo léo miêu tả nét đẹp gợi cảm của bầu ngực và đôi tay. Tác giả sử dụng ngôn ngữ vừa táo bạo vừa uyển chuyển để tôn vinh sự hài hòa của hình thể. Cụm từ "vũ điệu thần tiên" không chỉ miêu tả chuyển động của đôi tay mà còn là sự tán dương vẻ đẹp đầy sức sống và quyến rũ của người phụ nữ.

Khổ 5: Dòng nước và vòng eo

Dòng nước chảy xuôi mải miết
Lượn lờ đo cái eo thon
Bờ mông nõn nà trơn mượt
Phồng phao như trái mơ tròn

Hình ảnh dòng nước "lượn lờ" như một nghệ sĩ tài hoa đang đo đạc, tôn vinh vòng eo thon gọn của người phụ nữ. Bờ mông được ví như "trái mơ tròn" – một so sánh giàu tính hình tượng, mang đến cảm giác tự nhiên và tươi mới.

Khổ 6: Đôi chân và sức mạnh tiềm ẩn

Đôi chân vừa dài vừa khỏe
Mỗi lần nàng kiễng gót son
Là như có gì in thể
Làm cho quả đất xoay tròn!

Khổ cuối nhấn mạnh vẻ đẹp đôi chân và sức mạnh tiềm ẩn trong từng chuyển động của người phụ nữ. Hình ảnh "kiễng gót son" vừa mang tính hình tượng vừa thể hiện sự uyển chuyển, tự tin. Tác giả ví người phụ nữ như trung tâm của vũ trụ, có khả năng làm "quả đất xoay tròn," thể hiện sức hút mạnh mẽ và tầm quan trọng của họ trong cuộc sống.

2. Đặc điểm nổi bật

2.1. Nghệ thuật miêu tả chi tiết

Tác giả khéo léo tập trung vào từng chi tiết nhỏ – mái tóc, hoa tai, đôi vai, làn nước – để xây dựng nên bức tranh toàn diện về vẻ đẹp hình thể và tinh thần của người phụ nữ.

2.2. Ngôn ngữ gợi cảm và tinh tế

Tác giả sử dụng ngôn ngữ giàu tính gợi hình, gợi cảm, nhưng không sa đà vào sự phô trương hay dung tục.

Những từ ngữ như "ngoan hiền," "khe khẽ," "ngọt ngào," "nhè nhẹ" làm tăng tính mềm mại, uyển chuyển.

2.3. Biện pháp nghệ thuật

Nhân hóa và ẩn dụ: Dòng nước "phím đàn khe khẽ," "ve vuốt lưng ong,"... giúp cảnh vật như sống động, đồng điệu với vẻ đẹp con người.

Tương phản: Giữa nét đẹp gợi cảm và sự dịu dàng tinh tế, giữa hình thể khỏe khoắn và sự nhẹ nhàng.

So sánh giàu hình tượng: "Trái mơ tròn," "vũ điệu thần tiên,"... mang lại cảm giác gần gũi mà vẫn đầy nghệ thuật.

2.4. Cảm hứng từ cái đẹp tự nhiên

Tác giả không chỉ tôn vinh vẻ đẹp hình thể mà còn khẳng định giá trị của sự tự nhiên, hài hòa, và sức sống mãnh liệt ẩn trong mỗi người phụ nữ.

3. Thông điệp và giá trị

Tôn vinh cái đẹp: Bài thơ khẳng định vẻ đẹp của người phụ nữ là sự tổng hòa giữa ngoại hình, tâm hồn và những chuyển động sống động.

Nghệ thuật là sự chiêm ngưỡng: Tác giả cho thấy cái đẹp không chỉ để nhìn mà còn để cảm nhận và suy ngẫm, giúp chúng ta trân trọng hơn những giá trị xung quanh.

4. Kết luận

Bài thơ của Trần Đức Phổ là một tác phẩm giàu tính nghệ thuật, vừa gợi cảm vừa sâu sắc. Qua bức tranh về người phụ nữ, tác giả không chỉ ngợi ca vẻ đẹp hình thể mà còn khơi gợi sự đồng cảm, trân trọng đối với cái đẹp tự nhiên và sự hoàn mỹ trong cuộc sống. ♦

TẶNG TRANH

Em mang tặng tôi bức tranh lõa thể
Một nữ nhân đã che khuất mặt mày
Những đường nét lõm, cong... ô ma mỵ
Vừa thoáng nhìn hồn tôi đã thấm say

Phải, nữ nhân luôn cao sang nhờ lụa
Và nõn nà, diễm lệ lúc hoang sơ
Trong nóng bỏng nhiệt tình như ngọn lửa
Ngoài êm đềm, như suối mát trong thơ

Những khoảng lộ của mông, eo, lưng, ngực...
Những gam màu sáng/tối ẩn/phô
Chợt nhìn qua đã vô cùng quen thuộc
Từng tấc li có nhầm lẫn bao giờ?

Tranh em tặng từ hai mươi năm trước
Cả cuộc đời vẫn ngắm chẳng thờ ơ!
Mar. 14, 2021

Lời Bình:
Bài thơ "Tặng Tranh" của Trần Đức Phổ là một tác phẩm đầy chiều sâu, vừa gợi cảm vừa kín đáo, thể hiện tình yêu nghệ thuật và cái đẹp qua việc miêu tả một bức tranh lõa thể. Tác giả không chỉ dừng lại ở cảm nhận về bức tranh, mà còn kết nối nó với những triết lý về vẻ đẹp, nghệ thuật và đời sống, để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc.

1. Phân tích nội dung
Khổ 1: Ấn tượng đầu tiên – mê hoặc bởi vẻ đẹp

Em mang tặng tôi bức tranh lõa thể
Một nữ nhân đã che khuất mặt mày
Những đường nét lõm, cong... ô ma mỵ
Vừa thoáng nhìn hồn tôi đã thấm say

Tác giả mở đầu bằng hình ảnh một bức tranh lõa thể – trung tâm của bài thơ. Dù khuôn mặt của nhân vật trong tranh bị che khuất, các đường nét "lõm, cong" đã đủ để tạo nên sức cuốn hút mãnh liệt. Từ "ma mỵ" và "thấm say" cho thấy tác giả không chỉ ngưỡng mộ cái đẹp hình thể mà còn bị cuốn vào một cảm giác say mê, huyền ảo, vượt lên trên cảm giác thông thường.

Khổ 2: Sự song hành giữa vẻ đẹp hình thể và tâm hồn

Phải, nữ nhân luôn cao sang nhờ lụa
Và nõn nà, diễm lệ lúc hoang sơ
Trong nóng bỏng nhiệt tình như ngọn lửa
Ngoài êm đềm, như suối mát trong thơ

Khổ thơ này đi sâu vào sự phân tích vẻ đẹp của người phụ nữ, không chỉ về mặt hình thức mà còn ở bản chất nội tại. Tác giả khéo léo đối lập giữa sự cao sang, tinh tế ("cao sang nhờ lụa") và vẻ đẹp nguyên sơ, tự nhiên ("nõn nà, diễm lệ lúc hoang sơ").

Hình ảnh "ngọn lửa" biểu trưng cho sự nhiệt huyết, đam mê, mạnh mẽ trong tâm hồn người phụ nữ.

Hình ảnh "suối mát trong thơ" lại gợi lên sự dịu dàng, thanh thoát, nhẹ nhàng – một vẻ đẹp nội tâm sâu lắng.

Qua đó, vẻ đẹp của nữ nhân trong tranh không chỉ là vẻ đẹp vật lý mà còn là biểu tượng cho sự hoàn thiện về cả tâm hồn và tính cách.

Khổ 3: Sự gắn bó quen thuộc

Những khoảng lộ của mông, eo, lưng, ngực...
Những gam màu sáng/tối ẩn/phô
Chợt nhìn qua đã vô cùng quen thuộc
Từng tấc li có nhầm lẫn bao giờ?

Khổ thơ thứ ba mô tả chi tiết hơn về bức tranh, nhấn mạnh vào sự hài hòa của "những khoảng lộ" và sự tương phản giữa "sáng/tối" trong tác phẩm nghệ thuật. Các yếu tố này không chỉ làm nổi bật sự gợi cảm mà còn gợi lên cảm giác thân thuộc, gần gũi với người quan sát.

Câu "Từng tấc li có nhầm lẫn bao giờ?" không chỉ thể hiện sự tinh tế của tác giả trong việc cảm nhận nghệ thuật mà còn cho thấy sự trân trọng tuyệt đối dành cho từng chi tiết nhỏ trong bức tranh.

Khổ 4: Giá trị trường tồn của nghệ thuật

Tranh em tặng từ hai mươi năm trước
Cả cuộc đời vẫn ngắm chẳng thờ ơ!

Kết thúc bài thơ, tác giả nhấn mạnh vào giá trị lâu bền của nghệ thuật. Một bức tranh được tặng từ hai mươi năm trước vẫn giữ nguyên sức hút, đủ để khiến người ngắm "chẳng thờ ơ." Điều này cho thấy nghệ thuật không chỉ có giá trị thẩm mỹ tức thời mà còn mang ý nghĩa lâu dài, trở thành một phần ký ức và cuộc sống của con người.

2. Đặc điểm nổi bật

2.1. Nghệ thuật miêu tả

Tác giả sử dụng ngôn ngữ gợi cảm, tinh tế để miêu tả bức tranh và vẻ đẹp người phụ nữ.

Sự kết hợp hài hòa giữa cái cụ thể (các chi tiết hình thể, gam màu) và cái trừu tượng (sự say mê, cảm giác quen thuộc) làm bài thơ trở nên vừa sống động, vừa sâu sắc.

2.2. Đối lập và tương phản

Tác giả đối lập giữa "cao sang nhờ lụa" và "nõn nà lúc hoang sơ," giữa "ngọn lửa" và "suối mát." Đây là cách để làm nổi bật vẻ đẹp đa chiều, vừa mạnh mẽ vừa dịu dàng của người phụ nữ.

Sự tương phản giữa "sáng/tối," "ẩn/phô" không chỉ thể hiện nét độc đáo trong bức tranh mà còn nhấn mạnh sự tinh tế và phức tạp của cái đẹp.

2.3. Cảm nhận nghệ thuật và đời sống

Bức tranh không chỉ là tác phẩm nghệ thuật mà còn gắn bó với đời sống của tác giả. Điều này được thể hiện qua cảm giác quen thuộc ("chợt nhìn qua đã vô cùng quen thuộc") và giá trị trường tồn ("hai mươi năm trước... vẫn chẳng thờ ơ").

2.4. Giọng điệu vừa gợi cảm, vừa triết lý

Giọng điệu bài thơ vừa say mê, vừa đậm chất chiêm nghiệm, khiến người đọc không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp mà còn suy tư về giá trị của nghệ thuật và tình cảm.

3. Thông điệp

Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của người phụ nữ, đồng thời tôn vinh giá trị vĩnh cửu của nghệ thuật. Qua hình ảnh bức tranh lõa thể, tác giả gửi gắm thông điệp rằng nghệ thuật không chỉ phản ánh cái đẹp mà còn lưu giữ ký ức, cảm xúc và kết nối sâu sắc với cuộc sống con người.

4. Đánh giá tổng quát

"Tặng Tranh" là một bài thơ mang đậm tính nghệ thuật, thể hiện tình yêu với cái đẹp và sự gắn bó sâu sắc giữa con người với nghệ thuật.

Tác phẩm để lại ấn tượng mạnh mẽ nhờ ngôn ngữ gợi cảm, hình ảnh sống động và thông điệp đầy triết lý, làm say lòng người đọc.♦

SỐNG

Sống nhiệt huyết làm sao đời trống vắng
Sống cam đành sao hưởng thú tự do?
Sống lẫn lộn không rạch ròi đen trắng
Chẳng ngục tù cũng một kiếp co ro!

Nếu có thể đừng thương mây, khóc gió
Làm cây xanh cứ vươn thẳng tận trời
Không sợ hãi dù nắng mưa giông tố
Không lệ nhòa những chiếc lá thu rơi

Nếu có thể hãy tự mình đổi mới
Không bắt đầu thì mãi mãi là không
Tâm chẳng động diều nào bay phơi phới?
Được hay thua là ý niệm ở lòng!

Đời vốn dĩ muôn ngàn lần đáng sống
Dẫu thăng trầm cay đắng cuộc mưu sinh
Đừng oán trách và cũng đừng chửi đổng
Sạch hay dơ là trách nhiệm của mình!
June 24, 2018

Lời bình:
Bài thơ "Sống" của Trần Đức Phổ là một bài thơ mang ý nghĩa triết lý sâu sắc, khuyến khích con người sống một cuộc đời đầy ý chí, trách nhiệm và không ngừng vươn lên. Qua các khổ thơ, tác giả đã thể hiện những quan niệm sống rõ ràng, mạnh mẽ, đồng thời gửi gắm những thông điệp tích cực đến người đọc. Dưới đây là phân tích chi tiết:

1. Quan điểm sống không buông xuôi, mơ hồ
Mở đầu bài thơ, tác giả đặt ra những câu hỏi nhấn mạnh hai cách sống trái ngược:

Sống nhiệt huyết làm sao đời trống vắng
Sống cam đành sao hưởng thú tự do?

Câu hỏi tu từ ở đây không chỉ phản ánh sự trăn trở của tác giả mà còn thúc đẩy người đọc tự vấn chính mình. Tác giả nhấn mạnh rằng sống cần có mục tiêu, lý tưởng và sự nhiệt huyết. Nếu sống buông xuôi, thỏa hiệp với những điều tầm thường, tự do hay hạnh phúc cũng trở nên vô nghĩa.

Sống lẫn lộn không rạch ròi đen trắng
Chẳng ngục tù cũng một kiếp co ro!

Tác giả phê phán lối sống thiếu rõ ràng, không phân biệt đúng sai, tốt xấu. Sống như vậy chẳng khác gì bị giam cầm trong chính sự hèn nhát của bản thân, cuộc đời trở nên tù túng và u tối.

2. Khát vọng vươn lên và ý chí mạnh mẽ
Ở khổ thơ tiếp theo, tác giả ví con người như cây xanh vươn cao giữa trời đất:

Nếu có thể đừng thương mây, khóc gió
Làm cây xanh cứ vươn thẳng tận trời

Hình ảnh "cây xanh vươn thẳng" tượng trưng cho khát vọng, ý chí kiên định. Tác giả khuyên con người không nên quá yếu mềm trước những biến động bên ngoài ("đừng thương mây, khóc gió"), mà thay vào đó hãy mạnh mẽ, vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Không sợ hãi dù nắng mưa giông tố
Không lệ nhòa những chiếc lá thu rơi

Cuộc sống vốn đầy thăng trầm, nhưng điều quan trọng là phải giữ vững tinh thần, không bị khuất phục bởi nghịch cảnh. Hình ảnh "lá thu rơi" là biểu tượng của sự mất mát, nhưng thay vì yếu đuối khóc than, tác giả khuyên hãy chấp nhận nó như một phần tất yếu của cuộc sống.

3. Tự đổi mới và vượt qua chính mình

Khổ thơ thứ ba nhấn mạnh vai trò của sự chủ động và tự thay đổi bản thân:

Nếu có thể hãy tự mình đổi mới
Không bắt đầu thì mãi mãi là không

Tác giả nhấn mạnh rằng, sự thay đổi chỉ có thể đến từ chính mỗi người. Nếu không dám bắt đầu, chúng ta mãi mãi không thể đạt được điều gì. Động từ "đổi mới" không chỉ đơn thuần là thay đổi hành động, mà còn là thay đổi tư duy, cách sống.

Tâm chẳng động diều nào bay phơi phới?
Được hay thua là ý niệm ở lòng!

Sự thành bại trong cuộc sống, theo tác giả, không nằm ở kết quả mà ở cách chúng ta đối diện với nó. "Tâm chẳng động" là trạng thái tâm hồn bình thản, không bị xáo trộn bởi ngoại cảnh, từ đó giúp con người vượt qua mọi giới hạn.

4. Đời đáng sống và trách nhiệm cá nhân

Khổ thơ cuối là sự khẳng định mạnh mẽ giá trị của cuộc sống:

Đời vốn dĩ muôn ngàn lần đáng sống
Dẫu thăng trầm cay đắng cuộc mưu sinh

Tác giả nhìn nhận cuộc đời với thái độ tích cực, dù có khó khăn, thử thách, nhưng chính những điều đó làm cho cuộc sống trở nên đáng giá.

Đừng oán trách và cũng đừng chửi đổng
Sạch hay dơ là trách nhiệm của mình!

Những câu thơ cuối khép lại bài thơ bằng một thông điệp mang tính giáo dục sâu sắc: thay vì oán trách cuộc đời, con người cần tự nhìn lại bản thân và chịu trách nhiệm về cuộc sống của mình. Hạnh phúc hay khổ đau không phải do hoàn cảnh mà do cách chúng ta lựa chọn và hành động.

Tổng kết

Bài thơ "Sống" của Trần Đức Phổ là một lời nhắn nhủ chân thành về cách sống. Qua những hình ảnh ẩn dụ và lời thơ giản dị nhưng giàu triết lý, tác giả khuyến khích con người sống một cách tích cực, mạnh

mẽ, có trách nhiệm và ý chí vượt qua mọi thử thách. Bài thơ không chỉ là một tác phẩm nghệ thuật mà còn là kim chỉ nam cho những ai đang loay hoay tìm kiếm ý nghĩa và giá trị đích thực của cuộc sống. ♦

TIẾNG VE SẦU

Lâu lắm dường quên khúc nhạc hè
Chiều nay bỗng trỗi giọng ve ve
Một trời hoa bướm ngày xưa cũ
Theo tiếng râm ran hiện trở về

Những buổi hạ nồng tôi thẩn thơ
Lang thang nơi vườn vắng hàng giờ
Mồ hôi thánh thót theo chân bước
Theo tiếng ve sầu dưới nắng trưa

Trên những cành xanh mít, ổi, xoài…
Lũ ve mơ mộng hát mê say
Gió Lào dường cũng thôi bỏng rát
Cái nắng miền Trung bớt gắt gay

Rồi gió thu về hạ chóng qua
Ngoài vườn tôi nhặt xác ve già
Đem chôn dưới gốc cây râm mát
Mùa hạ sau còn nghe tiếng ca.
2/8/2023

Lời bình
Bài thơ "Tiếng Ve Sầu" của tác giả Trần Đức Phổ mang đậm màu sắc của thiên nhiên và cảm xúc, đặc biệt là qua hình ảnh tiếng ve sầu mùa hè. Bài thơ không chỉ tái hiện âm thanh đặc trưng của mùa hè, mà còn

chứa đựng những suy tư về thời gian, tuổi trẻ và sự biến chuyển của mùa màng. Dưới đây là phần phân tích chi tiết bài thơ này:
Phân tích bài thơ "Tiếng Ve Sầu" của Trần Đức Phổ

1. Bố cục và hình thức:
Bài thơ có 4 khổ và sử dụng thể thơ tự do, không bị gò bó về số câu hay nhịp điệu, giúp tác giả dễ dàng thể hiện sự tự do, phóng khoáng của mùa hè cũng như tâm trạng của mình. Mỗi khổ thơ mang một ý nghĩa riêng biệt, nhưng vẫn giữ sự liên kết chặt chẽ, tạo thành một bức tranh toàn cảnh về mùa hè với tiếng ve sầu làm điểm nhấn.

2. Phân tích nội dung từng khổ thơ:
Khổ 1:
“Lâu lắm dường quên khúc nhạc hè
Chiều nay bỗng trỗi giọng ve ve
Một trời hoa bướm ngày xưa cũ
Theo tiếng râm ran hiện trở về”

Khổ thơ này mở đầu với một cảm giác của sự hoài niệm. Câu "lâu lắm dường quên khúc nhạc hè" cho thấy thời gian trôi qua khiến nhân vật trữ tình dường như quên đi tiếng ve sầu, một âm thanh đặc trưng của mùa hè. Nhưng bất chợt, vào một chiều nào đó, tiếng ve lại vang lên và đánh thức những ký ức xưa cũ về những ngày hè đã qua. "Một trời hoa bướm" gợi ra hình ảnh một không gian đầy sinh động, của một mùa hè đã từng hiện hữu trong tâm trí, giờ đây lại trở về với tiếng ve.

Khổ 2:
“Những buổi hạ nồng tôi thẩn thơ
Lang thang nơi vườn vắng hàng giờ
Mồ hôi thánh thót theo chân bước
Theo tiếng ve sầu dưới nắng trưa”

Khổ thơ này miêu tả cảm giác đắm chìm trong những ngày hè oi ả. Tác giả dùng những từ ngữ như “hạ nồng”, “vườn vắng”, “mồ hôi thánh thót” để thể hiện cái nóng bức của mùa hè và cảm giác mệt mỏi,

nhưng cũng đầy tĩnh lặng khi nhân vật "tôi" lang thang trong vườn vắng. Tiếng ve sầu như hòa quyện với không gian, trở thành âm thanh chủ đạo, làm cho người đọc cảm nhận rõ rệt sự ồn ào của mùa hè giữa cái nắng gay gắt.

Khổ 3:
“Trên những cành xanh mít, ổi, xoài…
Lũ ve mơ mộng hát mê say
Gió Lào dường cũng thôi bỏng rát
Cái nắng miền Trung bớt gắt gay”

Khổ thơ này mang đến hình ảnh của một miền quê miền Trung, nơi có những cây mít, ổi, xoài. Tiếng ve không chỉ là âm thanh, mà còn là tiếng hát của thiên nhiên, như "lũ ve mơ mộng hát mê say", tạo nên một không khí thanh thản hơn. Gió Lào vốn khô nóng giờ cũng trở nên nhẹ nhàng, và cái nắng miền Trung không còn gắt gay, cho thấy sự hòa hợp giữa thiên nhiên và cảm xúc con người.

Khổ 4:
“Rồi gió thu về hạ chóng qua
Ngoài vườn tôi nhặt xác ve già
Đem chôn dưới gốc cây râm mát
Mùa hạ sau còn nghe tiếng ca.”

Khổ thơ cuối thể hiện sự chuyển giao giữa mùa hè và mùa thu. Mùa hạ nhanh chóng qua đi, và tác giả nhặt xác ve già, như một hình ảnh của sự tàn phai. Tuy nhiên, hành động "chôn dưới gốc cây râm mát" không phải là sự kết thúc mà là sự tái sinh, bởi vì mùa hè sau sẽ lại đến, tiếng ve sẽ lại cất lên. Đây là hình ảnh tượng trưng cho sự tiếp nối của chu kỳ tự nhiên, của thời gian và cuộc sống.

3. Chủ đề và ý nghĩa:
Bài thơ "Tiếng Ve Sầu" mang đến một cái nhìn về mùa hè miền Trung qua tiếng ve, không chỉ đơn thuần là âm thanh của mùa hè, mà còn là hình ảnh của thời gian và sự trôi đi của tuổi trẻ. Tiếng ve sầu trở thành

một biểu tượng của ký ức, của quá khứ không thể quay lại. Tuy nhiên, sự kết thúc của mùa hạ và của tiếng ve sầu không phải là sự mất mát, mà là sự tiếp nối — như một vòng tròn khép kín, khi mùa hạ sẽ lại đến, và tiếng ve lại cất lên.

Bài thơ cũng mang thông điệp về sự tạm bợ của cuộc sống, nhưng sự thay đổi và chuyển động của thiên nhiên lại là một biểu tượng cho sự tiếp tục và hy vọng. Việc chôn cất xác ve già dưới gốc cây cũng là hành động tưởng niệm, nhưng đồng thời thể hiện sự nuôi dưỡng cho mùa hè sau.

4. Tóm tắt:
Bài thơ "Tiếng Ve Sầu" của Trần Đức Phổ là một tác phẩm giàu hình ảnh và cảm xúc. Với những hình ảnh quen thuộc của mùa hè miền Trung, tác giả đã khéo léo sử dụng tiếng ve sầu như một biểu tượng cho thời gian, sự tạm bợ và sự hồi sinh. Bài thơ không chỉ là một sự chiêm nghiệm về thiên nhiên, mà còn là sự cảm nhận sâu sắc về vòng tuần hoàn của cuộc sống và thời gian. ♦

ĐÂU MÁI NHÀ XƯA?

Nghỉ hè con gái về quê nội
Thăm chốn thân yêu, một mái nhà
Ngỡ ngàng bắt máy, nghe con hỏi:
“Nhà mình sao chẳng thấy đâu, ba?”

“Tổ ấm hôm nào nay đã mất
Cây vú sữa xanh cũng chặt rồi
Hồ cá ba xây giờ ai lấp?
Con nhìn chốn cũ, lệ tuôn rơi!”

Biết trả lời sao cho con rõ?
Ba người ly xứ, mất quê hương

Cho dù là đất xưa tiên tổ
Đổi chủ thay tên chuyện cũng thường!

Con chớ có buồn chi, con gái
Nhà không trên đất, nhà trong tim!
Dâu bể cuộc đời ba đã trải
Yêu thương mới là chốn nên tìm.
9/5/2023

Lời bình:
Bài thơ "Đâu Mái Nhà Xưa?" của tác giả Trần Đức Phổ là một tác phẩm xúc động về tình cảm gia đình, về những ký ức tuổi thơ và sự thay đổi của quê hương. Bài thơ kể lại một cuộc đối thoại giữa người cha và cô con gái khi trở về thăm quê nội. Qua những lời dạy của người cha, bài thơ đã thể hiện những cảm nhận sâu sắc về cuộc sống, về sự mất mát và tìm lại tình yêu thương.

1. Bố cục và hình thức:
Bài thơ được chia thành 4 khổ, mỗi khổ đều mang một nội dung sâu sắc và gắn liền với những cảm xúc của nhân vật trong bài. Các khổ thơ đều có sự chuyển biến từ sự ngỡ ngàng của con gái, đến sự giải thích của người cha về sự thay đổi và cái nhìn về cuộc sống. Thể thơ tự do, không gò bó về số câu hay nhịp điệu, giúp bài thơ dễ dàng truyền tải cảm xúc chân thành.

2. Phân tích nội dung từng khổ thơ:
Khổ 1:
"Nghỉ hè con gái về quê nội
Thăm chốn thân yêu, một mái nhà
Ngỡ ngàng bắt máy, nghe con hỏi:
'Nhà mình sao chẳng thấy đâu, ba?'"

Khổ thơ mở đầu với cảnh con gái về thăm quê, nơi có những kỷ niệm gắn bó từ thuở nhỏ. Từ câu hỏi bất ngờ của cô con gái — "Nhà

mình sao chẳng thấy đâu, ba?" — cho thấy sự thay đổi quá lớn khiến con không nhận ra nơi chốn thân yêu ngày xưa. Đây là sự khởi đầu cho một cảm giác hụt hẫng, tiếc nuối về một không gian cũ đã không còn tồn tại.

Khổ 2:
“Tổ ấm hôm nào nay đã mất
Cây vú sữa xanh cũng chặt rồi
Hồ cá ba xây giờ ai lấp?
Con nhìn chốn cũ, lệ tuôn rơi!”

Người con gái tường thuật về sự mất mát của nơi xưa chốn cũ. Câu "tổ ấm hôm nào nay đã mất" thể hiện sự tiếc nuối khi ngôi nhà, nơi gắn bó bao kỷ niệm, không còn tồn tại nữa. Hình ảnh cây vú sữa xanh đã bị chặt, hồ cá ba xây giờ bị lấp, tất cả những biểu tượng của ký ức tuổi thơ đã biến mất. Đây là một sự thay đổi sâu sắc, không chỉ về không gian mà còn về những kỷ niệm gắn bó. Cảm xúc tiếc nuối của người con được thể hiện qua "lệ tuôn rơi", cho thấy nỗi buồn vì mất đi một phần ký ức quý giá.

Khổ 3:
“Biết trả lời sao cho con rõ?
Ba người ly xứ, mất quê hương
Cho dù là đất xưa tiên tổ
Đổi chủ thay tên chuyện cũng thường!”

Ở khổ thơ này, người cha tự hỏi làm thế nào để giải thích cho con về sự mất mát này. "Ba người ly xứ, mất quê hương" thể hiện sự xa quê, rời bỏ tổ tiên, cũng như sự thay đổi lớn trong cuộc sống của gia đình. "Đổi chủ thay tên chuyện cũng thường!" không chỉ nói đến việc đất đai có thể thay đổi chủ mà còn phản ánh sự thay đổi không thể tránh khỏi của cuộc sống. Câu thơ này thể hiện sự chấp nhận và bình thản trước sự thay đổi của thời gian, dù đó là điều khó khăn và đau lòng.

Khổ 4:

"Con chớ có buồn chi, con gái
Nhà không trên đất, nhà trong tim!
Dâu bể cuộc đời ba đã trải
Yêu thương mới là chốn nên tìm."

Khổ thơ cuối là lời an ủi của người cha dành cho con. "Nhà không trên đất, nhà trong tim!" là một câu thơ rất sâu sắc, gửi gắm thông điệp rằng ngôi nhà không chỉ là một nơi vật chất mà còn là tình yêu thương và ký ức. Dù nơi chốn có thay đổi, nhưng nhà thực sự là nơi ta cảm thấy an yên trong lòng. Câu "Dâu bể cuộc đời ba đã trải" cho thấy người cha đã trải qua nhiều khó khăn, biến động trong cuộc sống. Cuối cùng, "Yêu thương mới là chốn nên tìm" nhấn mạnh rằng tình yêu và sự gắn kết là những gì quan trọng nhất trong cuộc sống, chứ không phải là những gì đã mất đi.

3. Chủ đề và ý nghĩa:

Bài thơ "Đâu Mái Nhà Xưa?" mang đến một thông điệp sâu sắc về sự mất mát và chấp nhận sự thay đổi trong cuộc sống. Mái nhà xưa không chỉ là một nơi vật chất, mà còn là biểu tượng của ký ức, tình cảm và sự yêu thương. Tuy nhiên, cuộc sống không ngừng thay đổi, và sự thay đổi đó có thể khiến ta phải xa lìa những gì thân thuộc. Nhưng chính trong những sự thay đổi đó, người cha đã dạy con gái rằng tình yêu và sự gắn kết mới là ngôi nhà thật sự, chứ không phải là một địa chỉ cụ thể. Thông điệp này cũng khẳng định rằng dù cuộc sống có thay đổi như thế nào, tình yêu thương vẫn là chỗ dựa vững vàng và đáng trân trọng nhất.

4. Tóm tắt:

Bài thơ "Đâu Mái Nhà Xưa?" của Trần Đức Phổ là một tác phẩm giàu cảm xúc, nói về sự thay đổi của thời gian và sự chấp nhận mất mát trong cuộc sống. Qua lời nói của người cha, bài thơ gửi gắm thông điệp rằng mái nhà không phải là nơi vật chất mà là nơi chứa đựng tình yêu thương. Dù có phải xa quê, mất đi những kỷ niệm xưa, nhưng tình yêu thương vẫn là "ngôi nhà" thật sự của mỗi con người. ♦

EM VỀ TÌM LẠI NGÀY XƯA

Em về chiếc bóng liêu xiêu
Bay làn tóc rối để chiều buồn xo
Mùa thu vàng võ câu thơ
Ốm gầy con sóng vỗ bờ sông Thoa

Em về tìm lại ngày xưa
Tóc xanh má thắm tuổi vừa tròn trăng
Mộng lòng thoáng chút bâng khuâng
Ngó theo chiếc lá khô vàng nhẹ rơi

Em về dáng nhỏ đơn côi
Chiều hoang ngập lối bùi ngùi niềm đau
Thương ngày xưa đó tìm đâu
Gót son lấm vết bể dâu cuộc đời!
21/09/2022

Lời bình:
Bài thơ "Em Về Tìm Lại Ngày Xưa" của tác giả Trần Đức Phổ là một tác phẩm đượm buồn và đầy sự hoài niệm về những kỷ niệm đã qua, về thời thanh xuân tươi đẹp giờ đã xa. Thông qua những hình ảnh rất đặc trưng của mùa thu, những chi tiết gợi nhớ về ngày xưa, bài thơ gửi gắm thông điệp về sự trôi qua của thời gian và sự mất mát của những gì đã qua, đồng thời cũng thể hiện những cảm xúc bâng khuâng, tiếc nuối khi nhìn lại.

1. Bố cục và hình thức:
Bài thơ có 3 khổ, mỗi khổ mang một nét đặc trưng riêng, tạo thành một mạch cảm xúc dần dâng lên rồi dần thưa dần. Các khổ thơ đều sử dụng những hình ảnh rất gần gũi, quen thuộc, nhưng lại mang tính biểu

tượng cao. Thể thơ lục bát với nhịp điệu chậm rãi và các từ ngữ mượt mà đã tạo nên một không gian đầy tiếc nuối và cảm xúc.

2. Phân tích nội dung từng khổ thơ:
Khổ 1:
“Em về chiếc bóng liêu xiêu
Bay làn tóc rối để chiều buồn xo
Mùa thu vàng võ câu thơ
Ốm gầy con sóng vỗ bờ sông Thoa”

Khổ thơ mở đầu với hình ảnh “chiếc bóng liêu xiêu” – một hình ảnh ẩn dụ cho sự mỏng manh, yếu ớt của em trong dòng thời gian. "Chiếc bóng" ám chỉ sự mong manh, không thật, như thể chỉ là cái bóng của chính mình trong quá khứ. "Bay làn tóc rối" tiếp tục khắc họa hình ảnh của một em gái bối rối, yếu đuối và đầy hoài niệm. "Chiều buồn xo" khiến cho không gian càng thêm u ám, thể hiện sự tiếc nuối về một thời gian đã qua.

“Mùa thu vàng võ câu thơ” là hình ảnh mùa thu cằn cỗi, không còn tươi mới như trước, cũng như những vần thơ không còn đầy đặn, mạnh mẽ nữa. Câu thơ “Ốm gầy con sóng vỗ bờ sông Thoa” có thể hiểu là sự gầy mòn, yếu đuối của những kỷ niệm, những cảm xúc trong lòng nhân vật, giống như con sóng yếu ớt vỗ vào bờ, không còn mạnh mẽ, không còn rộn ràng như xưa.

Khổ 2:
“*Em về tìm lại ngày xưa*
Tóc xanh má thắm tuổi vừa tròn trăng
Mộng lòng thoáng chút bâng khuâng
Ngó theo chiếc lá khô vàng nhẹ rơi”

Khổ thơ này là lời nói của em, là sự quay lại tìm kiếm những kỷ niệm, những khoảnh khắc của quá khứ. "Tóc xanh má thắm tuổi vừa tròn trăng" thể hiện sự tươi mới, vẻ đẹp của tuổi trẻ, nhưng cũng là tuổi đời chỉ trôi qua trong một chu kỳ ngắn ngủi như chu kỳ của trăng.

"Mộng lòng thoáng chút bâng khuâng" diễn tả sự day dứt trong lòng khi nhìn lại quá khứ, sự bâng khuâng của người trẻ khi nhìn vào chiếc lá khô nhẹ rơi, mang tính biểu tượng cho sự tàn phai, sự kết thúc của một thời gian đẹp.

Khổ 3:
"Em về dáng nhỏ đơn côi
Chiều hoang ngập lối bùi ngùi niềm đau
Thương ngày xưa đó tìm đâu
Gót son lấm vết bể dâu cuộc đời!"

Khổ thơ này chuyển sang một không gian hoang vắng, với hình ảnh "dáng nhỏ đơn côi" của em, thể hiện sự lẻ loi và sự cô đơn trong quá khứ và hiện tại. "Chiều hoang ngập lối" mang đến một cảm giác trống vắng, không gian như bị bỏ quên, khiến tâm trạng của em càng thêm nặng nề.

"Thương ngày xưa đó tìm đâu" là một câu hỏi đầy tiếc nuối, thể hiện sự hoài niệm về một quá khứ đã xa vời và không thể lấy lại được. "Gót son lấm vết bể dâu cuộc đời" là hình ảnh gợi nhớ về những thay đổi, những biến cố trong cuộc sống, khiến cho những dấu ấn của thời trẻ thơ, thời tươi đẹp đã bị xóa nhòa, thay vào đó là những vết sẹo, những đau thương của cuộc đời.

3. Chủ đề và ý nghĩa:
Bài thơ "Em Về Tìm Lại Ngày Xưa" thể hiện một chủ đề xuyên suốt là sự tiếc nuối, hoài niệm về quá khứ. Những hình ảnh như "chiếc bóng liêu xiêu", "lá khô nhẹ rơi", "gót son lấm vết bể dâu" là những hình ảnh mang tính biểu tượng cho sự biến đổi, sự mất mát của thời gian. Cái mà em tìm kiếm không chỉ là một không gian hay một thời điểm cụ thể, mà là những cảm xúc, những kỷ niệm đã qua. Mặc dù em trở về để tìm lại quá khứ, nhưng thực tế quá khứ ấy đã không còn nữa. Thời gian đã thay đổi, cuộc sống đã biến động, và những dấu ấn của tuổi trẻ cũng đã phai nhạt theo.

4. Tóm tắt:
Bài thơ "Em Về Tìm Lại Ngày Xưa" là một tác phẩm giàu cảm xúc về sự trôi qua của thời gian, sự mất mát và hoài niệm về quá khứ. Qua những hình ảnh mùa thu, những chiếc lá rơi, những con sóng yếu ớt, tác giả đã khắc họa một cảm giác tiếc nuối và bâng khuâng về thời gian và những kỷ niệm xưa. Tuy nhiên, thông điệp mà bài thơ gửi gắm cũng là một lời nhắc nhở về sự không thể quay lại của quá khứ và sự chấp nhận những thay đổi của cuộc sống. ♦

THƠ ĐỀ TÀ ÁO LỤA

Em mười lăm hay em mười bảy
Mắt nai ngời ánh chớp lưu ly
Miệng em cười lẽ nào chẳng phải
Lạc nhạn trầm ngư tuổi mộng thì?

Mùa đang độ vào thu bảng lảng
Tà áo nào vương vít lòng trai
Đời một kẻ tình trường thua trận
Theo gót hoa dệt mộng ban ngày

Ôi, vạt áo áng mây trắng nõn
Cánh nàng tiên hay cánh hồn tôi
Cũng ngờ nghệch cái thời mới lớn
Bước lang thang theo mãi sau người

Bỗng chợt muốn đề thơ áo lụa
Đời mấy khi trên gấm thêu hoa
Nhưng hư ảo vẫn là hư ảo
Tận cuối trời tình ấy cách xa.
31/10/2024

Lời bình:
Bài thơ "Thơ Đề Tà Áo Lụa" của Trần Đức Phổ là một tác phẩm chứa đựng nhiều suy tư về tình yêu, tuổi trẻ và sự hư ảo của những ước mơ. Qua hình ảnh tà áo lụa, tác giả thể hiện những cảm xúc lãng mạn, đồng thời cũng phản ánh sự trăn trở, bối rối của người trong cuộc sống tình cảm. Dưới đây là phân tích chi tiết về bài thơ.

1. Bố cục và hình thức:
Bài thơ có 4 khổ, với thể thơ tự do, không gò bó, phù hợp với những cảm xúc ngắn gọn nhưng mạnh mẽ của người viết. Nhịp điệu thơ không cố định, mang đến một không khí tự do, bay bổng, giống như những cảm xúc của một người đang trong độ tuổi mộng mơ và yêu đương.

2. Phân tích nội dung từng khổ thơ:
Khổ 1:
"Em mười lăm hay em mười bảy
Mắt nai ngời ánh chớp lưu ly
Miệng em cười lẽ nào chẳng phải
Lạc nhạn trầm ngư tuổi mộng thì?"

Khổ thơ đầu tiên mở ra một hình ảnh về người con gái trẻ, qua đó tác giả bày tỏ sự ngưỡng mộ và sự bối rối trước vẻ đẹp của cô gái. "Em mười lăm hay em mười bảy" là câu hỏi mở, thể hiện sự không rõ ràng về tuổi tác, nhưng chắc chắn là ở độ tuổi mộng mơ, đầy sức sống. "Mắt nai ngời ánh chớp lưu ly" và "Miệng em cười lẽ nào chẳng phải /Lạc nhạn trầm ngư tuổi mộng thì?" tạo nên hình ảnh của một cô gái có vẻ đẹp trong sáng, thuần khiết, như một ánh sáng lóe lên, đẹp và lạ lẫm. khiến cho cá lặn, chim sa.Đây là một câu hỏi tu từ, nhằm so sánh cô gái với những mỹ nhân thời cổ.
Khổ 2:
"Mùa đang độ vào thu bảng lảng
Tà áo nào vương vít lòng trai
Đời một kẻ tình trường thua trận
Theo gót hoa dệt mộng ban ngày"

Khổ thơ thứ hai chuyển sang một không gian mùa thu, biểu trưng cho sự lãng mạn và một chút buồn bã. "Mùa đang độ vào thu bảng lảng" gợi lên hình ảnh mùa thu chậm rãi, mơ màng, phù hợp với cảm giác chênh vênh trong tình yêu. Hình ảnh "Tà áo nào vương vít lòng trai" là biểu tượng của tình yêu, của sự thu hút mà cô gái mang lại, khiến trái tim người con trai không thể không đắm say.

"Đời một kẻ tình trường thua trận" là một sự thú nhận, tự nhận mình là người thất bại trong tình yêu. Câu thơ này phản ánh một tâm trạng tiếc nuối, bối rối của người trong cuộc khi chưa thể chinh phục được tình cảm của người con gái. "Theo gót hoa dệt mộng ban ngày" là sự miêu tả những ước mơ, những tưởng tượng trong sáng và lãng mạn của người con trai, dù chúng chỉ là những giấc mộng hão huyền, được dệt lên từ hoa hồng, là những ước ao không thể trở thành hiện thực.

Khổ 3:

"Ôi, vạt áo áng mây trắng nõn
Cánh nàng tiên hay cánh hồn tôi
Cũng ngờ nghệch cái thời mới lớn
Bước lang thang theo mãi sau người"

Khổ thơ này mô tả thêm vẻ đẹp của cô gái qua hình ảnh "vạt áo áng mây trắng nõn", gợi lên sự thanh thoát, nhẹ nhàng, như một áng mây trôi trong không gian vô tận. "Cánh nàng tiên hay cánh hồn tôi" là một sự so sánh đầy lãng mạn, ẩn chứa sự ngưỡng mộ vô bờ đối với cô gái, cũng như sự hòa quyện giữa tình cảm của người con trai với hình ảnh cô gái. Tuy nhiên, "cánh nàng tiên" và "cánh hồn tôi" có thể chỉ là ảo mộng, bởi chính người con trai cũng đang chìm đắm trong những mơ mộng không thực tế.

"Cũng ngờ nghệch cái thời mới lớn" là một lời tự nhận về sự ngây thơ, thiếu kinh nghiệm của tuổi trẻ. Họ đang trong thời kỳ mơ mộng, với những bước đi còn loay hoay, chưa thực sự hiểu rõ về tình yêu, về cuộc đời. "Bước lang thang theo mãi sau người" thể hiện một sự lạc lối trong tình cảm, khi người con trai chỉ biết đi theo cô gái, chỉ biết

đắm chìm trong những mộng tưởng, nhưng chưa thể tìm ra con đường rõ ràng.

Khổ 4:
"Bỗng chợt muốn đề thơ áo lụa
Đời mấy khi trên gấm thêu hoa
Nhưng hư ảo vẫn là hư ảo
Tận cuối trời tình ấy cách xa."

Khổ thơ cuối là sự trăn trở, suy tư về tình yêu. "Bỗng chợt muốn đề thơ áo lụa" là hình ảnh người con trai muốn ghi lại những cảm xúc, những ước mơ về tình yêu qua thơ ca. Tuy nhiên, "Đời mấy khi trên gấm thêu hoa" thể hiện sự thực tế, rằng cuộc sống hiếm khi nào đẹp như mơ, như trong thơ ca. Câu thơ này cho thấy sự hiểu biết, sự nhận thức về sự khó khăn trong tình yêu và cuộc sống, khi mà những giấc mơ đẹp hiếm khi trở thành hiện thực.

"Nhưng hư ảo vẫn là hư ảo" là sự nhận thức rõ ràng về sự mong manh và giả tạo của những ước mơ và tình yêu mơ hồ. Tình yêu ấy, dù đẹp đẽ đến đâu, vẫn không thể vươn tới thực tế. "Tận cuối trời tình ấy cách xa" là một kết luận buồn, khẳng định rằng dù có đeo đuổi, tình yêu đó vẫn xa vời và không thể đạt được.

3. Chủ đề và ý nghĩa:
Bài thơ "Thơ Đề Tà Áo Lụa" mang chủ đề về tình yêu lãng mạn, mơ mộng và sự nhận thức về sự hư ảo của những mộng tưởng đó. Thông qua hình ảnh tà áo lụa, tác giả thể hiện vẻ đẹp thuần khiết, tinh tế của tuổi trẻ và tình yêu. Tuy nhiên, bài thơ cũng không thiếu sự buồn bã, sự nhận thức về sự không thực tế của những ước mơ và tình cảm đó, như là một sự chấp nhận về những thất bại, những giới hạn trong tình yêu.

4. Tóm tắt:
Bài thơ "Thơ Đề Tà Áo Lụa" là một tác phẩm đầy tính lãng mạn, biểu tượng và suy tư. Thông qua những hình ảnh mơ mộng và biểu cảm về tà áo lụa, Trần Đức Phổ đã khắc họa vẻ đẹp thuần khiết của cô gái và

sự bối rối, tiếc nuối của một chàng trai trong tình yêu. Tuy nhiên, bài thơ cũng thể hiện sự thực tế về cuộc sống và tình yêu, rằng những ước mơ đẹp đôi khi lại chỉ là những ảo mộng không thể đạt được. ♦

THU VỀ

Sáng nay bất chợt gặp bên đường
Những khóm hoa vàng toả sắc hương
Cành liễu thu về buông thấp thoáng
Mày cong sắc biếc đã pha hường

Đất khách mơ hồ buổi sớm mai
Hơi sương thấm lạnh ướt bờ vai
Vịt trời vỗ cánh về nam gọi
Ta nhớ quê xa những tháng ngày

Đâu những mùa thu của thuở nào
Ngồi trong lớp học ngó trời cao
Mắt xanh dõi bóng chim ngàn trượng
Giục chí giang hồ mộng khát khao

Rời bỏ quê nhà một sớm thu
Tha phương từ ấy đến bây giờ
Đường về quê mẹ xa hun hút
Cách một trùng dương chẳng thấy đò

Như trẻ thơ nhớ tiếng trống trường
Thu về ta chạnh nhớ quê hương
Nhớ mùi cốm dẻo chiều tan học
Nhớ cá rô đồng kho rất thơm

Hẹn một mùa thu sẽ trở về

Tìm ngày thơ ấu dưới trời quê
Lội dòng nước bạc, heo may lạnh
Theo đám mục đồng bắt cá thia.

Chỉ ước bấy nhiêu đã thoả lòng
Nhưng đời cách bể với ngăn sông
Thời gian như bóng câu qua cửa
Tóc bạc áo cơm nợ khốn cùng.
13-8-2024

Lời bình:
Bài thơ "Thu Về" của Trần Đức Phổ là một bức tranh đầy cảm xúc về mùa thu và nỗi nhớ quê hương da diết. Qua các khổ thơ, tác giả không chỉ tái hiện vẻ đẹp thiên nhiên mà còn bộc lộ tâm tư sâu sắc về tuổi thơ, kỷ niệm, và những mộng ước chưa thành. Dưới đây là bình luận chi tiết:

1. Mùa thu trong hiện tại:
Khổ thơ đầu tiên mở ra bằng hình ảnh mùa thu nơi đất khách:

"Những khóm hoa vàng toả sắc hương" và "Cành liễu thu về buông thấp thoáng" gợi tả vẻ đẹp dịu dàng, thanh thoát của mùa thu. Hình ảnh được miêu tả nhẹ nhàng, tinh tế, tạo cảm giác man mác buồn.

Câu "Mày cong sắc biếc đã pha hường" khéo léo chuyển từ cảnh vật sang con người, như một sự đồng điệu giữa thiên nhiên và cảm xúc. Sắc biếc pha hường gợi sự thay đổi của thời gian, phảng phất nỗi ngậm ngùi trước mùa thu.

2. Nỗi nhớ quê hương:
Từ thiên nhiên, tác giả dẫn dắt vào cảm xúc nhớ nhà:

"Hơi sương thấm lạnh ướt bờ vai" và "Vịt trời vỗ cánh về nam gọi" là những hình ảnh gợi lên sự cô đơn và lạc lõng. Không khí mùa thu trở thành chất xúc tác làm dậy lên nỗi nhớ.

"Ta nhớ quê xa những tháng ngày" là điểm nhấn, mở ra dòng cảm xúc hồi tưởng mạnh mẽ. Quê hương hiện lên qua ký ức đẹp đẽ, giản dị, nhưng xa vời vợi.

3. Tuổi thơ và những khát vọng:

"Đâu những mùa thu của thuở nào / Ngồi trong lớp học ngó trời cao" khơi lại hình ảnh tuổi thơ ngây ngô nhưng tràn đầy mộng mơ.

Hình ảnh "chim ngàn trượng" và "giục chí giang hồ mộng khát khao" không chỉ gợi tả sự phóng khoáng của tâm hồn trẻ thơ mà còn nhấn mạnh khát vọng tự do, ước mơ lớn lao của tuổi trẻ.

Khổ thơ này tạo nên sự tương phản giữa ký ức tuổi thơ đẹp đẽ và thực tại ngậm ngùi.

4. Hiện thực xa cách:

"Rời bỏ quê nhà một sớm thu / Tha phương từ ấy đến bây giờ" là lời tự sự đầy day dứt, như một bước ngoặt từ mộng mơ sang thực tế.

Hình ảnh "Đường về quê mẹ xa hun hút / Cách một trùng dương chẳng thấy đò" nhấn mạnh khoảng cách địa lý và cả tâm lý, khiến nỗi nhớ quê trở nên mãnh liệt nhưng cũng vô vọng.

4. Khát khao trở về:

Khổ thơ thứ năm mở ra niềm mong mỏi giản dị: được sống lại những khoảnh khắc tuổi thơ. Những hình ảnh quen thuộc như "mùi cốm dẻo," "cá rô đồng kho" vừa dân dã vừa gợi nhớ một thời vô tư lự.

Câu "Hẹn một mùa thu sẽ trở về" thể hiện khát vọng sum họp, tái hiện lại những ký ức đẹp đẽ của ngày xưa.

6. Nỗi niềm hiện thực:

Khổ thơ cuối khép lại bài thơ bằng sự đối mặt với thực tại:

"Chỉ ước bấy nhiêu đã thoả lòng" là lời khẳng định đầy khiêm nhường, cho thấy mong ước của tác giả không xa hoa mà rất giản dị.

Tuy nhiên, câu thơ tiếp theo "Nhưng đời cách bể với ngăn sông" nhấn mạnh những khó khăn, cản trở của đời thực.

Hình ảnh "Tóc bạc áo cơm nợ khốn cùng" kết thúc bài thơ trong nỗi buồn bất lực, nhắc nhở rằng thời gian và gánh nặng cuộc sống không ngừng trôi qua, cuốn đi những mơ ước.

7. Tâm trạng và nghệ thuật:

Tâm trạng: Bài thơ mang nặng nỗi buồn của người xa quê. Đó là nỗi cô đơn, hoài niệm và tiếc nuối về những gì đã qua, đồng thời là niềm khát khao giản dị nhưng khó thành hiện thực.

Nghệ thuật:

- Giọng thơ dung dị, gần gũi, giàu nhạc điệu.
- Hình ảnh thiên nhiên, con người, và quê hương được tái hiện sống động, chân thực.
- Sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ (chim ngàn trượng, trùng dương, bóng câu) để diễn đạt cảm xúc sâu sắc.

Kết luận:

"Thu Về" là một bài thơ giàu cảm xúc và ý nghĩa, mang đậm dấu ấn của nỗi nhớ quê và những khắc khoải về thời gian, cuộc đời. Qua bài thơ, Trần Đức Phổ không chỉ tái hiện vẻ đẹp của mùa thu mà còn gửi gắm tâm sự của một người con xa xứ, để lại dư âm sâu lắng trong lòng người đọc. ♦

EM VỀ QUA LỐI NGÕ HOÀNG HOA

Em đi từ độ tóc còn xanh
Qua chuyến đò ngang, bỏ cuộc tình
Mưa nắng xứ người phai má thắm
Bóng đời bảng lảng kiếp linh đinh

Từ đó lòng ta mộng cũng tàn
Bao mùa xuân đến vẫn cô đơn

Chờ em nơi ngõ vườn trăng cũ
Biền biệt phương trời một cố nhơn

Em về qua lối ngõ hoàng hoa
Mái tóc thơm hương để gió lùa
Đôi guốc khua tình thời tuổi dại
Lòng ta chua chát nỗi buồn xưa.
24/6/2024

Lời bình:
Bài thơ "Em Về Qua Lối Ngõ Hoàng Hoa" của Trần Đức Phổ là một khúc tự sự đầy cảm xúc về tình yêu dang dở, nỗi cô đơn và sự tiếc nuối khôn nguôi. Tác giả dùng những hình ảnh thơ mộng và lối diễn đạt giàu cảm xúc để tái hiện ký ức về một mối tình đã xa, cùng nỗi đau đọng lại trong lòng người ở lại.

1. Hình ảnh "em đi" và sự chia ly:
Mở đầu bài thơ, hình ảnh "Em đi từ độ tóc còn xanh" gợi lên một thời thanh xuân tươi đẹp nhưng gắn liền với sự chia xa. Chuyến đi của "em" không chỉ là sự rời bỏ không gian mà còn là sự chia tay với tình yêu cũ.

Câu thơ "Qua chuyến đò ngang, bỏ cuộc tình" ẩn chứa nỗi đau đớn và tiếc nuối. Hình ảnh "chuyến đò ngang" mang tính biểu tượng, gợi nhắc đến sự ngắn ngủi, chia lìa và những quyết định không thể đảo ngược.

"Mưa nắng xứ người phai má thắm / Bóng đời bảng lảng kiếp linh đinh" không chỉ tả thực cuộc sống bấp bênh nơi xứ lạ mà còn phản ánh sự hao mòn, tàn phai của tuổi xuân và mộng đẹp.

Khổ thơ đầu tiên mở ra một không gian chia ly đầy tiếc nuối và một thực tại buồn bã, nơi ký ức về tình yêu chỉ còn là dư âm phai nhạt.

2. Nỗi cô đơn của người ở lại:
Từ khi "em đi," người ở lại chìm trong nỗi cô đơn: "Từ đó lòng ta mộng cũng tàn." Câu thơ ngắn gọn mà chất chứa nỗi đau tận cùng, như

thể sự ra đi của "em" đã cuốn trôi tất cả niềm vui và hy vọng trong cuộc đời tác giả.

"Bao mùa xuân đến vẫn cô đơn" nhấn mạnh khoảng thời gian dài đằng đẵng, qua nhiều năm tháng mà nỗi cô đơn vẫn bám riết. Dù mùa xuân, biểu tượng của sự sống và tình yêu, có trở lại, nhưng trái tim tác giả vẫn lạnh giá vì thiếu vắng bóng hình người yêu.

Hình ảnh "vườn trăng cũ" và "chờ em" gợi lên sự thủy chung, lưu luyến với kỷ niệm xưa. Câu thơ "Biền biệt phương trời một cố nhơn" khắc sâu cảm giác xa cách, khiến người đọc thấm thía nỗi đau của kẻ chờ đợi trong vô vọng.

3. Hình ảnh "em về" và nỗi chua xót:

Sự xuất hiện của "em" trong khổ thơ thứ ba như một tia sáng lóe lên trong tâm hồn tác giả: "Em về qua lối ngõ hoàng hoa." Lối ngõ hoàng hoa gợi lên không gian xưa cũ, nơi từng lưu giữ những kỷ niệm đẹp.

Tuy nhiên, sự trở lại này không mang niềm vui mà chỉ làm sống lại nỗi đau xưa: "Đôi guốc khua tình thời tuổi dại." Hình ảnh tiếng guốc khua không chỉ gợi lại những kỷ niệm đẹp mà còn như âm vang của quá khứ, càng làm nổi bật nỗi chua xót của tác giả.

Kết lại bài thơ, câu "Lòng ta chua chát nỗi buồn xưa" nhấn mạnh cảm xúc dồn nén của tác giả. Niềm vui đoàn tụ không có, chỉ còn lại nỗi đau gợi lên từ kỷ niệm xưa đã quá xa vời.

4. Nghệ thuật biểu đạt:

Ngôn ngữ: Giản dị, giàu cảm xúc, tạo nên sự chân thực và dễ dàng chạm đến tâm hồn người đọc.

Hình ảnh: Những hình ảnh quen thuộc như "tóc xanh," "chuyến đò ngang," "vườn trăng cũ," "lối ngõ hoàng hoa" mang tính biểu tượng, vừa cụ thể vừa mơ hồ, gợi lên không gian đầy hoài niệm và tiếc nuối.

Cấu trúc: Bài thơ được chia thành ba phần rõ rệt: sự ra đi, nỗi cô đơn của người ở lại, và sự trở lại đầy chua xót của người xưa. Mạch cảm xúc được phát triển tuần tự, từ nỗi đau chia ly đến đỉnh điểm của sự day dứt khi đối diện với quá khứ.

5. Ý nghĩa bài thơ:

Bài thơ không chỉ là lời tự sự về một mối tình dang dở mà còn là tiếng lòng của những ai từng trải qua chia ly và mất mát. Hình ảnh "em về" không mang ý nghĩa thực tế mà có thể chỉ là hồi ức, là bóng hình trong tâm tưởng của tác giả. Qua đó, bài thơ nhấn mạnh sự day dứt, tiếc nuối về tình yêu và kỷ niệm đã qua, đồng thời phản ánh nỗi cô đơn, bất lực trước sự trôi đi của thời gian và số phận.

Kết luận:
"Em Về Qua Lối Ngõ Hoàng Hoa" là một bài thơ giàu cảm xúc, mang đậm nỗi niềm hoài cổ và sự tiếc nuối. Qua những hình ảnh thơ mộng và giọng điệu chân thành, Trần Đức Phổ đã khắc họa sâu sắc nỗi đau của tình yêu không trọn vẹn, để lại trong lòng người đọc một dư âm buồn man mác, khó phai. ♦

KÝ ỨC NGÀY HÈ

Tôi hồi bé vốn ham chơi lười học
Thích mùa hè như thích những đồng xu
Cứ mỗi lần trời trở gió sang thu
Là van vái tháng ngày mau hết vội
Đông chóng tàn, xuân đi, cho hạ tới
Với ngày dài thêm cái thú chơi rong
Sáng tinh mơ theo chân mẹ ra đồng,
Đứng thơ thẩn nom đàn bò gặm cỏ
Ngắm mặt trời cất lên từ gọng vó
Áng mây hồng bỡn cợt ngọn tre xanh
Một bầy chim chiền chiện thật hiền lành
Từ ruộng lúa vụt bay kêu inh ỏi
Bến đò ngang những tiếng cười giọng nói

Nón che nghiêng những đôi má bồ quân
Mùi hoa tươi, và trái chín thơm lừng
Chiều chầm chậm để tôi cùng lũ bạn
Hết bắt ve, thả diều, rồi đá bóng…
Ùa xuống sông thử sức trẻ ngư kình
Cánh tay trần ôm dòng nước trong xanh
Đêm buông xuống trăng lên là rồng rắn,
Bịt mắt bắt dê, kéo co, kích bắn
Những trò chơi của lũ trẻ nhà quê
Mãi âm vang trong ký ức ngày hè.
28/5/2024

Lời bình:
Bài thơ "Ký Ức Ngày Hè" của Trần Đức Phổ là một dòng chảy cảm xúc, tái hiện lại những ký ức tuổi thơ hồn nhiên, gắn bó với mùa hè nơi làng quê Việt Nam. Tác phẩm không chỉ đưa người đọc trở về với một thời vô tư lự mà còn khơi gợi tình yêu quê hương và những giá trị đẹp đẽ của tuổi thơ.

Bức tranh tuổi thơ hồn nhiên:
Ngay từ khổ thơ đầu, tác giả đã thú nhận về tuổi thơ "ham chơi lười học", một đặc điểm phổ biến của trẻ con nông thôn. Sự háo hức chờ đợi mùa hè được tác giả so sánh với niềm vui khi có những "đồng xu" – nhỏ bé nhưng quý giá. Mùa hè với tác giả là thời gian tự do, tràn ngập niềm vui và không lo âu.

Khung cảnh thiên nhiên sáng sớm trong khổ thứ hai được tái hiện bằng những hình ảnh bình dị nhưng đầy sức gợi. Cảnh "mặt trời cất lên từ gọng vó" hay "bầy chim chiền chiện... kêu inh ỏi" đã vẽ nên một bức tranh đồng quê tràn đầy sức sống, nơi mọi thứ đều hòa quyện với sự trong trẻo, hồn nhiên của tuổi thơ.

Hoạt động vui chơi sôi động:
Tác giả dẫn người đọc vào buổi chiều hè đầy ắp tiếng cười với các trò chơi quen thuộc như bắt ve, thả diều, đá bóng, và tắm sông. Câu thơ

"Ùa xuống sông thử sức trẻ ngư kình" gợi lên hình ảnh những đứa trẻ mạnh mẽ, tự do vùng vẫy giữa thiên nhiên trong lành.

Không chỉ có ban ngày, đêm hè cũng được khắc họa sống động qua ánh trăng và những trò chơi dân gian như rồng rắn, bịt mắt bắt dê, kéo co. Những kỷ niệm này không chỉ đơn thuần là niềm vui mà còn tạo nên sợi dây gắn kết tình bạn, in sâu vào tâm hồn mỗi đứa trẻ.

Ý nghĩa sâu sắc:
Hình ảnh làng quê và các hoạt động tuổi thơ trong bài thơ mang tính biểu tượng. Nó không chỉ là ký ức riêng của tác giả mà còn là hình ảnh chung của bao thế hệ đã lớn lên ở vùng quê Việt Nam. Qua đó, bài thơ khơi gợi tình yêu quê hương, lòng trân trọng những giá trị truyền thống, và sự tiếc nuối trước sự trôi qua của thời gian.

Nghệ thuật biểu đạt:
Ngôn ngữ giản dị, giàu chất thơ, gần gũi với đời sống thường ngày.
Hình ảnh thơ cụ thể, chân thực, kết hợp hài hòa giữa thiên nhiên và con người.
Âm thanh được tái hiện phong phú, từ tiếng chim, tiếng cười nói đến những âm vang của tuổi thơ.
Bố cục bài thơ mạch lạc, cảm xúc phát triển từ mong chờ mùa hè đến kỷ niệm sôi động và kết thúc bằng nỗi nhớ.

Cảm nhận:
"Ký Ức Ngày Hè" làm sống lại những ký ức tuổi thơ đẹp đẽ, khiến người đọc như được sống lại một lần trong thế giới trẻ thơ vô tư lự. Bài thơ không chỉ là câu chuyện cá nhân của tác giả mà còn là lời nhắc nhở chúng ta về một phần cuộc đời đã qua – những ngày hạnh phúc giản đơn nhưng đáng quý.

Những ai từng trải qua tuổi thơ nơi làng quê chắc chắn sẽ thấy mình trong những câu thơ của Trần Đức Phổ. Nỗi nhớ về một thời đã qua, sự tiếc nuối trước dòng chảy vô tình của thời gian khiến ta trân

trọng hơn những giá trị hiện tại. Bài thơ nhẹ nhàng mà sâu lắng, giản dị mà lay động, để lại dư âm khó phai trong lòng người đọc.

Kết luận:
"Ký Ức Ngày Hè" không chỉ là một bài thơ mà còn là một dòng nhật ký cảm xúc, một hồi ức về tuổi thơ đã mất. Qua tác phẩm, Trần Đức Phổ không chỉ kể lại câu chuyện của riêng mình mà còn gợi lên trong lòng mỗi người đọc những ký ức đẹp đẽ, giúp ta thêm yêu và trân trọng những giá trị bình dị của cuộc sống. ♦

VỀ PHƯƠNG NAM

Từ thuở bé đã nghe danh Nam bộ
Ruộng đồng xanh thẳng cánh cò bay
Dòng Cửu Long phù sa như máu đỏ
Cá tôm nhiều thò tay bắt được ngay

Những rừng mắm, những rừng tràm, rừng đước
Như đoàn quân đi chinh phục phương nam
Những tráng sĩ của vài trăm năm trước
Đến bây giờ vẫn sừng sững hiên ngang

Tôi đã đọc trận Rạch Gầm – Xoài Mút
Người anh hùng áo vải phá quân Xiêm
Bên tai nghe tiếng chiêng khua, trống giục
Những con thuyền lao vun vút như tên

Viếng di tích Tả quân Lê Văn Duyệt
Một công thần khai quốc chịu hàm oan
Thân về trời, mộ phần đeo xiềng xích,
Vẫn khói hương trong tâm khảm người dân

Còn văng vẳng nghe giọng ngâm Đồ Chiểu
Thà mắt đui mà giữ lấy đạo nhà
Hơn những kẻ nghĩa quân thần chẳng hiểu
Đem thân làm tôi mọi Phú-lang-sa

Những danh sĩ từng một thời lừng lẫy
Thủ Khoa Huân, Phan Văn Trị, Tôn Thọ Tường
Khai trận chiến trên văn đàn ngày ấy
Khí anh hùng ngùn ngụt cõi văn chương

Về phương nam theo dấu chân người trước
Đêm nằm nghe khúc Dạ Cổ Hoài Lang
Chén rượu gạo thấm qua hồn thao thức
Sóng vỗ bờ cuồn cuộn Cửu Long Giang.
27.12.2023

Lời bình:

Bài thơ "Về Phương Nam" của Trần Đức Phổ là một bức tranh đầy màu sắc, tái hiện lại vẻ đẹp của miền Nam Bộ qua lịch sử, thiên nhiên và văn hóa. Tác phẩm không chỉ là lời ngợi ca một vùng đất giàu truyền thống mà còn thể hiện lòng tự hào dân tộc và tình yêu quê hương tha thiết của tác giả.

Hình ảnh thiên nhiên Nam Bộ hùng vĩ và trù phú:
Từ thuở bé đã nghe danh Nam Bộ
Ruộng đồng xanh thẳng cánh cò bay
Dòng Cửu Long phù sa như máu đỏ
Cá tôm nhiều thò tay bắt được ngay

Khổ thơ mở đầu đã khắc họa rõ nét vẻ đẹp thiên nhiên Nam Bộ – vùng đất gắn liền với sự trù phú và rộng lớn.

"Ruộng đồng xanh thẳng cánh cò bay": Hình ảnh quen thuộc, tượng trưng cho sự bao la, màu mỡ của đồng bằng Nam Bộ.

"Dòng Cửu Long phù sa như máu đỏ": Sông Cửu Long không chỉ là nguồn sống mà còn như huyết mạch nuôi dưỡng đất và người nơi đây.

"Cá tôm nhiều thò tay bắt được ngay": Câu thơ phác họa cuộc sống giản dị nhưng sung túc, tràn đầy sức sống của con người miền Nam.

Những cánh rừng và dấu ấn lịch sử:

Những rừng mắm, những rừng tràm, rừng đước
Như đoàn quân đi chinh phục phương nam
Những tráng sĩ của vài trăm năm trước
Đến bây giờ vẫn sừng sững hiên ngang

Thiên nhiên Nam Bộ không chỉ trù phú mà còn mang đậm dấu ấn của lịch sử khai phá.

"Những rừng mắm... như đoàn quân": Cây rừng được nhân cách hóa, như những chiến binh tiên phong trong công cuộc chinh phục vùng đất mới.

"Những tráng sĩ... sừng sững hiên ngang": Gợi lên hình ảnh những con người dũng cảm đã góp phần xây dựng miền đất Nam Bộ, để lại dấu ấn mãi mãi trong lịch sử.

Khí phách anh hùng qua các sự kiện lịch sử:

Tôi đã đọc trận Rạch Gầm – Xoài Mút
Người anh hùng áo vải phá quân Xiêm
Bên tai nghe tiếng chiêng khua, trống giục
Những con thuyền lao vun vút như tên

Bài thơ tái hiện chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút, nơi Nguyễn Huệ đánh bại quân Xiêm xâm lược.

"Người anh hùng áo vải phá quân Xiêm": Nguyễn Huệ hiện lên như biểu tượng của lòng yêu nước và tài năng quân sự.

"Bên tai nghe tiếng chiêng khua, trống giục": Âm thanh chiến trận làm sống dậy tinh thần oanh liệt của một thời.

"Những con thuyền lao vun vút như tên": Cảnh thuyền chiến lao nhanh thể hiện chiến lược tài tình và khí thế hào hùng của quân dân ta.

Tình cảm đối với các danh nhân và văn hóa Nam Bộ:
Viếng di tích Tả quân Lê Văn Duyệt
Một công thần khai quốc chịu hàm oan
Thân về trời, mộ phần đeo xiềng xích,
Vẫn khói hương trong tâm khảm người dân

Khổ thơ này gợi nhắc đến Tả quân Lê Văn Duyệt, một nhân vật lịch sử lớn của Nam Bộ, dù chịu hàm oan nhưng vẫn được nhân dân kính trọng.

"Mộ phần đeo xiềng xích": Biểu tượng của sự bất công nhưng cũng khẳng định lòng trung thành và công lao của ông.

"Vẫn khói hương trong tâm khảm người dân": Sự kính yêu của nhân dân là minh chứng cho giá trị bền vững của người anh hùng.

Từ giọng ngâm Đồ Chiểu đến văn đàn lừng lẫy của Thủ Khoa Huân, Phan Văn Trị, Tôn Thọ Tường

Bài thơ nhắc đến những danh nhân văn hóa nổi bật như Nguyễn Đình Chiểu, Thủ Khoa Huân, với những tác phẩm để đời:

"Giọng ngâm Đồ Chiểu": Tượng trưng cho tinh thần bất khuất và lòng yêu nước.

"Trận chiến trên văn đàn": Khí phách không chỉ trên chiến trường mà còn trong văn học, nơi các danh nhân dùng ngòi bút để bảo vệ đạo lý và phản ánh thời đại.

Lời kết: Tình yêu và nỗi thao thức với phương Nam:
Về phương nam theo dấu chân người trước
Đêm nằm nghe khúc Dạ Cổ Hoài Lang
Chén rượu gạo thấm qua hồn thao thức
Sóng vỗ bờ cuồn cuộn Cửu Long Giang

Tác giả kết thúc bài thơ bằng cảm xúc lắng đọng khi về phương Nam, nơi văn hóa, lịch sử và thiên nhiên hòa quyện.

"Dạ Cổ Hoài Lang": Bản nhạc cổ truyền thống biểu tượng cho tình yêu và nỗi nhớ, mang đậm hồn quê Nam Bộ.

"Sóng vỗ bờ cuồn cuộn Cửu Long Giang": Dòng sông Cửu Long như nhịp đập của cả vùng đất, vừa gợi nhớ sự trù phú, vừa biểu trưng cho dòng chảy lịch sử mãnh liệt.

Nghệ thuật biểu đạt:

Hình ảnh giàu tính biểu tượng: Từ thiên nhiên (rừng tràm, Cửu Long Giang) đến con người và lịch sử (Nguyễn Huệ, Lê Văn Duyệt).

Ngôn ngữ giản dị, giàu sức gợi, đậm chất tự sự và trữ tình.

Cách kể chuyện kết hợp với cảm xúc, tạo nên mạch thơ vừa chân thật, vừa lôi cuốn.

Cảm nhận:

Bài thơ "Về Phương Nam" không chỉ là một bức tranh toàn cảnh về thiên nhiên, lịch sử, văn hóa Nam Bộ mà còn là lời tri ân đối với những con người đã làm nên vùng đất này. Tác phẩm khơi gợi niềm tự hào về truyền thống anh hùng, đồng thời nhắc nhở chúng ta trân trọng và bảo tồn những giá trị văn hóa, lịch sử mà cha ông đã để lại.

Đọc bài thơ, ta như được sống trong những ký ức của quá khứ, hòa mình vào vẻ đẹp hiện tại, và cảm nhận sâu sắc dòng chảy mạnh mẽ của lịch sử miền Nam Bộ – nơi tình yêu quê hương đất nước được hun đúc qua từng thế hệ. ♦

CÁNH PHƯỢNG HỒNG NĂM CŨ

Rồi gió xuân đi, nắng hạ về
Trên cành phượng vỹ giọng đàn ve
Nỉ non ca khúc tình ly biệt
Với cả thương yêu lẫn não nề

Hoa phượng màu môi thắm nụ cười
Ép vào lưu bút tặng người ơi,
Cô thầy, sách vở... thôi từ tạ

Xếp bút mực xanh bước xuống đời

Thương màu áo trắng kể từ đây
Cất kỹ vào rương với chuỗi ngày
Hoa mộng tan theo thời dĩ vãng
Dù lòng gió lộng, áo thôi bay

Phượng cũ mùa xưa lại trổ bông
Chiều nay có kẻ chợt bâng khuâng
Nhìn bầy con gái trao lưu bút
Như thấy người xưa nhặt phượng hồng.
3/6/2024

Lời bình:
Bài thơ "Cánh Phượng Hồng Năm Cũ" của Trần Đức Phổ gợi lên những cảm xúc về thời học sinh, về những ký ức của tuổi trẻ và tình yêu học trò. Mùa phượng vĩ, loài hoa gắn liền với mùa thi, cũng là biểu tượng của những khoảnh khắc chia tay đầy xúc động.

1. Khung cảnh mùa hè và phượng vĩ
Ngay từ những câu đầu tiên, tác giả đã vẽ ra bức tranh mùa hè với sự xuất hiện của "gió xuân" và "nắng hạ" trong một sự chuyển tiếp của thời gian. Phượng vĩ - loài hoa đặc trưng của mùa hè, tượng trưng cho tuổi trẻ, sự tươi mới, và cũng gắn liền với những kỷ niệm học trò - được miêu tả qua hình ảnh "giọng đàn ve" nỉ non, tạo nên một không gian âm thanh đầy cảm xúc. Những câu thơ này cũng gợi lên cảm giác chia ly và xa cách, khi tác giả nhắc đến "tình ly biệt" và những cảm xúc "thương yêu lẫn não nề."
2. Lưu bút và chia tay
"Hoa phượng màu môi thắm nụ cười" - hình ảnh hoa phượng được liên kết với nụ cười, với những kỷ niệm tươi đẹp của tuổi học trò. Phượng vĩ ở đây không chỉ là một loài hoa, mà còn là biểu tượng của những cảm xúc, những kỷ niệm học trò chưa thể phai mờ. Lưu bút là món

quà tinh thần của tuổi học trò, thể hiện sự tri ân và tình cảm chia tay giữa bạn bè, thầy cô. Câu "Ép vào lưu bút tặng người ơi" nói về những kỷ niệm đã được ghi lại, không chỉ cho riêng mình mà còn là lời nhắn nhủ đến người thân yêu.

3. Bước xuống đời

Đoạn thơ "Xếp bút mực xanh bước xuống đời" thể hiện sự chuyển giao từ thời học sinh sang một giai đoạn mới của cuộc sống. Từ việc xếp bút mực và rời khỏi ghế nhà trường, người học sinh bắt đầu bước vào cuộc sống trưởng thành với nhiều thử thách phía trước. Lời chia tay không chỉ là sự chia xa với tuổi học trò, mà còn là bước chuyển mình quan trọng của mỗi con người.

4. Kỷ niệm và hoài niệm

Câu thơ "Thương màu áo trắng kể từ đây / Cất kỹ vào rương với chuỗi ngày" gợi lên hình ảnh những chiếc áo trắng - biểu tượng của học sinh, của những ngày tháng ngây thơ và trong sáng. Tuy nhiên, áo trắng giờ đây đã trở thành những kỷ niệm được cất giữ, không thể quay lại, như những chuỗi ngày đã qua. "Hoa mộng tan theo thời dĩ vãng" là hình ảnh gợi nhắc về những giấc mơ, những ước vọng của tuổi trẻ đã tan biến theo thời gian.

5. Nhớ lại mùa phượng cũ

Ở cuối bài thơ, tác giả trở lại với mùa phượng, nhưng lần này là "phượng cũ mùa xưa lại trổ bông." Hình ảnh phượng một lần nữa nở hoa, nhưng không phải cho những người học trò hiện tại mà là cho những ký ức của ngày xưa. "Chiều nay có kẻ chợt bâng khuâng" - câu thơ này thể hiện sự hoài niệm về những ký ức xưa cũ, khi người ta nhìn những cô gái trao lưu bút và chợt nhớ về những năm tháng đã qua. Hình ảnh "nhặt phượng hồng" cũng là một sự gợi nhớ về những tình cảm, những khoảnh khắc đã dần phai mờ nhưng vẫn còn ẩn chứa trong tim mỗi người.

6. Chủ đề và thông điệp

Bài thơ phản ánh nỗi nhớ về những kỷ niệm học trò và sự chia ly trong hành trình trưởng thành. Nó cũng nhắc nhở về sự quý trọng những khoảnh khắc đã qua, những mối quan hệ và những ký ức đẹp đẽ từ thời tuổi trẻ. Sự thay đổi của thời gian, sự trưởng thành của con người không thể tránh khỏi, nhưng những ký ức về một thời học sinh tươi đẹp luôn tồn tại trong lòng mỗi người.

Tóm lại, "Cánh Phượng Hồng Năm Cũ" của Trần Đức Phổ là một bài thơ đầy cảm xúc, với những hình ảnh tượng trưng cho tình yêu học trò, sự chia ly và những hoài niệm về thời gian đã qua. Bài thơ khơi gợi những xúc cảm sâu lắng, tạo nên một không gian đầy luyến tiếc, nhưng cũng là sự chấp nhận quy luật của cuộc sống. ♦

KHẤT TÌNH

Anh cũng muốn học đòi làm khất sĩ
Bước độc hành nửa trái đất tìm em
Không xiển dương điều gì ngoài chân lý:
Cả cuộc đời dành tri kỷ con tim

Dưới chân anh không cần hoa sen nở
Trên đầu anh chẳng thiết tán bồ đề
Anh chỉ mơ một chân trời nào đó
Em đang chờ nơi bóng rợp cành me

Hãy bố thí một chút tình dù nhỏ
Đủ cho anh sống nốt cuộc đời này
Chiếc bình bát là trái tim anh đó
Đợi cúng dường món duyên nợ tình say

Người khất thực vì những điều cao cả

Anh khất tình bởi mộng ước được yêu
Nếu kiếp này không là vàng là đá
Mong kiếp sau ô thước bắt nhịp kiều.
2.6.2024

Lời bình:
Bài thơ Khất Tình của Trần Đức Phổ thể hiện một tâm trạng đầy khát khao và mong muốn về tình yêu chân thành, qua hình ảnh người khất sĩ trong hành trình tìm kiếm tình yêu như một mục đích thiêng liêng, cao cả. Dưới đây là một số bình giảng chi tiết về bài thơ:

1. Hình ảnh người khất sĩ và hành trình tìm kiếm tình yêu
Mở đầu bài thơ, tác giả sử dụng hình ảnh người khất sĩ như một ẩn dụ để diễn tả khát khao tìm kiếm tình yêu. Người khất sĩ không đi xin cơm, mà đi "khất tình", điều này đã làm nổi bật chủ đề chính của bài thơ: một sự khát khao tình yêu, không phải vật chất hay danh lợi. Hình ảnh người khất sĩ cũng gợi lên sự thanh thản, tự do trong hành trình, nhưng không phải vì thế mà không có mục đích. Anh ta "bước độc hành nửa trái đất tìm em", điều này nói lên sự hy sinh và quyết tâm trong tình yêu, mong muốn tìm thấy một người tri kỷ để chia sẻ cuộc sống.

2. Sự từ bỏ mọi thứ để tìm kiếm chân lý tình yêu
Câu "Không xiển dương điều gì ngoài chân lý: / Cả cuộc đời dành tri kỷ con tim" cho thấy người khất sĩ không cần tìm kiếm những giá trị vật chất hay danh vọng, mà chỉ mong muốn tình yêu chân thật. "Tri kỷ" ở đây có thể hiểu là một người bạn tâm giao, một người có thể hiểu và chia sẻ cảm xúc, một người yêu thương thật lòng. Điều này nhấn mạnh quan điểm của tác giả về tình yêu như một giá trị thiêng liêng, vượt lên trên mọi thứ.

3. Hình ảnh những vật phẩm tâm linh và sự đơn giản của tình yêu
Trong các câu tiếp theo, tác giả sử dụng hình ảnh "hoa sen nở" và "tán bồ đề" — những hình ảnh liên quan đến Phật giáo — để nói rằng người

khất sĩ không cần những thứ cao siêu, tôn thờ hay biểu trưng cho sự thanh tịnh. Điều anh ta cần chỉ là "một chân trời nào đó / Em đang chờ nơi bóng rợp cành me", là một tình yêu giản dị, bình dị nhưng đầy ý nghĩa. Cây me, với bóng mát và sự yên bình, có thể coi là biểu tượng cho một tình yêu chân thành, bình dị nhưng không kém phần sâu sắc.

4. Mong muốn tình yêu và sự hy sinh
Ở khổ thơ tiếp theo, người khất sĩ mượn hình ảnh chiếc bình bát — vật phẩm dùng để nhận sự bố thí của người khác — để biểu tượng cho trái tim anh. "Chiếc bình bát là trái tim anh đó / Đợi cúng dường món duyên nợ tình say" thể hiện mong muốn được trao tặng tình yêu, và đồng thời cũng là sự hy sinh, mở lòng đón nhận. "Duyên nợ tình say" không chỉ là sự mê đắm mà còn là sự gắn kết giữa hai con người, sự đồng điệu trong tình cảm.

5. Kiếp này và kiếp sau
Khổ cuối của bài thơ thể hiện một niềm tin vào sự luân hồi, kiếp sau, qua câu "Nếu kiếp này không là vàng là đá / Mong kiếp sau ô thước bắt nhịp kiều". "Ô thước" là một con chim trong truyền thuyết, gắn liền với việc nối duyên cho các cặp đôi. Tác giả hy vọng rằng nếu không tìm được tình yêu trong kiếp này, thì kiếp sau sẽ có cơ hội được "bắt nhịp kiều", nối lại mối duyên chưa trọn vẹn. Đây là một sự bày tỏ niềm tin vào tình yêu, với hi vọng rằng dù có phải trải qua bao nhiêu kiếp, tình yêu thật sự vẫn sẽ đến.

Tổng kết:
Bài thơ Khất Tình của Trần Đức Phổ là một bài thơ mang đậm tính triết lý và cảm xúc. Qua hình ảnh người khất sĩ, tác giả khắc họa sự tìm kiếm tình yêu như một sứ mệnh thiêng liêng, đồng thời cũng thể hiện niềm tin vào một tình yêu vĩnh cửu, vượt lên trên mọi vật chất. Bài thơ không chỉ là sự khao khát tình yêu mà còn là sự hy sinh và kiên trì trong hành trình tìm kiếm tri kỷ, thể hiện quan điểm về tình yêu chân thành và sự gắn kết của con người với nhau. ♦

THÁNH ĐỊA

Ta, kẻ vô minh không tôn giáo
Chưa từng tin có thần thánh trên đời
Con thuyền bé chòng chành cơn giông bão
Không la bàn lạc lõng giữa trùng khơi

Rồi một hôm tấp vào hòn đảo nhỏ
Xanh cỏ đồng và thơm ngát hoa tươi
Ốc đảo ấy là trái tim em đó
Còn hoang sơ chưa dấu vết chân người

Ta vụng về chạy tung tăng khắp chốn
Khám phá từng kho báu bị vùi sâu
Như gã ăn mày trúng lô độc đắc
Một ngày kia bỗng chốc hóa sang giàu

Ta tin tưởng điều hiển nhiên mầu nhiệm
Trái tim em vi diệu nhất trần đời
Kiếp sau nữa cũng cam tâm tình nguyện
Hành hương về thánh địa của lòng tôi!
27/5/2024

Lời bình:
Bài thơ Thánh Địa của Trần Đức Phổ là một tác phẩm đầy cảm xúc, diễn tả sự tìm kiếm và nhận thức về tình yêu như một hành trình tâm linh. Dưới đây là phân tích chi tiết về 4 khổ thơ trong bài:

1. Khổ 1: Cảm giác lạc lõng, vô định
Câu thơ: "*Ta, kẻ vô minh không tôn giáo*
Chưa từng tin có thần thánh trên đời"

Tác giả bắt đầu bài thơ bằng cách mô tả mình là một người vô minh, không có niềm tin vào tôn giáo hay thần thánh. Hình ảnh "kẻ vô minh" cho thấy sự thiếu thốn niềm tin vào những giá trị lớn lao, như thần thánh hay những đức tin truyền thống. Điều này ngụ ý về một con người sống trong một thế giới không có niềm tin vững chắc, dẫn đến sự lạc lõng, thiếu hướng đi trong cuộc sống.

Câu thơ tiếp theo:
"Con thuyền bé chòng chành cơn giông bão
Không la bàn lạc lõng giữa trùng khơi"

Hình ảnh "con thuyền bé chòng chành" và "không la bàn lạc lõng" tiếp tục miêu tả trạng thái mất phương hướng của nhân vật. Con thuyền là hình ảnh ẩn dụ cho cuộc đời, đang lênh đênh giữa sóng gió, không có chỉ dẫn rõ ràng. Tình trạng "lạc lõng giữa trùng khơi" thể hiện một tâm trạng cô đơn, không biết mình đang đi đâu trong cuộc sống.

2. Khổ 2: Tình yêu là "hòn đảo" cứu rỗi
Câu thơ: *"Rồi một hôm tấp vào hòn đảo nhỏ*
Xanh cỏ đồng và thơm ngát hoa tươi"

Như một phép màu, nhân vật tìm thấy một "hòn đảo nhỏ", có nghĩa là tìm thấy tình yêu. Cái "hòn đảo nhỏ" này có thể xem như một sự cứu rỗi, nơi mà nhân vật có thể tìm thấy sự bình yên, an toàn giữa biển cả cuộc đời. Hình ảnh "xanh cỏ đồng" và "thơm ngát hoa tươi" gợi lên vẻ đẹp trong trẻo, thuần khiết của tình yêu, nơi mà mọi lo âu, đau khổ được xoa dịu.

Câu thơ tiếp theo:
"Ốc đảo ấy là trái tim em đó
Còn hoang sơ chưa dấu vết chân người"

Trái tim em chính là "hòn đảo" mà nhân vật tìm thấy. Đặc biệt, trái tim em được miêu tả là "hoang sơ", chưa bị ảnh hưởng, chưa có dấu vết của những cuộc đời khác. Hình ảnh "hoang sơ" không chỉ nói lên sự trong sáng, thuần khiết của tình yêu mà còn có thể ám chỉ rằng

tình yêu này là một điều mới mẻ, chưa được khai phá, là mảnh đất chưa ai bước chân vào.

3. Khổ 3: Sự khám phá và thay đổi
Câu thơ: *"Ta vụng về chạy tung tăng khắp chốn*
Khám phá từng kho báu bị vùi sâu"

Nhân vật tiếp tục hành trình khám phá "hòn đảo" (trái tim em). Từ hình ảnh vụng về "chạy tung tăng khắp chốn", ta cảm nhận được sự háo hức, đầy khám phá của một người lần đầu tiên nhận ra giá trị của tình yêu. Những "kho báu bị vùi sâu" tượng trưng cho những giá trị sâu sắc, bí ẩn của trái tim người yêu, mà nhân vật phải mất thời gian để khám phá và chiêm nghiệm.

Câu thơ tiếp theo:
"Như gã ăn mày trúng lô độc đắc
Một ngày kia bỗng chốc hóa sang giàu"

Hình ảnh "gã ăn mày trúng lô độc đắc" thể hiện sự thay đổi lớn lao của nhân vật khi tình yêu đến. Tình yêu như một kho báu mang lại sự đổi đời cho nhân vật, giống như một người nghèo bỗng nhiên trở thành giàu có. Cảm giác từ tuyệt vọng, thiếu thốn đến sung túc, viên mãn là một quá trình biến đổi mạnh mẽ, giống như một phép màu.

4. Khổ 4: Niềm tin vững chắc vào tình yêu
Câu thơ: "*Ta tin tưởng điều hiển nhiên mầu nhiệm*
Trái tim em vi diệu nhất trần đời"

Từ chỗ không tin vào một đấng tối cao, nhân vật bắt đầu tin vào một điều "hiển nhiên mầu nhiệm" — trái tim của người yêu. Sự tin tưởng này mang tính chất thiêng liêng, như một niềm tin vào điều mầu nhiệm của đời sống. Trái tim người yêu được miêu tả là "vi diệu nhất trần đời", như một báu vật vô giá, có thể cứu rỗi và mang lại sự bình an.

Câu thơ tiếp theo:
"Kiếp sau nữa cũng cam tâm tình nguyện

Hành hương về thánh địa của lòng tôi!"

Nhân vật nguyện "hành hương về thánh địa của lòng tôi", với "thánh địa" là trái tim người yêu. Điều này không chỉ là sự tôn kính, mà còn thể hiện sự hiến dâng, tình nguyện đi suốt cuộc đời, thậm chí kiếp sau, để tìm về với tình yêu ấy. Tình yêu giờ đây không còn là một cái gì đó mơ hồ, mà là "thánh địa", nơi chứa đựng sự linh thiêng, cao quý và vĩnh cửu.

Tổng kết:
Bài thơ Thánh Địa của Trần Đức Phổ thể hiện một hành trình tâm linh, từ sự lạc lõng, vô định đến sự tìm thấy tình yêu như một thánh địa thiêng liêng. Tình yêu ở đây không chỉ là cảm xúc tự nhiên, mà được nâng lên thành một đức tin, một niềm tin vững chắc và thiêng liêng, nơi mà nhân vật cam tâm "hành hương" suốt cuộc đời. Tình yêu trong bài thơ được mô tả như một sự cứu rỗi, là kho báu của cuộc sống, mang lại sự thay đổi và hoàn thiện cho người tìm thấy. ♦

GIÁ NHƯ TA VẼ ĐƯỢC BÙA YÊU

Giá như ta vẽ được bùa yêu
Sẽ yểm bùa em sáng lẫn chiều
Để chốn hồng trần em chỉ biết
Mình ta trong cõi mộng phiêu phiêu

Ta yểm bùa yêu mái tóc mây
Cho làn gió thổi tóc huyền bay
Bốn mùa mưa nắng hương không nhạt
Chỉ mỗi mình ta được ngất ngây

Ta yểm bùa yêu khóe miệng cười
Nguyên màu son thắm, nét xuân tươi
Cấm loài ong bướm không lai vãng

Bên đóa hồng hoa đẹp tuyệt vời

Ta yểm bùa yêu lên áo em
Ở ngay trước ngực cạnh con tim
Để em rung cảm dù khe khẽ
Ta cũng giao thoa với nỗi niềm

Ta yểm bùa yêu dáng ngọc ngà
Để em mãi mãi thuộc về ta
Như con Ngọc thố trên Cung Quảng
Sẽ chẳng bao giờ bỏ cội đa!
23/5/2024

Lời bình:
Bài thơ "Giá Như Ta Vẽ Được Bùa Yêu" của Trần Đức Phổ là một khúc tình ca lãng mạn, vừa da diết vừa mang sắc thái kỳ ảo. Tác giả mượn hình ảnh "bùa yêu" để thể hiện khát vọng yêu thương mãnh liệt, khao khát chiếm lĩnh trái tim và tâm hồn người mình yêu trong một không gian tràn đầy mộng tưởng.

1. Khát vọng yêu thương mãnh liệt
Ngay từ những câu thơ đầu tiên, tác giả đã đặt ra giả định đầy thú vị:
Giá như ta vẽ được bùa yêu
Sẽ yểm bùa em sáng lẫn chiều.

Hình ảnh "bùa yêu" ở đây không chỉ mang tính huyền bí mà còn biểu hiện một ước mơ khống chế, giữ trọn vẹn tình yêu trong tay. Tình yêu trong thơ Trần Đức Phổ là một sự sở hữu, không chỉ giới hạn ở cảm xúc mà còn len lỏi vào từng chi tiết đời thường: "sáng lẫn chiều." Điều này vừa thể hiện tình yêu nồng nàn, vừa phơi bày chút ích kỷ thường thấy trong trái tim kẻ si tình.

2. Cái đẹp của người yêu qua lăng kính tình yêu

Bốn khổ thơ tiếp theo là sự tán tụng cái đẹp của người yêu thông qua những chi tiết được yểm "bùa yêu":

Mái tóc mây:
Ta yểm bùa yêu mái tóc mây
Cho làn gió thổi tóc huyền bay.
Mái tóc, biểu tượng của vẻ đẹp nữ tính, được lý tưởng hóa như một dải mây bồng bềnh. Tình yêu khiến người ta cảm nhận vẻ đẹp của người mình yêu trở nên tuyệt mỹ, bất biến theo thời gian.

Nụ cười và đôi môi:
Ta yểm bùa yêu khóe miệng cười
Nguyên màu son thắm, nét xuân tươi.
Khóe miệng cười, biểu tượng của sự rạng rỡ, tươi trẻ, được tác giả "bảo vệ" khỏi những cám dỗ bên ngoài. Ý tưởng "cấm loài ong bướm không lai vãng" cho thấy khát khao giữ riêng vẻ đẹp ấy cho bản thân.

Con tim rung động:
Ta yểm bùa yêu lên áo em
Ở ngay trước ngực cạnh con tim.
Hình ảnh "con tim" là trung tâm cảm xúc và tình yêu. Qua việc "yểm bùa," tác giả thể hiện mong muốn kết nối sâu sắc với tâm hồn của người mình yêu.

3. Khát vọng chiếm hữu và sự vĩnh cửu trong tình yêu

Khổ thơ cuối là đỉnh điểm của khát vọng chiếm hữu và mộng tưởng về sự vĩnh hằng:
Ta yểm bùa yêu dáng ngọc ngà
Để em mãi mãi thuộc về ta.
Hình ảnh "con Ngọc thố trên Cung Quảng" ẩn dụ cho sự bất biến và thuần khiết, thể hiện mong muốn tình yêu không bao giờ phai nhạt hay

chia xa. Khát vọng "thuộc về ta" vừa chân thực, vừa lãng mạn, nhưng cũng gợi lên nét chiếm hữu đậm chất nhân gian.

4. Giọng điệu và nghệ thuật
Bài thơ được viết theo thể thơ bảy chữ, với ngôn từ giản dị nhưng đầy chất nhạc. Những hình ảnh như "bùa yêu," "tóc mây," "ngọc ngà," "Cung Quảng" mang đậm tính tượng trưng, làm nổi bật không gian huyền ảo, mộng mị. Điệp từ "yểm bùa" lặp đi lặp lại tạo nên sự nhấn mạnh về khát vọng mãnh liệt, đồng thời làm tăng tính đồng điệu trong nhịp điệu bài thơ.

5. Ý nghĩa nhân văn
Mặc dù bài thơ đề cao sự chiếm hữu trong tình yêu, nhưng sâu thẳm, đó là tiếng nói của con người về khát vọng yêu và được yêu, mong muốn giữ trọn vẹn hạnh phúc trong tay. Tác giả, bằng sự khéo léo trong ngôn từ, đã vẽ nên một bức tranh tình yêu vừa chân thành, vừa lãng mạn, khiến người đọc không chỉ đồng cảm mà còn rung động trước vẻ đẹp của tình yêu.

Kết luận
"Giá Như Ta Vẽ Được Bùa Yêu" là một bài thơ giàu cảm xúc, mang đậm chất lãng mạn và những nét suy tư sâu sắc về tình yêu. Trần Đức Phổ đã dùng hình tượng “bùa yêu” để khéo léo thể hiện nỗi niềm yêu thương tha thiết của trái tim si tình, khiến bài thơ trở thành một bản tình ca đầy mê hoặc. ♦Áo Tiểu Thư

Những tà áo lụa hồng, xanh, trắng...
Phất phới mong manh thắm đượm tình
Em tuổi dậy thì, em tuổi mộng
Trăm màu như một thảy đều xinh

Cũng bởi em thêu hoa lên áo
Cho nên ong bướm đắm say hương

Cũng bởi chít căng gò bồng đảo
Để trái mơ tình nặng nhớ thương

Dù áo nữ sinh hay áo hội
Mặc vào em vẫn cứ như tiên
Lòng anh từ thuở nào mong đợi
Vương áo tiểu thư chút dịu huyền?

Anh sẽ không làm chàng Huy Cận
"Đứng ngẩn trông vời" ... để khổ nhau.
Cho dẫu cuộc đời ngang trái lắm
Cũng viết thơ tình đem gởi trao.
15/10/2021

Lời bình:
Bài thơ Áo Tiểu Thư là một bản hòa ca lãng mạn, nhẹ nhàng và đầy tinh tế về vẻ đẹp của thiếu nữ tuổi dậy thì. Tác giả đã sử dụng hình ảnh chiếc áo – một biểu tượng quen thuộc nhưng đầy gợi cảm – để khắc họa nét duyên dáng, e ấp và tràn đầy sức sống của tuổi trẻ. Qua đó, bài thơ còn bày tỏ tình cảm chân thành, say mê của người nam đối với vẻ đẹp lý tưởng ấy.

1. Nét đẹp tuổi dậy thì qua hình ảnh tà áo

Mở đầu bài thơ, tác giả khắc họa vẻ đẹp của tà áo lụa:
Những tà áo lụa hồng, xanh, trắng...
Phất phới mong manh thắm đượm tình
Hình ảnh những tà áo "hồng, xanh, trắng" mang đến cảm giác tươi mới, trong trẻo của tuổi dậy thì. Những màu sắc dịu nhẹ tượng trưng cho sự thanh xuân và tràn đầy sức sống, vừa mơ màng vừa thực tế. Từ "phất phới mong manh" gợi lên sự mềm mại, uyển chuyển trong dáng điệu, đồng thời cho thấy vẻ đẹp đầy sức hút và e thẹn của người thiếu nữ.
Em tuổi dậy thì, em tuổi mộng

Trăm màu như một thảy đều xinh.

Tác giả nhấn mạnh vào tuổi “dậy thì” – độ tuổi mà mỗi thiếu nữ đều rực rỡ, căng tràn nhựa sống. Dù có khoác lên mình “trăm màu” áo, tất cả đều tỏa sáng nhờ vẻ đẹp nội tại của người con gái.

2. Sức hấp dẫn của chiếc áo và người mặc

Tà áo không chỉ là vật che thân mà còn là biểu tượng cho sự quyến rũ của thiếu nữ:

Cũng bởi em thêu hoa lên áo
Cho nên ong bướm đắm say hương.

Chiếc áo lụa được "thêu hoa" là một hình ảnh ẩn dụ cho nét duyên dáng và tinh tế của người con gái. Vẻ đẹp ấy tự nhiên cuốn hút “ong bướm,” tức những ánh mắt ngưỡng mộ của người xung quanh. "Đắm say hương" chính là sự tôn thờ vẻ đẹp và phong thái dịu dàng của tuổi mộng.

Cũng bởi chít căng gò bồng đảo
Để trái mơ tình nặng nhớ thương.

Hình ảnh "gò bồng đảo" được miêu tả đầy tinh tế và ý nhị, thể hiện vẻ đẹp nữ tính. Những nét xuân thì không chỉ làm say lòng người đối diện mà còn gieo vào lòng họ những rung động sâu sắc, những cảm xúc "nặng nhớ thương."

3. Tình yêu và sự lý tưởng hóa vẻ đẹp thiếu nữ

Không dừng lại ở việc tán tụng vẻ đẹp hình thức, bài thơ còn biểu lộ tình cảm chân thành, say mê của tác giả:

Dù áo nữ sinh hay áo hội
Mặc vào em vẫn cứ như tiên.

Dù trong hoàn cảnh nào, người thiếu nữ vẫn đẹp như một nàng tiên trong mắt người yêu. Tình yêu ấy không chỉ dừng lại ở vẻ bề ngoài mà còn là sự ngưỡng mộ tinh thần, nét thanh cao của người con gái.

Lòng anh từ thuở nào mong đợi
Vương áo tiểu thư chút dịu huyền?

Tác giả đã lý tưởng hóa hình ảnh "áo tiểu thư" thành biểu tượng cho sự dịu dàng và đầy mê hoặc. Tình yêu không chỉ là niềm mong đợi mà còn là một sự khao khát cháy bỏng, đầy thi vị.

4. Cách thể hiện tình yêu mạnh mẽ, quyết liệt

Đoạn kết của bài thơ khẳng định tình cảm mãnh liệt và sự quyết tâm trong tình yêu của tác giả:

Anh sẽ không làm chàng Huy Cận
"Đứng ngẩn trông vời" ... để khổ nhau.

Tác giả nhắc đến hình ảnh chàng trai si tình trong thơ Huy Cận – một người lặng lẽ yêu đơn phương, chịu đau khổ. Đây là lời tuyên bố mạnh mẽ rằng tình yêu của tác giả sẽ không chỉ là những cảm xúc thầm lặng.

Cho dẫu cuộc đời ngang trái lắm
Cũng viết thơ tình đem gởi trao.

Câu thơ khép lại bằng một lời hứa hẹn chân thành: dù cuộc sống có đầy trắc trở, tình yêu vẫn sẽ được thể hiện qua những vần thơ. Tình yêu ấy không cam chịu hay bất lực, mà là một sự kiên cường, mãnh liệt, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn.

5. Nghệ thuật trong bài thơ

Hình ảnh biểu tượng: Hình ảnh "tà áo" xuyên suốt bài thơ vừa cụ thể, vừa mang tính biểu tượng, là cầu nối giữa vẻ đẹp hình thức và vẻ đẹp tâm hồn.

Ngôn từ nhẹ nhàng, tinh tế: Tác giả sử dụng nhiều từ ngữ mềm mại, uyển chuyển để gợi tả vẻ đẹp thiếu nữ, đồng thời giữ được sự ý nhị khi nhắc đến các đặc điểm nhạy cảm.

Giọng điệu lãng mạn, trong trẻo: Bài thơ được viết bằng lối lục bát, nhịp nhàng, tạo nên một không gian lãng mạn đầy mộng mơ.

Kết luận

Bài thơ Áo Tiểu Thư không chỉ là lời ngợi ca vẻ đẹp của tuổi trẻ mà còn là tiếng lòng của một trái tim yêu say đắm. Tác giả đã dùng hình ảnh chiếc áo để khắc họa nét duyên dáng của người thiếu nữ, từ đó thể

hiện tình yêu nồng nàn, chân thành và mãnh liệt. Đây là một bài thơ mang đậm chất trữ tình, đưa người đọc vào thế giới của những rung cảm đầu đời đầy thơ mộng. ♦

NỤ CƯỜI

Nếu ai bảo nụ cười em lơi lả
Đừng giận hờn, đừng oán trách nghe em
Anh là kẻ vốn say tình rất lạ
Với những nàng ma nữ chẳng hồn nhiên

Nếu ai bảo nụ cười em khêu gợi
Đừng dỗi hờn những kẻ thiếu tự tin
Nếu ngày xưa môi hồng nàng Bao Tự
Không gợi tình Chu đế có đảo điên?

Nếu ai bảo nụ cười em phóng đãng
Cũng đừng buồn, đừng giận dữ làm chi
Ai dám bảo Tử Nha hay Đát Kỷ
Phá Trụ vương đế nghiệp chẳng còn gì?

Những nụ cười của mỹ nhân thiên hạ
Dù thiện lành hay chất chứa gươm đao
Cũng đủ khiến lắm anh hùng ngã ngựa
Nét môi son rất đáng để tự hào!
19/09/2022

Lời bình:
Bài thơ Nụ Cười là một lời ngợi ca độc đáo dành cho vẻ đẹp và sức mạnh tiềm ẩn của nụ cười nơi người phụ nữ. Tác giả sử dụng ngôn từ giàu chất suy tưởng và những hình ảnh lịch sử để khắc họa sức quyến rũ đặc biệt của nụ cười, vừa lôi cuốn vừa có thể mang đến những biến

động bất ngờ trong cuộc đời. Qua đó, bài thơ không chỉ là một lời ca ngợi mà còn chứa đựng sự thấu hiểu và tôn trọng dành cho người phụ nữ.

1. Nụ cười và sự hiểu lầm của thế gian

Ngay từ khổ thơ đầu, tác giả đã mở ra một tình huống trớ trêu:

Nếu ai bảo nụ cười em lơi lả
Đừng giận hờn, đừng oán trách nghe em.

Tác giả nhận ra rằng vẻ đẹp của nụ cười đôi khi bị thế gian hiểu lầm, thậm chí gán ghép với sự "lơi lả" hay "khêu gợi." Tuy nhiên, tác giả không dừng lại ở sự trách cứ mà khuyên người phụ nữ nên hiểu rằng đó chỉ là cách nhìn của những người không đủ tinh tế. Thay vì giận hờn, hãy tự hào vì nụ cười ấy vốn mang trong mình một sức hút khó cưỡng.

2. Sự quyến rũ vượt thời gian của nụ cười

Tác giả dẫn dắt người đọc về những câu chuyện lịch sử và huyền thoại, nơi nụ cười của những người phụ nữ quyền lực đã để lại dấu ấn mạnh mẽ:

Nếu ngày xưa môi hồng nàng Bao Tự
Không gợi tình Chu đế có đảo điên?

Nàng Bao Tự, nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa với vẻ đẹp khuynh thành, được nhắc đến như một ví dụ điển hình. Nụ cười của nàng không chỉ quyến rũ mà còn khiến Chu U Vương điên đảo, dẫn đến những biến động trong vương triều.

Ai dám bảo Tử Nha hay Đát Kỷ
Phá Trụ vương đế nghiệp chẳng còn gì?

Câu chuyện về Đát Kỷ và Trụ Vương được nhắc đến để minh chứng rằng, dù thiện hay ác, sức quyến rũ của nụ cười và nhan sắc vẫn có thể thay đổi cả lịch sử.

3. Sức mạnh đầy nghịch lý của nụ cười

Bài thơ đi sâu vào sức mạnh tiềm ẩn của nụ cười, vốn được xem là biểu tượng của sự dịu dàng và quyến rũ:

Những nụ cười của mỹ nhân thiên hạ

Dù thiện lành hay chất chứa gươm đao.

Tác giả khẳng định rằng nụ cười, dù mang trong mình thiện ý hay ẩn chứa sự nguy hiểm, đều là một thứ quyền lực vô hình. Sức hút từ nụ cười của người phụ nữ không chỉ đơn thuần là vẻ đẹp, mà còn có thể khuấy động lòng người, làm rung chuyển cả những bậc anh hùng:

Cũng đủ khiến lắm anh hùng ngã ngựa
Nét môi son rất đáng để tự hào!

Câu thơ khép lại không chỉ tôn vinh mà còn khích lệ người phụ nữ hãy tự hào về nụ cười của mình. Đó là một vẻ đẹp thiên phú, đáng trân trọng và tự hào, dù nó có thể bị hiểu lầm hay khiến người khác phải e dè.

4. Nghệ thuật trong bài thơ

Ngôn ngữ giàu hình ảnh: Tác giả sử dụng những hình tượng lịch sử như Bao Tự, Đát Kỷ, Tử Nha, Trụ Vương để minh chứng cho sức mạnh của nụ cười. Những hình ảnh này không chỉ làm bài thơ thêm sinh động mà còn gợi lên sự liên tưởng phong phú.

Sử dụng phép đối lập: Tác giả khéo léo nhấn mạnh sự tương phản giữa thiện và ác, giữa sự hiểu lầm của người đời và giá trị thực sự của nụ cười.

Giọng điệu vừa tinh tế, vừa tự hào: Tác giả không chỉ bảo vệ người phụ nữ khỏi những định kiến mà còn khuyến khích họ trân trọng vẻ đẹp tự nhiên của chính mình.

Kết luận

Bài thơ Nụ Cười không chỉ là một lời ngợi ca vẻ đẹp bên ngoài mà còn khắc họa sâu sắc sức mạnh tiềm ẩn của nụ cười – thứ vũ khí mềm mại nhưng đầy quyền năng. Tác giả vừa đồng cảm với những hiểu lầm mà phụ nữ có thể gặp phải, vừa tôn vinh sự quyến rũ và giá trị của vẻ đẹp ấy. Đây là một bài thơ nhẹ nhàng mà sâu sắc, mang thông điệp trân trọng và tôn vinh người phụ nữ trong mọi khía cạnh. ♦

THƠ SAY

Đêm này em rót cho ta uống
Rượu cũng trong veo tựa mắt người
Từng giọt thơm lừng men cháy bỏng
Dâng từ tay ngọc tuổi đôi mươi

Ta uống cho quên hận tháng ngày
Làm thằng mất nước lạc trời Tây
Kiếm cung xếp xó chờ hoen rỉ
Bám víu cuộc đời sống lất lay!

Ta uống để tin giấc mộng lành
Dẫu đời còn lắm chuyện hôi tanh
Chén cơm manh áo làm day dứt
Mà nghĩa quê hương bỏ chẳng đành!

Ta uống men nồng như uống em
Càng say càng muốn uống nhiều thêm
Cho ta say nốt đời ta nhé
Để chẳng bao giờ ta thiếu em!

Hãy rót đi em chớ ngại ngùng
Thế gian vạn sự thảy đều chung
Ta còn say khướt còn mơ mộng
Còn biết là em đẹp não nùng

Đêm này em rót cho ta uống
Những chén ân tình, chén khổ đau
Nếu lỡ rồi đây ta cách biệt
Men nồng ngây ngất vạn ngày sau!
May 29, 2017

Lời bình:

Bài thơ Thơ Say là một tác phẩm tràn đầy cảm xúc, thể hiện tâm trạng buồn bã, day dứt của một người đang lưu lạc xa quê hương. Hình ảnh rượu và men say trở thành biểu tượng xuyên suốt, vừa diễn tả nỗi khắc khoải, vừa là phương tiện để nhân vật trữ tình tìm kiếm sự quên lãng và an ủi. Tình yêu, quê hương và những khổ đau cuộc đời hòa quyện trong từng câu thơ, tạo nên một bản hòa ca vừa bi thương, vừa mãnh liệt.

1. Mở đầu: Rượu và vẻ đẹp người rót rượu

Bài thơ bắt đầu bằng hình ảnh đầy quyến rũ của rượu và người thiếu nữ rót rượu:

Đêm này em rót cho ta uống
Rượu cũng trong veo tựa mắt người

Tác giả vẽ lên khung cảnh huyền ảo, nơi rượu không chỉ là thức uống mà còn mang vẻ đẹp tinh khiết, trong trẻo tựa đôi mắt người thiếu nữ. Đây là cách chuyển từ vật chất sang cảm xúc, làm nổi bật sự gắn kết giữa rượu và người. Từ "tựa mắt người" gợi lên sự say mê và tình cảm sâu đậm mà nhân vật trữ tình dành cho cô gái.

Từng giọt thơm lừng men cháy bỏng
Dâng từ tay ngọc tuổi đôi mươi

Hình ảnh "men cháy bỏng" không chỉ nói về sức mạnh của rượu mà còn ám chỉ đến sức hút mãnh liệt của người thiếu nữ. "Tay ngọc tuổi đôi mươi" khẳng định vẻ đẹp thanh xuân, tràn đầy sức sống của cô gái, làm tăng thêm sức quyến rũ cho chén rượu và không gian say đắm này.

2. Nỗi đau và sự lạc lõng nơi đất khách

Từ men say, nhân vật trữ tình chuyển sang bộc lộ những nỗi niềm đau khổ:

Ta uống cho quên hận tháng ngày
Làm thằng mất nước lạc trời Tây

Nỗi đau của một người con xa quê được thể hiện trực tiếp. "Thằng mất nước" không chỉ là sự tự trách mà còn là nỗi uất nghẹn trước hoàn cảnh éo le. Việc "lạc trời Tây" gợi lên cảm giác lưu vong, cô đơn, sống trong một thế giới xa lạ không mang lại cảm giác thuộc về.

Kiếm cung xếp xó chờ hoen rỉ

Bám víu cuộc đời sống lất lay!

Hình ảnh "kiếm cung xếp xó" biểu tượng cho sự bất lực, bất mãn khi lý tưởng, khát vọng không thể thực hiện. Nhân vật trữ tình giờ đây chỉ "bám víu cuộc đời" để sống qua ngày, trong trạng thái lạc lõng và đầy chán chường.

3. Hy vọng trong giấc mộng say

Dù chìm trong men rượu và nỗi buồn, tác giả vẫn nuôi dưỡng hy vọng:

Ta uống để tin giấc mộng lành
Dẫu đời còn lắm chuyện hôi tanh

Rượu không chỉ để quên đau khổ mà còn là cách để nhân vật trữ tình tìm lại niềm tin, dù chỉ là trong giấc mơ. Tác giả thẳng thắn nhìn nhận "đời còn lắm chuyện hôi tanh," nhưng vẫn không từ bỏ mong muốn tìm thấy điều tốt đẹp.

Chén cơm manh áo làm day dứt
Mà nghĩa quê hương bỏ chẳng đành!

Câu thơ thể hiện sự giằng xé giữa những nhu cầu vật chất và tình yêu quê hương sâu nặng. Nhân vật trữ tình sống xa quê nhưng không thể dứt bỏ tình cảm dành cho nơi chôn rau cắt rốn, dù hoàn cảnh đầy khắc nghiệt.

4. Tình yêu và sự gắn kết qua men rượu

Hình ảnh người thiếu nữ tiếp tục xuất hiện như một nguồn an ủi và sức mạnh tinh thần:

Ta uống men nồng như uống em

Càng say càng muốn uống nhiều thêm

Tác giả tạo ra sự hòa quyện giữa rượu và người. Nét đẹp của người thiếu nữ không chỉ là sự hiện hữu bên ngoài mà còn là cảm giác mê đắm, khiến nhân vật trữ tình càng uống càng say, càng muốn gắn bó mãi mãi.

Cho ta say nốt đời ta nhé
Để chẳng bao giờ ta thiếu em!

Sự say ở đây không chỉ là say rượu mà còn là say tình, say cuộc sống. Nhân vật trữ tình khao khát được giữ mãi cảm giác này, nơi tình yêu và sự an ủi làm dịu đi nỗi đau cuộc đời.

5. Kết thúc: Nỗi buồn chia xa và sự lưu luyến

Bài thơ khép lại bằng một nỗi lo sợ chia xa nhưng đồng thời cũng là lời nhắc nhở về giá trị của hiện tại:

Đêm này em rót cho ta uống
Những chén ân tình, chén khổ đau

"Chén ân tình" và "chén khổ đau" đại diện cho cả niềm vui và nỗi buồn trong cuộc đời. Nhân vật trữ tình chấp nhận cả hai, coi đó là một phần tất yếu của kiếp nhân sinh.

Nếu lỡ rồi đây ta cách biệt
Men nồng ngây ngất vạn ngày sau!

Hình ảnh "men nồng ngây ngất" trở thành ký ức đẹp, thứ sẽ mãi lưu giữ trong lòng dù có thể người yêu và hoàn cảnh hiện tại chỉ là nhất thời. Đây là lời nhắn nhủ về sự trân trọng những khoảnh khắc đẹp đẽ trong hiện tại.

6. Nghệ thuật trong bài thơ

Ngôn ngữ giàu hình ảnh: Những hình ảnh "rượu," "tay ngọc," "kiếm cung xếp xó" được sử dụng để diễn tả tinh tế cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

Sự đối lập: Tác giả sử dụng sự tương phản giữa niềm vui và nỗi buồn, men say và thực tại đau khổ, tình yêu và nỗi cô đơn để làm nổi bật chiều sâu cảm xúc.

Giọng điệu trữ tình: Bài thơ mang giọng điệu vừa say đắm vừa u sầu, tạo nên sự đồng cảm mạnh mẽ với người đọc.

Kết luận

Thơ Say là một tác phẩm đậm chất trữ tình, kết hợp giữa nỗi buồn của kiếp lưu lạc và sự mê đắm trong tình yêu. Tác giả đã khéo léo sử dụng hình ảnh rượu để diễn tả những cảm xúc phức tạp, từ nỗi đau, sự mất

mát đến niềm hy vọng và tình yêu. Bài thơ không chỉ là lời tự sự của một trái tim đau khổ mà còn là sự khích lệ hãy sống trọn vẹn từng khoảnh khắc, dù cuộc đời có nhiều đắng cay. ♦

THÀ LÀM HÒA THƯỢNG CHẲNG LÀM VUA

Thà làm hòa thượng chẳng làm vua
Khắp cả non sông mọc lắm chùa
Phật tử say nhang như điếu đổ
Thà làm hòa thượng chẳng làm vua

Nguyện đổi ngai vàng lấy kệ kinh
Khi dàn tín nữ lắm người xinh
A Phòng chửa dễ gì đem sánh
Nguyện đổi ngai vàng lấy kệ kinh

Cũng cờ cũng lọng lúc chu du
Cũng kẻ đón đưa, kẻ đứng hầu
Khoác áo hoàng sa, cầm kim trượng
Cũng cờ cũng lọng lúc chu du

Kẻ quỳ người lạy đến dâng hương
Tiền bạc dôi dư khách cúng dường
Miệng niệm nam mô không là có
Kẻ quỳ người lạy đến dâng hương

Phật tự nguy nga mấy quả đồi
Chạm vàng khảm ngọc đẹp mê tơi
Hành cung Hán đế e còn kém
Phật tự nguy nga mấy quả đồi

Thà làm hòa thượng chẳng làm vua

Non nước tang thương mặc kẻ lo
Giữ sạch bụi trần trong bến giác
Thà làm hòa thượng chẳng làm vua.
31.1.2024

Lời bình:
Bài thơ Thà Làm Hòa Thượng Chẳng Làm Vua là một tác phẩm giàu tính châm biếm, phản ánh sâu sắc những mâu thuẫn xã hội, đặc biệt là sự tha hóa của tôn giáo và quyền lực. Với giọng điệu trào phúng nhưng thâm thúy, Tú Điếc đã đặt ra một vấn đề quan trọng: giữa đạo và đời, giữa quyền lực thế tục và sự giải thoát tâm linh, đâu là lựa chọn thực sự cao quý?

1. Lựa chọn nghịch lý: Làm hòa thượng thay vì làm vua
Mở đầu bài thơ, tác giả tuyên bố một lựa chọn đầy bất ngờ:
Thà làm hòa thượng chẳng làm vua
Khắp cả non sông mọc lắm chùa.
Câu thơ sử dụng hình ảnh đối lập giữa "hòa thượng" và "vua" – một bên tượng trưng cho sự giải thoát, thanh tịnh; một bên đại diện cho quyền lực thế tục. Tuy nhiên, ý tứ trong câu thơ không đơn thuần là sự tôn vinh đời sống tu hành, mà ẩn chứa sự châm biếm sâu cay. Tác giả vẽ nên viễn cảnh "khắp cả non sông mọc lắm chùa," gợi lên một xã hội nơi chùa chiền mọc lên tràn lan, không còn giữ được giá trị thiêng liêng mà thay vào đó là sự thương mại hóa và bề thế vật chất.

2. Đổi ngai vàng lấy kệ kinh: Tham vọng ẩn sau chiếc áo tu hành
Nguyện đổi ngai vàng lấy kệ kinh
Khi dàn tín nữ lắm người xinh.
Lời "nguyện đổi" nghe như lời phát nguyện từ bỏ thế tục để theo đuổi con đường tu hành, nhưng thực chất lại đầy tính mỉa mai. Tác giả nhấn mạnh đến "dàn tín nữ lắm người xinh," ám chỉ sự phàm tục ẩn sau vẻ ngoài tu hành thanh tịnh. Ở đây, tôn giáo không còn là nơi giải thoát

tâm linh mà trở thành một môi trường thuận lợi cho những tham vọng thế gian.

A Phòng chửa dễ gì đem sánh
Nguyện đổi ngai vàng lấy kệ kinh.

Hình ảnh "A Phòng" – biểu tượng của cung điện xa hoa bậc nhất trong lịch sử Trung Hoa – được đưa vào để so sánh với cảnh giàu sang mà những người đội lốt tu hành có thể đạt được. "Kệ kinh" ở đây không còn là biểu tượng của trí tuệ và giải thoát mà là phương tiện để đạt đến danh vọng và quyền lực.

3. Những nghi lễ phô trương: Sự hòa lẫn giữa đạo và đời

Cũng cờ cũng lọng lúc chu du
Cũng kẻ đón đưa, kẻ đứng hầu.

Những hình ảnh "cờ," "lọng," "kẻ đón đưa" vốn thuộc về vua chúa nay lại xuất hiện trong đời sống tôn giáo. Tác giả chỉ ra sự hòa lẫn giữa nghi lễ phô trương của hoàng gia và tôn giáo. Khoác lên mình áo cà sa, nhưng những người này lại sống trong sự xa hoa chẳng khác gì vua chúa.

Kẻ quỳ người lạy đến dâng hương
Tiền bạc dôi dư khách cúng dường.

Sự sùng bái mù quáng của tín đồ được mô tả thông qua hành động "quỳ lạy" và "cúng dường." Tôn giáo, thay vì là nơi giúp con người tìm đến sự thanh thản và giải thoát, giờ đây lại trở thành phương tiện để tích lũy tiền bạc và quyền lực. Điều này phản ánh một thực trạng đáng buồn trong xã hội, nơi giá trị tinh thần bị lu mờ bởi những mục đích vật chất.

4. Chùa chiền nguy nga: Sự đối lập giữa hình thức và nội dung

Phật tự nguy nga mấy quả đồi
Chạm vàng khảm ngọc đẹp mê tơi.

Tác giả tiếp tục phê phán sự xa hoa, lộng lẫy của các ngôi chùa được xây dựng trên những quả đồi, với hình thức "chạm vàng khảm ngọc." Sự nguy nga này không những không phù hợp với tinh thần khiêm

nhường của Phật giáo mà còn phản ánh sự lệch lạc trong việc thực hành tôn giáo.

Hành cung Hán đế e còn kém
Phật tự nguy nga mấy quả đồi.

Hình ảnh so sánh với Hán đế – một trong những biểu tượng của quyền lực tối thượng – càng nhấn mạnh sự nghịch lý. Tôn giáo, vốn dĩ là con đường dẫn đến sự giản dị và giải thoát, giờ đây trở thành nơi phô trương quyền lực và giàu sang.

5. Kết thúc: Sự thoái thác trách nhiệm và lời châm biếm sắc sảo

Non nước tang thương mặc kẻ lo
Giũ sạch bụi trần trong bến giác.

Tác giả kết thúc bài thơ bằng một lời "tự biện minh" đầy mỉa mai. "Non nước tang thương mặc kẻ lo" phản ánh sự thoái thác trách nhiệm đối với những vấn đề xã hội. Đây là cách để phê phán những người đội lốt tôn giáo nhưng thực chất lại ích kỷ, chỉ lo hưởng thụ và vinh hoa cá nhân.

Nghệ thuật trong bài thơ

Giọng điệu châm biếm: Toàn bài thơ là lời tự sự nhưng ngầm chứa giọng điệu trào phúng, khiến người đọc nhận ra sự mỉa mai trong từng câu chữ.

Hình ảnh đối lập: Sự đối lập giữa vua và hòa thượng, giữa chùa chiền nguy nga và tinh thần giản dị của tôn giáo, làm nổi bật những mâu thuẫn trong nội dung bài thơ.

Sử dụng biểu tượng: Các hình ảnh như "cờ lọng," "chùa nguy nga," hay "kệ kinh" không chỉ mang ý nghĩa biểu trưng mà còn góp phần phê phán sâu sắc thực trạng xã hội.

Kết luận

Thà Làm Hòa Thượng Chẳng Làm Vua của Tú Điếc không chỉ là một bài thơ trào phúng mà còn là một tiếng chuông cảnh tỉnh về sự tha hóa của tôn giáo và quyền lực trong xã hội. Tác phẩm là một bức tranh vừa

hài hước, vừa cay đắng về những nghịch lý của con người, đặc biệt là những người nhân danh tôn giáo để đạt được tham vọng cá nhân. Bài thơ không chỉ phản ánh hiện thực xã hội mà còn khơi gợi sự suy ngẫm về giá trị thực sự của đạo và đời. ♦

THÀ LÀM HÒA THƯỢNG CHẲNG LÀM VUA

Thà làm hòa thượng chẳng làm vua
Khắp cả non sông mọc lắm chùa
Phật tử say nhang như điếu đổ
Thà làm hòa thượng chẳng làm vua

Nguyện đổi ngai vàng lấy kệ kinh
Khi dàn tín nữ lắm người xinh
A Phòng chửa dễ gì đem sánh
Nguyện đổi ngai vàng lấy kệ kinh

Cũng cờ cũng lọng lúc chu du
Cũng kẻ đón đưa, kẻ đứng hầu
Khoác áo hoàng sa, cầm kim trượng
Cũng cờ cũng lọng lúc chu du

Kẻ quỳ người lạy đến dâng hương
Tiền bạc dôi dư khách cúng dường
Miệng niệm nam mô không là có
Kẻ quỳ người lạy đến dâng hương

Phật tự nguy nga mấy quả đồi
Chạm vàng khảm ngọc đẹp mê tơi
Hành cũng Hán đế e còn kém
Phật tự nguy nga mấy quả đồi

Thà làm hòa thượng chẳng làm vua
Non nước tang thương mặc kẻ lo
Giũ sạch bụi trần trong bến giác
Thà làm hòa thượng chẳng làm vua.
31.1.2024

Lời bình:
Bài thơ Thà Làm Hòa Thượng Chẳng Làm Vua là một tác phẩm giàu tính châm biếm, phản ánh sâu sắc những mâu thuẫn xã hội, đặc biệt là sự tha hóa của tôn giáo và quyền lực. Với giọng điệu trào phúng nhưng thâm thúy, Tú Điếc đã đặt ra một vấn đề quan trọng: giữa đạo và đời, giữa quyền lực thế tục và sự giải thoát tâm linh, đâu là lựa chọn thực sự cao quý?

1. Lựa chọn nghịch lý: Làm hòa thượng thay vì làm vua
Mở đầu bài thơ, tác giả tuyên bố một lựa chọn đầy bất ngờ:
Thà làm hòa thượng chẳng làm vua
Khắp cả non sông mọc lắm chùa.
Câu thơ sử dụng hình ảnh đối lập giữa "hòa thượng" và "vua" – một bên tượng trưng cho sự giải thoát, thanh tịnh; một bên đại diện cho quyền lực thế tục. Tuy nhiên, ý tứ trong câu thơ không đơn thuần là sự tôn vinh đời sống tu hành, mà ẩn chứa sự châm biếm sâu cay. Tác giả vẽ nên viễn cảnh "khắp cả non sông mọc lắm chùa," gợi lên một xã hội nơi chùa chiền mọc lên tràn lan, không còn giữ được giá trị thiêng liêng mà thay vào đó là sự thương mại hóa và bề thế vật chất.

2. Đổi ngai vàng lấy kệ kinh: Tham vọng ẩn sau chiếc áo tu hành
Nguyện đổi ngai vàng lấy kệ kinh
Khi dàn tín nữ lắm người xinh.
Lời "nguyện đổi" nghe như lời phát nguyện từ bỏ thế tục để theo đuổi con đường tu hành, nhưng thực chất lại đầy tính mỉa mai. Tác giả nhấn mạnh đến "dàn tín nữ lắm người xinh," ám chỉ sự phàm tục ẩn sau vẻ ngoài tu hành thanh tịnh. Ở đây, tôn giáo không còn là nơi giải thoát

tâm linh mà trở thành một môi trường thuận lợi cho những tham vọng thế gian.

A Phòng chửa dễ gì đem sánh
Nguyện đổi ngai vàng lấy kệ kinh.

Hình ảnh "A Phòng" – biểu tượng của cung điện xa hoa bậc nhất trong lịch sử Trung Hoa – được đưa vào để so sánh với cảnh giàu sang mà những người đội lốt tu hành có thể đạt được. "Kệ kinh" ở đây không còn là biểu tượng của trí tuệ và giải thoát mà là phương tiện để đạt đến danh vọng và quyền lực.

3. Những nghi lễ phô trương: Sự hòa lẫn giữa đạo và đời

Cũng cờ cũng lọng lúc chu du
Cũng kẻ đón đưa, kẻ đứng hầu.

Những hình ảnh "cờ," "lọng," "kẻ đón đưa" vốn thuộc về vua chúa nay lại xuất hiện trong đời sống tôn giáo. Tác giả chỉ ra sự hòa lẫn giữa nghi lễ phô trương của hoàng gia và tôn giáo. Khoác lên mình áo cà sa, nhưng những người này lại sống trong sự xa hoa chẳng khác gì vua chúa.

Kẻ quỳ người lạy đến dâng hương
Tiền bạc dôi dư khách cúng dường.

Sự sùng bái mù quáng của tín đồ được mô tả thông qua hành động "quỳ lạy" và "cúng dường." Tôn giáo, thay vì là nơi giúp con người tìm đến sự thanh thản và giải thoát, giờ đây lại trở thành phương tiện để tích lũy tiền bạc và quyền lực. Điều này phản ánh một thực trạng đáng buồn trong xã hội, nơi giá trị tinh thần bị lu mờ bởi những mục đích vật chất.

4. Chùa chiền nguy nga: Sự đối lập giữa hình thức và nội dung

Phật tự nguy nga mấy quả đồi
Chạm vàng khảm ngọc đẹp mê tơi.

Tác giả tiếp tục phê phán sự xa hoa, lộng lẫy của các ngôi chùa được xây dựng trên những quả đồi, với hình thức "chạm vàng khảm ngọc." Sự nguy nga này không những không phù hợp với tinh thần khiêm

nhường của Phật giáo mà còn phản ánh sự lệch lạc trong việc thực hành tôn giáo.

Hành cũng Hán đế e còn kém
Phật tự nguy nga mấy quả đồi.

Hình ảnh so sánh với Hán đế – một trong những biểu tượng của quyền lực tối thượng – càng nhấn mạnh sự nghịch lý. Tôn giáo, vốn dĩ là con đường dẫn đến sự giản dị và giải thoát, giờ đây trở thành nơi phô trương quyền lực và giàu sang.

5. Kết thúc: Sự thoái thác trách nhiệm và lời châm biếm sắc sảo

Non nước tang thương mặc kẻ lo
Giũ sạch bụi trần trong bến giác.

Tác giả kết thúc bài thơ bằng một lời "tự biện minh" đầy mỉa mai. "Non nước tang thương mặc kẻ lo" phản ánh sự thoái thác trách nhiệm đối với những vấn đề xã hội. Đây là cách để phê phán những người đội lốt tôn giáo nhưng thực chất lại ích kỷ, chỉ lo hưởng thụ và vinh hoa cá nhân.

Nghệ thuật trong bài thơ

- Giọng điệu châm biếm: Toàn bài thơ là lời tự sự nhưng ngầm chứa giọng điệu trào phúng, khiến người đọc nhận ra sự mỉa mai trong từng câu chữ.
- Hình ảnh đối lập: Sự đối lập giữa vua và hòa thượng, giữa chùa chiền nguy nga và tinh thần giản dị của tôn giáo, làm nổi bật những mâu thuẫn trong nội dung bài thơ.
- Sử dụng biểu tượng: Các hình ảnh như "cờ lọng," "chùa nguy nga," hay "kệ kinh" không chỉ mang ý nghĩa biểu trưng mà còn góp phần phê phán sâu sắc thực trạng xã hội.

Kết luận

Thà Làm Hòa Thượng Chẳng Làm Vua của Tú Điếc không chỉ là một bài thơ trào phúng mà còn là một tiếng chuông cảnh tỉnh về sự tha hóa của tôn giáo và quyền lực trong xã hội. Tác phẩm là một bức tranh vừa

hài hước, vừa cay đắng về những nghịch lý của con người, đặc biệt là những người nhân danh tôn giáo để đạt được tham vọng cá nhân. Bài thơ không chỉ phản ánh hiện thực xã hội mà còn khơi gợi sự suy ngẫm về giá trị thực sự của đạo và đời. ♦

ÁO TRẮNG HỌC TRÒ

Tôi muốn làm thơ để tụng ca
Màu áo trinh nguyên tuổi học trò
Như đã tụng ca điều thánh thiện
Quãng đời đẹp nhất phía sau ta.

Áo trắng của ai, áo trắng tôi
Áo chàng Huy Cận, áo mây trời
Áo người con gái cùng chung lớp
Áo trắng ngày xưa áo trắng nay

Ôi, những bông hoa nhỏ trắng tinh
Sớm chiều hai buổi cứ bồng bềnh
Trên đường rợp bóng cây râm mát
Hoặc dưới nắng vàng lối cỏ xanh

Có biết lòng ta cũng phất phơ
Bay theo tà áo gió đưa hờ
Lũ chim tinh nghịch tròn đôi mắt
Liếc những đường cong đẹp ngẩn ngơ

Áo trắng ngàn năm chẳng nhạt phai
Những nàng tiên nữ vẫn đâu đây
Mùa thu lá đổ, vàng hoa cúc
Là tiếng lòng tôi rộn gót hài!
7/4/2023

Lời bình:
Bài thơ "Áo Trắng Học Trò" của Trần Đức Phổ mang đến cho người đọc một cảm xúc bồi hồi, hoài niệm về tuổi học trò với hình ảnh chiếc áo trắng trinh nguyên. Đây không chỉ là một biểu tượng của sự trong sáng, thánh thiện, mà còn gợi nhắc về quãng đời đẹp nhất của mỗi người – thời học sinh.

Tác giả đã khéo léo sử dụng hình ảnh "áo trắng" để biểu đạt những cảm xúc sâu sắc. Áo trắng không chỉ là trang phục quen thuộc mà còn gắn liền với những ký ức thân thương, những rung động đầu đời. Từng câu thơ như một dòng cảm xúc mộc mạc, chân thành, nhưng lại dạt dào chất thơ, khiến người đọc không khỏi mơ màng nhớ về những ngày tháng còn ngồi trên ghế nhà trường.

Điểm nổi bật:

Chất thơ trong sáng, giàu hình ảnh:

Hình ảnh áo trắng được liên tưởng với "mây trời", "bông hoa nhỏ trắng tinh", tạo nên một không gian thanh thoát, nhẹ nhàng, đầy thi vị.

Cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp như "nắng vàng", "cỏ xanh", "bóng cây râm mát" làm nền cho những chiếc áo trắng bồng bềnh, tạo cảm giác bình yên, thơ mộng.

Cảm xúc chân thực, gần gũi:

Tác giả bày tỏ sự rung động khi nhìn thấy tà áo trắng, từ "lòng ta phất phơ" đến cảm giác "ngẩn ngơ" trước vẻ đẹp của những "đường cong". Đó là cảm xúc trong trẻo, tự nhiên của một tâm hồn trẻ trung, nhạy cảm.

Hình ảnh "lũ chim tinh nghịch" hay "tiếng lòng rộn gót hài" tô điểm thêm sự sinh động, tinh nghịch của tuổi học trò.

Tính hoài niệm:

Qua hình ảnh áo trắng, tác giả nhắc nhớ về thời gian trôi qua, khi mà "áo trắng ngày xưa áo trắng nay" vẫn vẹn nguyên vẻ đẹp. Điều này gợi lên ý niệm về sự trường tồn của ký ức và tuổi trẻ trong lòng mỗi người.

Tóm lại:
Bài thơ là một bản tình ca dành cho tuổi học trò – một thời kỳ tươi đẹp, hồn nhiên và đầy ắp kỷ niệm. Qua lời thơ dịu dàng, đậm chất trữ tình, Trần Đức Phổ đã khắc họa thành công vẻ đẹp của "áo trắng" – không chỉ là hình ảnh đơn thuần mà còn là biểu tượng của tuổi thanh xuân và những giá trị vĩnh cửu. Người đọc không khỏi rung động trước những vần thơ mộc mạc nhưng sâu sắc này. ♦

TÔI VỀ

Tôi về qua phố phường năm cũ
Nhộn nhịp người, xe, những tiếng còi…
Nắng đổ trên đầu như đổ lửa
Dòng người đông nghịt cuốn chân trôi

Tôi về qua con sông ngầu đục
Mặt nước đìu hiu thum thủm mùi
Đàn trẻ nhà ai đang bắt ốc
Lưng trần đen nhẻm cột nhà thui

Tôi về ngang cánh đồng năm ấy
Lúa chẳng còn xanh thuở dậy thì
Lối dọc đường ngang thành phố xá
Nông phu mất ruộng bỏ làng đi

Tôi về ngang cánh rừng dương biển
Chỉ còn trơ trụi gốc cây khô
Dăm con bò ốm đang lười biếng

Gặm đám cỏ già vẻ ngẩn ngơ

Tôi về thao thức theo con sóng
Ngọn gió Nồm nam khẽ thở dài
Trăng của quê nhà, trăng tuổi mộng
Vô tình lấp lánh giọt buồn ai.
12/2/2023

Lời bình:
Bài thơ "Tôi Về" của Trần Đức Phổ là một bản hòa ca buồn, gợi lên những cảm xúc tiếc nuối và xót xa khi người con xa quê trở lại. Qua những hình ảnh gần gũi mà trĩu nặng tâm tư, tác giả không chỉ tái hiện bức tranh quê hương thay đổi mà còn gửi gắm nỗi niềm trăn trở về sự phai nhạt của những giá trị xưa cũ.

1. Bối cảnh trở về - Phố phường thay đổi
Mở đầu bài thơ, tác giả miêu tả cảnh phố phường nhộn nhịp, ồn ào:
"Nhộn nhịp người, xe, những tiếng còi…
Nắng đổ trên đầu như đổ lửa
Dòng người đông nghịt cuốn chân trôi."

Khung cảnh thành phố đông đúc, náo nhiệt nhưng lại thiếu đi sự thân thuộc, gần gũi của ngày xưa. Tác giả, trong vai một người lữ khách trở về, cảm nhận rõ sự xa cách giữa mình và dòng chảy hiện tại. Nhịp sống hiện đại không làm dịu lòng, trái lại còn khiến người về thêm lạc lõng, như bị "cuốn chân trôi" theo dòng người vô định.

2. Quê hương trong ký ức và thực tại
Hình ảnh quê hương xưa gắn bó với con sông, cánh đồng, cánh rừng giờ đây mang sắc màu buồn bã, tiêu điều:

Con sông từng là nơi gắn bó với đời sống bao người dân quê giờ "ngầu đục", "thum thủm mùi". Đàn trẻ bắt ốc lưng trần gợi lên hình ảnh cuộc sống cơ cực, lam lũ, khác xa với vẻ bình yên ngày trước.

Cánh đồng "năm ấy" từng xanh mướt, tràn đầy sức sống giờ đã nhường chỗ cho đô thị hóa:

"Lúa chẳng còn xanh thuở dậy thì
Lối dọc đường ngang thành phố xá."

Quê hương thay đổi, không chỉ cảnh vật mà cả đời sống con người. Những người nông dân từng gắn bó với ruộng đồng giờ đây "mất ruộng, bỏ làng đi", mang theo cả những giá trị truyền thống lâu đời.

Cánh rừng dương ven biển, một hình ảnh biểu tượng của sự sống, giờ đây chỉ còn lại "gốc cây khô", "dăm con bò ốm" uể oải kiếm sống giữa đám cỏ già. Cảnh tượng ấy gợi lên sự suy tàn của thiên nhiên, của một thời hoàng kim đã xa.

3. Tâm tư người về - Nỗi buồn vọng cố hương

Đỉnh điểm cảm xúc bài thơ được dồn nén ở khổ cuối:

"*Tôi về thao thức theo con sóng*
Ngọn gió Nồm nam khẽ thở dài
Trăng của quê nhà, trăng tuổi mộng
Vô tình lấp lánh giọt buồn ai."

Tác giả tìm đến trăng, sóng, và gió như để an ủi tâm hồn mình. Nhưng ngay cả trăng, biểu tượng của ký ức và tuổi thơ, giờ cũng trở nên "vô tình", phản chiếu những giọt buồn thấm đẫm lòng người. "Gió Nồm nam" khẽ "thở dài" như chính sự nuối tiếc, bất lực của tác giả trước sự đổi thay không thể níu giữ.

4. Thông điệp và giá trị bài thơ

Bài thơ không chỉ là tiếng lòng của riêng tác giả mà còn là nỗi niềm chung của nhiều người khi chứng kiến quê hương mình bị tàn phá bởi thời gian, bởi sự phát triển thiếu bền vững. Tác giả đặt ra câu hỏi sâu sắc về mối quan hệ giữa con người và quê hương, giữa sự phát triển và bảo tồn giá trị truyền thống.

Nghệ thuật thơ

Ngôn từ giản dị mà sâu sắc: Hình ảnh quen thuộc như phố phường, con sông, cánh đồng, cánh rừng được khắc họa rõ nét, dễ đi vào lòng người.

Giọng thơ buồn man mác: Nhịp thơ chậm rãi, đều đặn, mang đến cảm giác tiếc nuối, trăn trở.

Biện pháp nhân hóa, ẩn dụ: Hình ảnh "trăng lấp lánh giọt buồn", "gió thở dài" làm tăng thêm tính biểu cảm và chiều sâu ý nghĩa.

Kết luận

"Tôi Về" là một bài thơ giàu cảm xúc, vừa là bức tranh hiện thực về sự thay đổi của quê hương, vừa là tiếng lòng đầy xót xa của người con trước sự tàn phai của những giá trị xưa cũ. Bài thơ nhắc nhở chúng ta về ý nghĩa của việc giữ gìn và trân trọng những giá trị truyền thống, đồng thời gợi lên một nỗi nhớ da diết về một miền quê đẹp trong ký ức. ♦

ĐÀN ÔNG NÓI XẠO

Những gã đàn ông lành như đất
Quanh năm cười nói rất thật thà
Trân trọng em dành riêng ánh mắt
Trắng như màu tuyết Canada

Em biết đàn ông chuyên nói xạo
Ngôn từ huyễn hoặc giống bùa mê
Em hiểu những gì anh nói láo
Dưng mà em vẫn cứ ưng nghe

Nếu có hôm nào anh nói thật
Hãy chờ em đương lúc say nồng
Để lỡ chẳng may em bật khóc
Trước chân tình một gã đàn ông

Chẳng phải em yêu người nói xạo,

Say anh như ong chúa say đường
Anh nhớ hãy siêng năng làm mật
Để suốt đời vẫn được em thương.
30.1.2024

Lời bình:
Bài thơ "Đàn Ông Nói Xạo" của Trần Đức Phổ là một sáng tác mang phong cách nhẹ nhàng, dí dỏm nhưng ẩn chứa nhiều tầng ý nghĩa về tình yêu, tâm lý con người, và sự tương tác trong mối quan hệ nam nữ. Dưới đây là phân tích chi tiết bài thơ:

1. Bố cục bài thơ
Bài thơ gồm 4 khổ, mỗi khổ 4 câu, sử dụng thể thơ mới bảy chữ. Mạch cảm xúc được triển khai từ nhận định chung về đàn ông, đến sự phức tạp trong tình cảm, và kết lại bằng lời nhắn nhủ đầy ẩn ý.

2. Nội dung và ý nghĩa
a. Hình ảnh đàn ông: chân thật nhưng biết "nói xạo"

"Những gã đàn ông lành như đất
Quanh năm cười nói rất thật thà"

Hai câu mở đầu gợi lên hình ảnh người đàn ông giản dị, hiền lành. Họ được ví như "lành như đất" – gần gũi, chất phác, chân thật. Nhưng sự đối lập được nhấn mạnh khi bài thơ tiếp tục nhắc đến sự "nói xạo" – một đặc điểm thú vị và hài hước, mang tính chất "chơi chữ" hơn là chỉ trích.

"Em biết đàn ông chuyên nói xạo
Ngôn từ huyễn hoặc giống bùa mê"

Ở đây, "nói xạo" không mang hàm ý tiêu cực, mà biểu đạt sự khéo léo, lãng mạn trong cách bày tỏ tình cảm. Những lời "nói xạo" ấy lại giống như "bùa mê," khiến người nghe, đặc biệt là phụ nữ, dễ mềm lòng.

b. Tâm lý nữ giới: hiểu nhưng vẫn "ưng nghe"

"Em hiểu những gì anh nói láo

Dưng mà em vẫn cứ ưng nghe"

Câu thơ thể hiện sự phức tạp trong tâm lý phụ nữ. Dù biết người đàn ông có thể không hoàn toàn chân thật, nhưng vẫn bị thu hút bởi sự ngọt ngào, khéo léo. Điều này cho thấy tình yêu không chỉ đến từ lý trí mà còn từ cảm xúc.

c. Lời thú nhận và mong muốn chân thành

"Nếu có hôm nào anh nói thật
Hãy chờ em đương lúc say nồng"

Người phụ nữ bày tỏ mong muốn được nghe sự chân thành, nhưng lại sợ phải đối mặt với cảm xúc mãnh liệt mà sự thật mang lại. "Say nồng" ở đây không chỉ là trạng thái say rượu mà còn là say tình, say cảm xúc.

"Để lỡ chẳng may em bật khóc
Trước chân tình một gã đàn ông"

Khổ thơ này mang đậm tính nhân văn, cho thấy rằng sự chân thành, dù đáng trân quý, vẫn dễ làm tổn thương.

d. Thông điệp cuối: tình yêu là sự vun đắp lâu dài

"Anh nhớ hãy siêng năng làm mật
Để suốt đời vẫn được em thương"

Hình ảnh "ong chúa" và "mật" tượng trưng cho sự lao động và vun đắp trong tình yêu. Tác giả nhắn nhủ rằng sự ngọt ngào cần đi kèm với hành động cụ thể, và chỉ có sự chăm chỉ, chân thành mới giữ được tình cảm lâu bền.

3. Nghệ thuật

Ngôn từ bình dị, gần gũi: Lời thơ như một cuộc trò chuyện nhẹ nhàng, dễ hiểu, tạo cảm giác thân mật.

Hình ảnh sáng tạo: Tác giả sử dụng những hình ảnh quen thuộc nhưng ẩn dụ sâu sắc như "bùa mê," "mật," "ong chúa."

Giọng điệu dí dỏm, sâu lắng: Sự pha trộn giữa hài hước và chân thành khiến bài thơ trở nên hấp dẫn, dễ đi vào lòng người.

4. Ý nghĩa tổng thể
Bài thơ là một góc nhìn tinh tế về tâm lý và tình yêu trong mối quan hệ nam nữ. "Nói xạo" không chỉ là sự giả dối, mà còn là cách biểu đạt tình cảm khéo léo. Tuy nhiên, tình yêu thực sự cần sự chân thành và nỗ lực vun đắp.

Bài thơ khơi gợi nụ cười nhưng đồng thời cũng để lại suy tư về giá trị của sự chân thật và những điều giản dị trong tình yêu. ♦

O MÈO

Dẫu sống kiếp sang giàu, hay khổ cực
Là thú cưng hay lam lũ phong trần
Mỗi nàng mèo đều lắm điều phiền phức
Đều khôn ngoan và đầy vẻ tinh ranh

Dẫu mèo trắng, mèo đen đều thích đẹp
Thích điệu đà, thích trau chuốt mỹ miều
Thích sạch sẽ, đoan trang và nề nếp
Lẽ dĩ nhiên cũng rất thích cưng chìu

Ngoài yểu điệu trong ẩn tàng mãnh hổ
Vẻ yêu kiều, móng vuốt sắc hơn dao
Những gã chuột nếu lỡ lầm, lớ ngớ
Đã sa chân vùng vẫy có được nào!

Cứ mặc kệ linh miêu hay tam thể
Giống mèo nào ta cũng quý, cũng yêu
Đã trót dại o mèo khi còn trẻ
Vẫn mãi o cho đến tuổi xế chiều!
Valentine's Day 2024

Lời bình:

Bài thơ "O Mèo" của Tú Điếc là một sáng tác độc đáo, vừa tả thực về hình ảnh loài mèo, vừa ẩn dụ sâu sắc về con người, đặc biệt là phụ nữ. Với lối diễn đạt duyên dáng, tác giả khéo léo đan xen giữa sự hài hước, trân trọng, và những cảm xúc chân thành. Dưới đây là phân tích chi tiết:

1. Bố cục bài thơ

Bài thơ gồm 4 khổ, mỗi khổ 4 câu, tạo nên sự cân đối về hình thức và mạch ý tứ. Từng khổ thơ không chỉ miêu tả những đặc điểm nổi bật của loài mèo, mà còn gợi mở những nét tính cách của con người thông qua hình ảnh ẩn dụ.

2. Nội dung và ý nghĩa

a. Hình ảnh loài mèo - biểu tượng của sự tinh tế và đa diện

"Dẫu sống kiếp sang giàu, hay khổ cực
Là thú cưng hay lam lũ phong trần
Mỗi nàng mèo đều lắm điều phiền phức
Đều khôn ngoan và đầy vẻ tinh ranh"

Hình ảnh mèo được miêu tả qua sự tương phản giữa hai thái cực: "sang giàu" và "khổ cực." Dù ở địa vị nào, mèo vẫn giữ cho mình sự kiêu hãnh, thông minh và không thiếu phần rắc rối. Từ "phiền phức" và "tinh ranh" nhấn mạnh tính cách phức tạp, vừa đáng yêu vừa khó nắm bắt của mèo – giống như tâm lý của một người phụ nữ.

b. Nét duyên dáng và tính cách đặc trưng

"Dẫu mèo trắng, mèo đen đều thích đẹp
Thích điệu đà, thích trau chuốt mỹ miều
Thích sạch sẽ, đoan trang và nề nếp
Lẽ dĩ nhiên cũng rất thích cưng chìu"

Tác giả khéo léo nhân cách hóa loài mèo với những tính cách điển hình của phụ nữ. Các từ "thích đẹp," "điệu đà," "trau chuốt mỹ miều" gợi lên hình ảnh người phụ nữ yêu cái đẹp, chăm chút bản thân. Đồng thời,

sự "sạch sẽ, đoan trang" lại là nét truyền thống, nề nếp trong văn hóa Á Đông.

Ở đây, "mèo" không chỉ là một loài vật, mà còn là biểu tượng của sự duyên dáng, khéo léo, và nhu cầu được yêu thương, chiều chuộng.

c. Sự mềm mỏng và sức mạnh tiềm ẩn

"Ngoài yểu điệu trong ẩn tàng mãnh hổ
Vẻ yêu kiều, móng vuốt sắc hơn dao
Những gã chuột nếu lỡ lầm, lớ ngớ
Đã sa chân vùng vẫy có được nào!"

Mèo được ví như sự kết hợp hoàn hảo giữa vẻ ngoài yêu kiều và sức mạnh tiềm ẩn. Hình ảnh "móng vuốt sắc hơn dao" tượng trưng cho sự tự vệ, khả năng bảo vệ bản thân và đối mặt với nguy hiểm. Điều này gợi liên tưởng đến những người phụ nữ: dù dịu dàng, họ vẫn có nội lực mạnh mẽ, sẵn sàng bảo vệ những giá trị của mình.

Chuột ở đây có thể là hình tượng của sự yếu đuối, dễ bị tổn thương, hoặc những kẻ "dại dột" dám thử thách sức mạnh của mèo.

d. Sự yêu quý và gắn bó trọn đời

"Cứ mặc kệ linh miêu hay tam thể
Giống mèo nào ta cũng quý, cũng yêu
Đã trót dại o mèo khi còn trẻ
Vẫn mãi o cho đến tuổi xế chiều!"

Khổ thơ kết là lời khẳng định tình cảm gắn bó với loài mèo. Tác giả thể hiện sự yêu quý không phân biệt "giống mèo," từ "linh miêu" đến "tam thể."

Cụm từ "trót dại o mèo khi còn trẻ" mang ý nghĩa ẩn dụ, ví von tình yêu dành cho mèo giống như tình cảm dành cho phụ nữ – một khi đã yêu, thì sẽ mãi yêu đến cuối đời.

3. Nghệ thuật

a. Nhân hóa và ẩn dụ

Tác giả sử dụng biện pháp nhân hóa để làm nổi bật tính cách loài mèo, đồng thời lồng ghép hình ảnh ẩn dụ, liên tưởng đến phụ nữ.

b. Ngôn từ gần gũi, hài hước

Ngôn ngữ bài thơ mộc mạc nhưng tinh tế, giàu cảm xúc. Các từ như "lắm điều phiền phức," "móng vuốt sắc hơn dao" tạo sự duyên dáng và hài hước, dễ dàng thu hút người đọc.

c. Hình ảnh phong phú
Bài thơ xây dựng hình ảnh mèo không chỉ ở vẻ bề ngoài mà còn qua tính cách, thói quen, và cả những đặc điểm đối lập (mềm mại nhưng mạnh mẽ, đáng yêu nhưng nguy hiểm).

4. Ý nghĩa tổng thể
Bài thơ không chỉ đơn thuần ca ngợi loài mèo mà còn gợi mở suy nghĩ về con người, đặc biệt là vẻ đẹp và sức mạnh tiềm ẩn của phụ nữ. Tình yêu dành cho mèo cũng là ẩn dụ cho tình cảm chân thành, bền bỉ với những gì ta yêu quý trong cuộc sống.

Bài thơ kết hợp hài hước và sâu sắc, khiến người đọc vừa mỉm cười vừa thấm thía ý nghĩa nhân sinh mà tác giả gửi gắm. ♦

MỘT BUỔI SÁNG CỦA TRẺ MỤC ĐỒNG

Một sớm mai mặt trời vừa ló dạng
Lũ mục đồng í ới rủ rê nhau
Từ những nẻo đường lũ lượt bò trâu
Theo bầy trẻ dập dìu ra đồng áng

Tiếng trâu rống, tiếng nghé kêu hỗn loạn
Bụi tung mù con đường đất thân quen
Một bầy chim dáo dát vụt bay lên

Tiếng chó sủa râm ran chào ngày mới

Thằng cu tí lưng trần không nón đội
Trên lưng trâu múa tít chiếc roi mây
Không ngừng hô ‘tá, dí’ giục cả bầy
Tung bốn vó phi nhanh như tuấn mã

Nép bên cửa những ngôi nhà mái rạ
Dăm bé con ngưỡng mộ ngó nhìn theo
Và trong lòng nao nức biết bao nhiêu
Mơ chóng lớn để làm thằng mục tử

Cánh đồng xanh bỗng rùng mình tỉnh ngủ
Đàn trâu bò hăm hở xoải đôi chân
Tìm những nơi cỏ tốt để mà ăn
Lũ mục đồng thi đua bày trận giả

Buổi sáng ngày hè đồng quê êm ả
Trôi rất mau như mây trắng trên đầu
Bóng xoe tròn dưới những gót chân trâu
Đàn mục súc no nê về ngõ xóm.
2.11.2023

Lời bình:
Bài thơ "Một Buổi Sáng Của Trẻ Mục Đồng" của Trần Đức Phổ là bức tranh sống động về cuộc sống thanh bình và giản dị nơi đồng quê Việt Nam. Tác giả đã khéo léo tái hiện hình ảnh trẻ mục đồng cùng đàn trâu bò giữa cảnh sắc tươi đẹp của buổi sáng làng quê, gợi lên những ký ức tuổi thơ trong trẻo và niềm khao khát tự do, hồn nhiên.

1. Bố cục bài thơ
Bài thơ gồm 6 khổ, mỗi khổ 4 câu, diễn tả tuần tự các hoạt động của trẻ mục đồng và cảnh sắc đồng quê từ lúc sáng sớm đến khi kết thúc

buổi chăn thả. Cấu trúc này không chỉ tạo sự mạch lạc mà còn dẫn dắt người đọc qua từng khoảnh khắc của cuộc sống làng quê.

2. Nội dung và ý nghĩa

a. Cảnh sắc buổi sáng ở đồng quê (Khổ 1-2)

"Một sớm mai mặt trời vừa ló dạng
Lũ mục đồng í ới rủ rê nhau
Từ những nẻo đường lũ lượt bò trâu
Theo bầy trẻ dập dìu ra đồng áng"

Khổ thơ mở đầu tái hiện hình ảnh buổi sáng làng quê khi mặt trời vừa lên. Những đứa trẻ mục đồng í ới gọi nhau, đàn trâu bò nối đuôi nhau trên con đường quen thuộc ra đồng.

Cảnh sắc này không chỉ miêu tả cuộc sống lao động thường nhật mà còn gợi lên sự tươi vui, nhộn nhịp của làng quê. Các từ láy "í ới," "lũ lượt," "dập dìu" không chỉ làm giàu thêm chất nhạc cho bài thơ mà còn tạo cảm giác sống động, vui tươi.

"Tiếng trâu rống, tiếng nghé kêu hỗn loạn
Bụi tung mù con đường đất thân quen
Một bầy chim dáo dát vụt bay lên
Tiếng chó sủa râm ran chào ngày mới"

Tác giả miêu tả âm thanh đa dạng và sống động: tiếng trâu, nghé, chim chóc, chó sủa. Sự hỗn loạn của âm thanh và hình ảnh bụi tung mù trên con đường làng tạo nên bức tranh chân thực và thân thuộc của buổi sáng nơi thôn dã.

b. Hình ảnh trẻ mục đồng hồn nhiên (Khổ 3-4)

"Thằng cu tí lưng trần không nón đội
Trên lưng trâu múa tít chiếc roi mây
Không ngừng hô 'tá, dí' giục cả bầy
Tung bốn vó phi nhanh như tuấn mã"

Khổ thơ thứ ba phác họa hình ảnh trẻ mục đồng đầy sức sống: lưng trần, roi mây trong tay, điều khiển bầy trâu phi nước đại. Các động từ

mạnh "múa tít," "hô," "phi nhanh" làm nổi bật sự hoạt bát, năng động của trẻ mục đồng.

"Nép bên cửa những ngôi nhà mái rạ
Dăm bé con ngưỡng mộ ngó nhìn theo
Và trong lòng nao nức biết bao nhiêu
Mơ chóng lớn để làm thằng mục tử"

Hình ảnh những đứa trẻ nhỏ đứng bên cửa ngưỡng mộ bọn trẻ mục đồng trên lưng trâu gợi lên niềm khao khát tự do, sự ngưỡng mộ hồn nhiên của tuổi thơ. Những ước mơ giản dị, gần gũi làm nổi bật giá trị đời sống bình dị mà giàu ý nghĩa.

c. Khung cảnh cánh đồng xanh (Khổ 5-6)

"Cánh đồng xanh bỗng rùng mình tỉnh ngủ
Đàn trâu bò hăm hở xoải đôi chân
Tìm những nơi cỏ tốt để mà ăn
Lũ mục đồng thi đua bày trận giả"

Cánh đồng xanh như nhân vật sống động, "rùng mình tỉnh ngủ" khi được đàn trâu bò đánh thức. Hình ảnh đàn trâu bò gặm cỏ, trẻ mục đồng vui đùa qua trò "bày trận giả" gợi lên khung cảnh thanh bình và niềm vui lao động nơi thôn quê.

"Buổi sáng ngày hè đồng quê êm ả
Trôi rất mau như mây trắng trên đầu
Bóng xoe tròn dưới những gót chân trâu
Đàn mục súc no nê về ngõ xóm."

Khổ thơ cuối miêu tả sự trôi qua nhanh chóng của buổi sáng ngày hè, như những đám mây trắng nhẹ nhàng lướt qua bầu trời. Hình ảnh "bóng xoe tròn dưới những gót chân trâu" là nét vẽ tinh tế, làm nổi bật sự dung dị, gần gũi của đời sống. Kết thúc bài thơ, đàn trâu bò "no nê về ngõ xóm," khép lại một buổi sáng yên bình và trọn vẹn.

3. Nghệ thuật

a. Ngôn ngữ giàu hình ảnh và âm thanh

Ngôn ngữ trong bài thơ giàu chất miêu tả, tái hiện chân thực cả hình ảnh lẫn âm thanh của làng quê.

Từ láy được sử dụng tài tình: "í ới," "lũ lượt," "dập dìu," "dáo dát," tạo nhịp điệu sinh động và gần gũi.

b. Nhân hóa và so sánh

Hình ảnh "cánh đồng xanh bỗng rùng mình tỉnh ngủ" là phép nhân hóa đặc sắc, làm cho cảnh vật thêm sống động.

So sánh "Tung bốn vó phi nhanh như tuấn mã" làm nổi bật vẻ đẹp khỏe khoắn, oai phong của đàn trâu dưới sự điều khiển của trẻ mục đồng.

c. Tình cảm chân thành

Giọng thơ nhẹ nhàng, trong trẻo, chất chứa tình cảm yêu mến và gắn bó sâu sắc với làng quê.

4. Ý nghĩa tổng thể

Bài thơ không chỉ là bức tranh đẹp đẽ về làng quê mà còn là lời ca ngợi sự hồn nhiên, tươi vui của tuổi thơ. Đồng thời, bài thơ khơi gợi trong lòng người đọc những ký ức đẹp về một thời tuổi thơ gắn bó với cánh đồng, đàn trâu, và những buổi sáng yên bình. Tác phẩm mang giá trị nhân văn sâu sắc, nhắc nhở con người về ý nghĩa của sự giản dị, hài hòa với thiên nhiên, và trân trọng những khoảnh khắc bình dị trong cuộc sống. ♦

LỜI THƠ XIN KHẮC VÀO TIM

Anh cũng muốn học đòi kẻ trước
Đem thơ mình in sách, tặng em
Khi tuổi già em ngồi mở đọc
Và mơ màng cái thuở dịu êm

Nhưng em ạ, trần gian cát bụi

Với tháng ngày vạn vật thành tro
Những thành quách chẳng hề trụ nỗi
Huống hồ chi là cuốn tình thơ

Thu nhớ anh em ngồi bên cửa
Ngắm lá rơi như những ngôn tình
Đông lạnh lẽo em nhìn ngọn lửa
Là ý thơ rực rỡ lung linh

Mùa xuân đến hoa thơm, cỏ biếc
Tiếng thơ anh theo gió bay về
Đêm tháng hạ dế mèn rả rích
Là anh ngâm thi khúc em nghe

Thơ của anh chẳng in thành sách
Hòa vào trăng, vào gió, mây trời
Nếu có thể anh xin được khắc
Vào tim em hai chữ: “Yêu Người!”
14/9/2023

Lời bình:

Bài thơ "Lời Thơ Xin Khắc Vào Tim" của Trần Đức Phổ là một tác phẩm giàu cảm xúc, thể hiện tình yêu sâu đậm, chân thành và lãng mạn của tác giả dành cho người thương. Qua lời thơ, người đọc cảm nhận được sự gắn bó giữa tình yêu, thơ ca và thiên nhiên, đồng thời ẩn chứa triết lý nhân sinh sâu sắc về sự vô thường của cuộc đời.

1. Bố cục bài thơ
Bài thơ gồm 5 khổ, mỗi khổ 4 câu, diễn tả lần lượt:
- Ý định gửi gắm tình yêu qua những vần thơ.
- Nhận thức về sự vô thường của cõi đời.
- Sự hòa quyện tình yêu với thiên nhiên qua các mùa.

Tình yêu bất diệt, vượt qua vật chất hữu hình.

Kết thúc bằng lời khẳng định mạnh mẽ: tình yêu được khắc sâu vào trái tim.

2. Nội dung và ý nghĩa

a. Ý định gửi gắm tình yêu qua thơ (Khổ 1)

"Anh cũng muốn học đòi kẻ trước
Đem thơ mình in sách, tặng em
Khi tuổi già em ngồi mở đọc
Và mơ màng cái thuở dịu êm"

Tác giả mở đầu bằng mong muốn giản dị: in thơ thành sách để tặng người yêu. Ý thơ gợi lên sự trân trọng và ước muốn lưu giữ những kỷ niệm đẹp của tình yêu qua năm tháng. Hình ảnh "khi tuổi già em ngồi mở đọc" gợi lên khung cảnh bình yên, nơi những vần thơ trở thành cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa kỷ niệm và hiện thực.

b. Nhận thức về sự vô thường của cuộc đời (Khổ 2)

"Nhưng em ạ, trần gian cát bụi
Với tháng ngày vạn vật thành tro
Những thành quách chẳng hề trụ nỗi
Huống hồ chi là cuốn tình thơ"

Khổ thơ thứ hai chuyển sang một cảm thức triết lý. Tác giả nhận ra sự vô thường của cõi đời, nơi mọi vật đều sẽ tan biến theo thời gian. Những "thành quách" kiên cố còn không tồn tại mãi, huống chi là một cuốn thơ mỏng manh. Sự so sánh này vừa thể hiện cái nhìn thực tế, vừa làm nổi bật giá trị phi vật chất của tình yêu.

c. Tình yêu hòa quyện với thiên nhiên qua bốn mùa (Khổ 3-4)

"Thu nhớ anh em ngồi bên cửa
Ngắm lá rơi như những ngôn tình
Đông lạnh lẽo em nhìn ngọn lửa
Là ý thơ rực rỡ lung linh"

"Mùa xuân đến hoa thơm, cỏ biếc
Tiếng thơ anh theo gió bay về
Đêm tháng hạ dế mèn rả rích
Là anh ngâm thi khúc em nghe"

Hai khổ thơ này là bức tranh tình yêu hòa quyện với thiên nhiên qua bốn mùa.

Mùa thu: Hình ảnh "lá rơi" được so sánh với "những ngôn tình," mang ý nghĩa của sự lãng mạn và hoài niệm.

Mùa đông: Ngọn lửa ấm áp tượng trưng cho tình yêu, xua tan sự lạnh lẽo.

Mùa xuân: Hương hoa và sắc cỏ biếc là tiếng thơ tình yêu được gửi gắm qua gió.

Mùa hạ: Âm thanh rả rích của dế mèn trở thành nhạc nền cho những vần thơ ngọt ngào.

Qua đó, tác giả nhấn mạnh tình yêu không chỉ tồn tại trong ký ức hay hình thức hữu hình mà còn hòa lẫn vào thiên nhiên, trở thành một phần không thể thiếu của đời sống.

d. Lời khẳng định tình yêu bất diệt (Khổ 5)

"Thơ của anh chẳng in thành sách
Hòa vào trăng, vào gió, mây trời
Nếu có thể anh xin được khắc
Vào tim em hai chữ: 'Yêu Người!'"

Kết thúc bài thơ là lời khẳng định tình yêu vượt qua vật chất và hình thức. Thơ của anh không cần in thành sách mà hòa vào thiên nhiên, vũ trụ, để luôn hiện hữu bên em. Tình yêu ấy vượt qua mọi giới hạn, và lời "Yêu Người" trở thành dấu ấn vĩnh cửu, khắc sâu trong trái tim người thương.

3. Nghệ thuật

a. Ngôn ngữ giản dị, súc tích
Ngôn từ mộc mạc, gần gũi nhưng chứa đựng cảm xúc sâu sắc, dễ chạm vào trái tim người đọc.

b. Hình ảnh thơ tinh tế
Các hình ảnh thiên nhiên được chọn lọc khéo léo: lá rơi, ngọn lửa, hoa thơm, tiếng dế... đều là những biểu tượng gần gũi, giàu ý nghĩa, làm nổi bật sự gắn bó giữa tình yêu và thiên nhiên.

c. Cách sử dụng biện pháp tu từ
Nhân hóa: "Lá rơi như những ngôn tình," "ý thơ rực rỡ lung linh."
So sánh: "Những thành quách chẳng hề trụ nổi / Huống hồ chi là cuốn tình thơ."
Những biện pháp này giúp lời thơ trở nên mềm mại, giàu hình ảnh và cảm xúc.

4. Cảm nghĩ:
Bài thơ "Lời Thơ Xin Khắc Vào Tim" để lại trong lòng người đọc một ấn tượng sâu sắc về tình yêu chân thành, vượt qua mọi giới hạn của thời gian và không gian. Qua từng câu chữ, tác giả không chỉ bày tỏ tình cảm mà còn gửi gắm triết lý sống: tình yêu thật sự không nằm ở hình thức bên ngoài mà ở sự hòa quyện vào cuộc sống và tâm hồn.

Bài thơ khơi dậy trong ta lòng trân trọng những điều giản dị nhưng trường tồn: tình yêu, ký ức và sự gắn bó với thiên nhiên. Đọc bài thơ, ta như được nhắc nhở rằng, đôi khi điều quý giá nhất không phải là những thứ ta có thể cầm nắm, mà là những dấu ấn khắc sâu trong trái tim. ♦

ANH THỀ CHẲNG THÈM MÊ GÁI

Anh thề anh chẳng thèm mê gái
Dung nhan như bảy sắc cầu vồng
Chỉ có trong mưa nhìn mới thấy

Mà toàn thấp thoáng giữa hư không

Anh thề anh chẳng thèm mê gái
Suối tóc đen tuyền buông lửng lơ
Như liễu trên cành trông mềm mại
Mà trói đời nhau chặt khó ngờ

Anh thề anh chẳng thèm mê gái
Làn sóng thu ba sắc tựa dao
Trái tim dẫu mặc bao nhiêu giáp
Một nhát đưa ngang rỉ máu đào

Anh thề anh chẳng thèm mê gái
Cái miệng cười tươi, mọng quả nho
Lừng hương mật ngọt Bồ đào tửu
Không uống dưng mà cũng ngất ngư

Anh thề anh chẳng thèm mê gái
Đôi má ửng hồng như đóa sen
Giữa hồ nước rộng muôn ngàn trượng
Con bướm vàng khó nỗi mon men

Anh thề anh chẳng thèm mê gái
Có những đường cong quá tuyệt vời
Như con tàu lượn siêu cao tốc
Mạo hiểm đèo bòng mệt bở hơi!
8/9/2023

Lời bình:
Bài thơ "Anh Thề Chẳng Thèm Mê Gái" của Tú Điếc là một tác phẩm dí dỏm, hài hước nhưng không kém phần tinh tế trong việc khai thác các hình tượng để nói về vẻ đẹp của người phụ nữ. Qua những câu thơ thề thốt "chẳng thèm mê gái," tác giả lại càng làm nổi bật sự cuốn hút

kỳ diệu của phái đẹp, đồng thời để lộ nét "bất lực" hài hước của chính mình trước những hấp lực ấy.

1. Bố cục bài thơ

Bài thơ gồm 6 khổ, mỗi khổ đều có cấu trúc tương tự:

Mở đầu bằng lời thề "Anh thề anh chẳng thèm mê gái."

Sau đó miêu tả một nét đẹp đặc trưng của người phụ nữ.

Kết thúc bằng một nhận xét hoặc liên tưởng hài hước.

Cấu trúc này lặp đi lặp lại không chỉ tạo nhịp điệu mà còn nhấn mạnh sự mâu thuẫn trong lời thề và thực tế.

2. Nội dung và ý nghĩa

a. Vẻ đẹp mộng mơ và huyền ảo (Khổ 1)

"Anh thề anh chẳng thèm mê gái
Dung nhan như bảy sắc cầu vồng
Chỉ có trong mưa nhìn mới thấy
Mà toàn thấp thoáng giữa hư không"

Khổ đầu tiên gợi lên vẻ đẹp của người phụ nữ qua hình tượng "bảy sắc cầu vồng." Hình ảnh này không chỉ đẹp mà còn ẩn chứa sự huyền ảo, mong manh, khó nắm bắt. Dù có sức hút đặc biệt, nhưng cái đẹp ấy cũng "toàn thấp thoáng," khiến ta vừa khao khát vừa ngại ngần.

b. Vẻ đẹp mê hoặc của mái tóc (Khổ 2)

"Anh thề anh chẳng thèm mê gái
Suối tóc đen tuyền buông lửng lơ
Như liễu trên cành trông mềm mại
Mà trói đời nhau chặt khó ngờ"

Hình ảnh mái tóc được ví như "suối tóc đen tuyền" hay "liễu trên cành" – mềm mại, dịu dàng nhưng đầy sức mạnh. Tác giả thú nhận rằng vẻ đẹp ấy có thể "trói đời nhau chặt khó ngờ," cho thấy sự bất lực trước sự quyến rũ khó cưỡng.

c. Đôi mắt đầy sát thương (Khổ 3)

"Anh thề anh chẳng thèm mê gái
Làn sóng thu ba sắc tựa dao
Trái tim dẫu mặc bao nhiêu giáp
Một nhát đưa ngang rỉ máu đào"

Đôi mắt được ví như "làn sóng thu ba" – mềm mại nhưng sắc bén, có thể xuyên thấu mọi lớp giáp bảo vệ của trái tim. Đây là một trong những nét đẹp khiến người đàn ông dù mạnh mẽ đến đâu cũng dễ dàng gục ngã.

d. Nụ cười ngọt ngào và cuốn hút (Khổ 4)

"Anh thề anh chẳng thèm mê gái
Cái miệng cười tươi, mọng quả nho
Lừng hương mật ngọt Bồ đào tửu
Không uống dưng mà cũng ngất ngư"

Nụ cười được ví như "mọng quả nho" và "Bồ đào tửu," ngọt ngào và dễ khiến người ta say mê. Hình ảnh này không chỉ gợi cảm mà còn mang tính ẩn dụ tinh tế, khiến người đọc liên tưởng đến sự mê hoặc khó cưỡng của người phụ nữ.

e. Sự duyên dáng và e lệ (Khổ 5)

"Anh thề anh chẳng thèm mê gái
Đôi má ửng hồng như đóa sen
Giữa hồ nước rộng muôn ngàn trượng
Con bướm vàng khó nỗi mon men"

Hình ảnh đôi má ửng hồng được ví như "đóa sen" – một biểu tượng của sự thanh cao và thuần khiết. Đồng thời, tác giả khéo léo dùng hình ảnh "con bướm vàng" để gợi lên sự nhỏ bé, yếu đuối trước vẻ đẹp này.

f. Những đường cong quyến rũ (Khổ 6)

"Anh thề anh chẳng thèm mê gái
Có những đường cong quá tuyệt vời
Như con tàu lượn siêu cao tốc
Mạo hiểm đèo bòng mệt bở hơi!"

Tác giả hài hước liên tưởng những đường cong quyến rũ của người phụ nữ với "con tàu lượn siêu cao tốc." Dù hấp dẫn, đầy kích thích nhưng lại "mạo hiểm," khiến người đàn ông vừa muốn chinh phục vừa e ngại.

3. Nghệ thuật

a. Ngôn ngữ hài hước, đời thường

Tác giả sử dụng ngôn ngữ giản dị, hài hước nhưng vẫn rất hình tượng, dễ dàng khiến người đọc bật cười trước những lời thề "chẳng thèm mê gái" đầy mâu thuẫn.

b. Biện pháp so sánh và ẩn dụ

So sánh: "Dung nhan như bảy sắc cầu vồng," "Cái miệng cười tươi, mọng quả nho."

Ẩn dụ: "Làn sóng thu ba sắc tựa dao," "Đôi má ửng hồng như đóa sen."

Những biện pháp này làm nổi bật vẻ đẹp của người phụ nữ một cách sinh động và hấp dẫn.

c. Cấu trúc lặp đi lặp lại

Cấu trúc lặp "Anh thề anh chẳng thèm mê gái" không chỉ tạo nhịp điệu cho bài thơ mà còn nhấn mạnh sự mâu thuẫn hài hước trong lời thề và thực tế.

4. Cảm nghĩ:

Bài thơ "Anh Thề Chẳng Thèm Mê Gái" mang đậm tính hài hước, trào phúng nhưng lại rất gần gũi và chân thật. Qua những lời thề "chẳng thèm mê gái," tác giả thực chất đang ngợi ca vẻ đẹp đa dạng của người phụ nữ. Bài thơ không chỉ đem lại tiếng cười mà còn thể hiện sự trân trọng, say mê đầy tinh tế với phái đẹp.

Người đọc không chỉ cảm nhận được tài năng ngôn ngữ của tác giả mà còn thấy mình trong những tình huống "miệng nói không, lòng lại có." Bài thơ như một lời nhắc nhở nhẹ nhàng: cái đẹp luôn là nguồn cảm hứng bất tận và là món quà quý giá của cuộc đời. ♦

VẪN BAY TÀ ÁO LỤA

Gót ngọc năm nào ai qua đó
Để lạc mùi hương lối cỏ hoa
Lâu lắm dưng mà luôn luyến nhớ
Đôi nét u huyền bóng dáng xưa

Lật trang thơ cũ tìm hình bóng
Hoa rơi giữa lớp bụi phai mờ
Chợ tình Khau Vai về trong mộng
Cố nhân còn khuất nẻo sông hồ

Chẳng có tàn y làm kỷ vật
Vẫn còn áo lụa của ai bay
Tà huy rực rỡ chưa lịm tắt
Rọi áng mây hồng như áo ai
14/06/2022

Lời bình:
Bài thơ "Vẫn Bay Tà Áo Lụa" của Trần Đức Phổ mang đậm chất hoài niệm, trữ tình và sâu lắng. Qua những hình ảnh giàu tính biểu tượng, tác giả tái hiện lại ký ức về một bóng hình xưa, đồng thời để lại trong lòng người đọc cảm giác bâng khuâng trước vẻ đẹp của tình yêu và những kỷ niệm cũ.

1. Bố cục bài thơ
Bài thơ gồm ba khổ, mỗi khổ là một mảnh ghép của ký ức, tạo thành bức tranh hoài niệm:

Khổ 1: Gợi nhớ một hình bóng đã qua, in dấu trong tâm trí.

Khổ 2: Tìm lại hình ảnh cũ qua những trang thơ và mộng tưởng.

Khổ 3: Vẻ đẹp của kỷ niệm hiện diện qua hình ảnh tà áo lụa và ánh chiều tà.

2. Phân tích nội dung

a. Khổ 1: Hoài niệm về bóng dáng xưa

"Gót ngọc năm nào ai qua đó
Để lạc mùi hương lối cỏ hoa
Lâu lắm dưng mà luôn luyến nhớ
Đôi nét u huyền bóng dáng xưa"

Mở đầu bài thơ, tác giả sử dụng hình ảnh "gót ngọc" – biểu tượng của vẻ đẹp thanh thoát, dịu dàng. "Lạc mùi hương lối cỏ hoa" gợi lên sự xuất hiện thoáng qua nhưng để lại dư âm sâu sắc trong lòng người.

Cụm từ "lâu lắm dưng mà luôn luyến nhớ" thể hiện nỗi nhớ nhung dai dẳng, vượt thời gian. "Đôi nét u huyền bóng dáng xưa" gợi lên hình ảnh một bóng hình mơ hồ nhưng ám ảnh, như một dấu ấn không phai mờ trong ký ức.

b. Khổ 2: Tìm lại hình bóng trong mộng tưởng

"Lật trang thơ cũ tìm hình bóng
Hoa rơi giữa lớp bụi phai mờ
Chợ tình Khau Vai về trong mộng
Cố nhân còn khuất nẻo sông hồ"

Khổ thơ này là hành trình tìm kiếm trong quá khứ. "Trang thơ cũ" tượng trưng cho kỷ niệm, nhưng lớp "bụi phai mờ" cho thấy thời gian đã phủ lên một lớp che phủ, khiến những ký ức không còn rõ nét.

Hình ảnh "Chợ tình Khau Vai" gợi nhắc về một nơi đặc biệt, nơi những mối tình dang dở tìm lại nhau. "Cố nhân còn khuất nẻo sông hồ" diễn tả sự xa cách, mơ hồ, như thể bóng hình ấy mãi nằm ở nơi xa xôi, không thể chạm tới.

c. Khổ 3: Tà áo lụa và ánh hoàng hôn

"Chẳng có tàn y làm kỷ vật
Vẫn còn áo lụa của ai bay
Tà huy rực rỡ chưa lịm tắt

Rọi áng mây hồng như áo ai"
Khổ cuối sử dụng hình ảnh "tà áo lụa" – một biểu tượng cho vẻ đẹp mềm mại, thanh tao. Dù không có "tàn y" làm kỷ vật cụ thể, nhưng hình ảnh tà áo lụa trong ký ức vẫn sống động, như một mảnh hồn tinh khiết của quá khứ.

Hình ảnh "tà huy rực rỡ chưa lịm tắt" và "áng mây hồng" gợi lên vẻ đẹp lộng lẫy nhưng mong manh của buổi chiều tà. Sự so sánh này không chỉ thể hiện vẻ đẹp của tà áo lụa mà còn hàm ý về những ký ức đẹp, dù đã qua nhưng vẫn rực rỡ trong tâm trí người nhớ.

3. Nghệ thuật

a. Ngôn ngữ trữ tình, gợi cảm

Ngôn ngữ trong bài thơ giàu tính nhạc và hình ảnh, mang đến cho người đọc cảm giác nhẹ nhàng, sâu lắng. Những từ ngữ như "gót ngọc," "mùi hương," "bóng dáng xưa" khơi gợi cảm xúc hoài niệm rất tinh tế.

b. Biện pháp ẩn dụ và biểu tượng

"Tà áo lụa": Biểu tượng cho vẻ đẹp thanh tao, thuần khiết, gắn liền với ký ức về một bóng hình xưa.

"Tà huy," "mây hồng": Ẩn dụ cho ký ức đẹp, dù đã xa nhưng vẫn sáng ngời trong lòng người.

c. Hình ảnh gắn với thời gian và không gian

Tác giả khéo léo kết hợp thời gian ("lâu lắm," "tà huy chưa lịm tắt") và không gian ("nẻo sông hồ," "chợ tình Khau Vai") để nhấn mạnh sự xa cách, mơ hồ của ký ức.

4. Cảm nghĩ

Bài thơ "Vẫn Bay Tà Áo Lụa" là một bản hòa ca của ký ức và tình cảm. Qua những hình ảnh giàu chất thơ, tác giả khơi gợi cảm xúc hoài niệm, khiến người đọc không khỏi rung động trước vẻ đẹp của những kỷ niệm xưa cũ.

Tác phẩm như một lời nhắc nhở về giá trị của ký ức trong cuộc sống. Dù thời gian trôi qua, những ký ức đẹp vẫn có thể là nguồn động lực và cảm hứng để ta trân trọng hiện tại. "Tà áo lụa" của quá khứ không chỉ là một hình ảnh, mà còn là biểu tượng của những điều tốt đẹp mà chúng ta từng trải qua. ♦

HẾT



Mục lục

